

Nguyệt san



BỘ MỚI

CHÁNH PHÁP

HOẢNG PHÁP



TÍN TỨC PHẬT SỰ



VĂN HỌC PHẬT GIÁO



VÔ THƯỜNG THỊ THUỜNG
(Kinh Niết Bàn)

12

THÁNG 11.2012



SỐ 12

THÁNG 11.2012

Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: info@chanhphap.us

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐD. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình bìa: **Tâm Thanh**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ◆ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ◆ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ◆ **ẢO HÓA / BƯỚC VÂN DU / LỤC BÁT THIÊN / PHÁP HOA MỘT CÔI** (thơ ĐNT Tín Nghĩa, Cát Tường, Xuân Mai, Tâm Thường Định), trang 7
- ◆ **LÝ DUYÊN SINH HAY TINH THẦN VÔ NGÃ** (Thích Nguyên Siêu), trang 8
- ◆ **TỊCH TỈNH** (thơ Trúc Nguyên), trang 9
- ◆ **CƠN NGƯỜI ĐƯỢC SANH RA TỪ ĐÂU?** (HT. Thích Thắng Hoan), tr. 10
- ◆ **CHUYỆN ĐÀN CHIM SA BAY DO BẤT HÒA** (Thích Nguyên Hiệp), trang 14
- ◆ **NGŨNG VỌNG TÔN SỰ** (thơ Thích Minh Tuệ), trang 16
- ◆ **HÌNH ẢNH LỄ HỦY KÝ ĐLHT THÍCH MINH GIÁC VÀ TUẦN THẤT THỨ 5 ĐLHT THÍCH MINH CHÂU**, trang 17
- ◆ **BUDDHAGHOSA VÀ LEV TOLSTOY...** (Thích Phước An), trang 18
- ◆ **THU CỪA ME, CHÀO HÒI QUÊ HƯƠNG...** (thơ Phù Du), trang 23
- ◆ **HÌNH ẢNH LỄ CHUNG THẤT ĐLHT THÍCH MINH CHÂU TẠI BẮC CALIF.** (Quảng Thọ), trang 24
- ◆ **CẦU NGUYỆN VÀ TỤNG KINH** (Tâm Diệu), trang 26
- ◆ **GỌI PHẬT BẮNG BẠN** (Ns. Thích nữ Trí Hải), trang 28
- ◆ **NĂM PHƯƠNG TIỆN PHÁP MÔN NIỆM PHẬT** (Thích Đức Trí), trang 29
- ◆ **LỪNG THƯỜNG ĐẾN, LỪNG THƯỜNG ĐI...** (thơ Huệ Trân), trang 31
- ◆ **HÌNH ẢNH TANG LỄ CƯ SĨ NGUYỄN NGỌC CHÂU** (Dzũng Nguyên), trang 32
- ◆ **KIỆP NGƯỜI** (thơ Ngọc Châu), trang 33
- ◆ **HÒA THƯỢNG TÂM TRÍ, MINH CHÂU, VIÊN DUNG, VỊ SỰ-THẦY TÀI ĐỨC VÊN TOÀN** (Thích Trùng Sỹ), trang 34
- ◆ **MÀU XANH – BÂY GIỜ...** (Mặc Phương Tử), trang 36
- ◆ **GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH TỪ BI TV**, trang 37
- ◆ **NHỚ THẦY, NHỚ CHÙA, NHỚ QUÊ HƯƠNG, NGUỒN CỘI** (Thích Minh Tuệ), trang 38
- ◆ **TÂM THƯ KHẢN THIẾT CHÙA THIÊN TRÚC** (Thích Thiện Long), trang 42
- ◆ **MỀ VÀ NGỌ** (TK. Thích Giác Tín), trang 47
- ◆ **HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG – song ngữ, chương 1, tiếp theo** (Thích Nguyên Tạng dịch), trang 48
- ◆ **CƠN ĐƯỜNG BÒ TÁT** (Tâm Minh Vương Thúy Nga), trang 54
- ◆ **NẤU CHAY: ĐẬU VE XẢO NẤM** (Diệu An), trang 57
- ◆ **THAY TIM** (Bs. Nguyễn Ý Đức), tr. 59
- ◆ **PHẬT CÁT THỊT GIẢI CỨU CHIM BÒ CẦU - truyện song ngữ** (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 61
- ◆ **TÍN TÂM VUN XÓI PHƯỚC DIỀN...** (Tịnh Minh soạn dịch), trang 62
- ◆ **THU XƯA** (thơ Yên Chi), trang 63
- ◆ **PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM – 5. BUD-DHIST STORY / CHUYỆN PHẬT GIÁO** (Tâm Minh Ngô Tăng Giao dịch), trang 64
- ◆ **DƯ CHẤN CỦA TRÁI TIM** (Thánh Thủy dịch), trang 66
- ◆ **BÔNG NHỎ CHIÊU THU** (Lam Khê), trang 68
- ◆ **HẠT SƯƠNG BIỂN CẢ** (thơ Chân Minh Trí), trang 70
- ◆ **TƯỢNG PHẬT TỬ TỶ DI CHÚC CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ PHÁP** (Huyền Lam) trang 71
- ◆ **MỘT PHO TƯỢNG PHẬT GIÁO ĐƯỢC TẠC BẰNG THIÊN THẠCH...** (Hoang Phong biên soạn), trang 72
- ◆ **BA MẠ VÀ NÔ** (TN. Giới Định), tr. 74
- ◆ **THƯ MỜI THAM DỰ ĐÊM THÁP NÉN CẦU NGUYỆN & LỄ VÍA QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT** (TV. Chân Không), tr. 79
- ◆ **TÂM THƯ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí), trang 80



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP

11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp Số 12, tháng 11 năm 2012, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

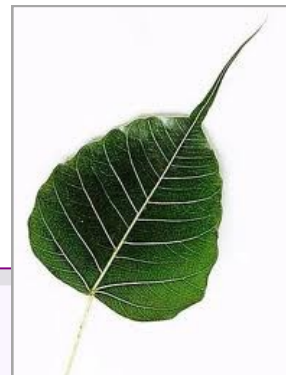
Trời đã vào thu. Sớm mai, gió nhẹ bên ngoài đủ đưa khí lạnh len vào cửa sổ để hé. Nhìn ra vườn có thể thấy sương mù bao phủ những thân cây trụi lá, khẳng khiu; và đâu đó trên các lối đi, lá vàng khô chưa kịp quét dọn đã dày thêm một lớp.

Mùa thu đến, đã làm cho lá vàng đi. Người ta vẫn thường nói hoặc nghĩ như thế. Kỳ thực mùa thu không làm cho lá vàng. Mùa thu chỉ là một trong những nhân duyên tác động lên cỏ cây, hoa lá. Cũng như gió không làm cho những chiếc lá kia rụng đi, mà chỉ là điều kiện cho sự rơi rụng nhanh hơn của lá. Nếu tự bản chất lá không biến hoại thì trăm mùa thu cũng chẳng đổi được màu, ngàn cơn gió cũng không lay được khỏi cành.

Bản chất của mùa thu cũng không cố định; nếu là cố định, sẽ không có các mùa đông, xuân, hạ. Bản chất của gió cũng không cố định; nếu là cố định, gió sẽ không chuyển dịch (không chuyển dịch thì gió không phải là gió), mà nếu chuyển dịch, sẽ không bao giờ ngưng, không bao giờ tăng hoặc giảm cường độ. Như vậy, bản chất của một vật đã không cố định mà những cái tác động (thuận hay nghịch) lên vật ấy cũng không cố định. Tất cả mọi sự mọi vật đều duyên với nhau mà sinh hay diệt. Do vì phải duyên với nhau để sinh, không có cái gì có tự tánh độc lập, không có cái gì có bản chất riêng của nó. Bản chất của sự vật chính là không có tự tánh. Nhờ không có tự tánh mà nó mới duyên được với cái không phải là nó. Lý này được gọi là vô thường, là duyên sinh; cũng gọi là vô tự tính hay vô ngã. Nói cách khác, (bản) thể của sự vật là vô ngã, vô tự tánh; (hoạt) dụng của sự vật là duyên sinh; tướng (trạng) của sự vật là vô thường.

Chúng ta thường chỉ nhìn hiện tượng hoại diệt của con người và cuộc đời mà sinh khổ đau, hờn oán. Nếu quán sát sâu sắc bản chất của muôn vật, sẽ thấy vô thường cũng có bộ mặt khả ái, dễ chịu của nó. Vô thường, biến đổi, chẳng phải là tốt đẹp lắm hay sao? Không có vô thường làm sao một hài nhi có thể trưởng thành; làm sao một phàm phu có thể tiến lên quả vị Phật; làm sao một kẻ mê lầm có thể trở thành người tỉnh giác; làm sao một kẻ vướng mắc trói buộc có thể trở nên giải thoát tự tại! Và làm sao những sầu đau thống khổ của mình, của trần gian có thể vơi đi được nếu cái gì sinh ra cũng tồn tại mãi không đổi thay?

Sương mai tan dần trong nắng thu dịu dịu. Lá vàng như sẫm màu hơn. Thoang thoảng hương thơm của một loài cỏ nào đó. Tiếng gió reo vui qua hàng thông xanh đầu ngõ, vọng về một điệu nhạc êm đềm. Lòng thanh thản, bên chung trà nóng, lật từng trang sách vào thu...



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

MIẾN ĐIỆN: Nhà sư điều hành việc tặng gạo cho người dân Kachin

RANGOON, Miến Điện - U Nyanithara, một trong những cao tăng có uy tín nhất của Miến Điện, sẽ tặng 100 bao gạo cho người dân ở Putao, một huyện ở miền cực bắc của bang Kachin, nơi người dân đang phải đối mặt với sự thiếu hụt từ vài tháng nay.

Những bao gạo đã được gửi đến thủ phủ Myitkyina của bang Kachin bằng xe lửa. Sư Nyanithara sẽ có mặt tại đó vào ngày 12-10-2012 để tiếp nhận gạo.

Số gạo này đã được mua thông qua tổ chức từ thiện Phật giáo vốn hoạt động trên toàn quốc của sư Nyanithara.

U Nyanithara, còn gọi là Thidagu Sayadaw, được nhiều người Miến Điện ngưỡng mộ về những bài thuyết pháp có nội dung nói về dân chủ một cách công khai của ông. Ông đang hoạt động về nhân quyền và nổi tiếng về các dự án cấp nước, gọi là Tài trợ Nước Thigadu. Ông cũng đã giúp thành lập các nhóm từ thiện Phật giáo ở Hoa Kỳ, Canada, Úc và châu Âu.

(Irrawaddy - October 3, 2012)



Cao tăng U Nyanithara - Photo: Nan Thiri Lwin

BỒ ĐÀO NHA: Phật tử Bồ Đào Nha tìm được ngôi nhà mới ở Công viên Monsanto

Lisbon, Bồ Đào Nha - Vào tháng 11-2012, việc sửa sang một tòa nhà ở Công viên Monsanto sẽ khởi động để nơi này trở thành 'Casa da Paz' (Ngôi nhà của Hòa bình) của Hiệp hội Phật giáo Bồ Đào Nha (UBP).

Tòa Thị chính Lisbon đã phê duyệt dự án có kinh phí 350.000 Euro này. Và một phần của kinh phí đã được UBP đáp ứng qua dự án 'Một Ngôi chùa cho Monsanto' của họ.

Công trình Casa da Paz, nhằm mục đích trở thành 'một nơi phát huy các hoạt động về văn hóa xã hội, điều trị và tinh thần', sẽ được hoàn thành vào mùa hè năm sau.

(Tipitaka Network - October 3, 2012)

MIẾN ĐIỆN: Chư tăng biểu tình tại Đại sứ quán Bangladesh để phản đối các cuộc tấn công chùa chiền và nhà của Phật tử

Yagoon, Miến Điện - Vào ngày 5-10-2012, hơn 100 nhà sư ở Miến Điện đã biểu tình tại Đại sứ quán Bangladesh để phản đối các vụ tấn công gần đây nhằm vào các chùa và nhà của Phật tử tại Bangladesh.

Chư tăng tổ chức cuộc biểu tình này để phản ứng đối với các cuộc bạo loạn tại huyện duyên hải Cox's Bazar của Bangladesh vào ngày 30-9-2012. Hàng nghìn người Hồi giáo tại đó đã phóng hỏa ít nhất 10 ngôi chùa và 40 ngôi nhà vì cho rằng một Phật tử đã đăng trên Facebook hình một cuốn kinh Koran bị đốt cháy.

Vào ngày 03-10-2012, tại thủ đô Bangkok của Thái Lan, khoảng 300 nhà sư đã tổ chức một cuộc biểu tình tương tự bên ngoài văn phòng khu vực của

Liên Hiệp quốc.
(AP - October 5, 2012)



Cuộc biểu tình của chư tăng Miến Điện (ảnh trên) và Thái Lan (ảnh dưới) để phản đối các vụ tấn công chùa chiền và nhà của Phật tử tại Bangladesh - Photos: AP và AFP



ẤN ĐỘ: Triển lãm các hiện vật Phật giáo có niên đại từ thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên

Darjeeling, West Bengal - Ngày 5-10-2012, cuộc triển lãm các hiện vật Phật giáo có niên đại từ thế kỷ thứ 2 trước Công nguyên đã được khai mạc tại Dinh Thống đốc (Raj Bhawan) bang West Bengal ở thành phố Darjeeling.

Triển lãm mang tên 'Nghệ thuật và Thủ công mỹ nghệ Phật giáo của Nam Á', với các hiện vật gồm tượng và các mô hình miêu

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

tả về mọi giai đoạn của cuộc đời Đức Phật, về sự chuyển đổi của Phật giáo và sự tiến hóa của hình thức nghệ thuật Phật giáo.

Các hiện vật được thu thập từ Tây Tạng, Bhutan, Miến Điện, Sikkim và Darjeeling.

Triển lãm kéo dài đến ngày 11-10-2012. Đây là một trong những dịp hiếm có, khi các cổng của Dinh Thống đốc tại thành phố Darjeeling được rộng mở cho công chúng với sự hiện diện của chính Thống đốc.

(telegraphindia.com – October 6, 2012)



Dinh Thống đốc bang West Bengal, nơi tổ chức triển lãm Nghệ thuật và Thủ công mỹ nghệ Phật giáo của Nam Á - Photo: Wikipedia

MÃ LAI: Chính quyền Liên bang cấp quỹ nâng cấp trụ sở của Hội Phật giáo Subang Jaya

Tòa nhà của Hội Phật giáo Subang Jaya (SJBA) được xây vào năm 1996 nhờ sự giúp đỡ của cựu dân biểu Datuk Lee Hwa Beng của thị trấn Subang Jaya, cũng như của các nhà tài trợ và những người đóng góp hào phóng.

Sau gần 2 thập kỷ, tòa nhà đang đối mặt với những hạn chế về không gian do số lượng tín đồ tăng, và do nhiều hoạt động tại đó được tiến hành một cách thường xuyên.

Gần đây, SJBA đã nhận được 30.000 RM từ chính quyền liên bang để bảo trì và nâng cấp trụ sở của hội.

Ông Datuk Donald Lim, Thứ trưởng Bộ Tài chính kiêm chủ tịch thường trực MCA (Hội Mã-Hoa), đã trao SJBA một ngân phiếu cho số tiền này.

Ông Lim nói tất cả các tôn giáo đã khuyến khích tín đồ của mình làm điều tốt cho người khác, và trong những năm qua SJBA đã

cung cấp một nơi cho tín đồ để cải thiện bản thân.

"Mặc dù Hồi giáo là tôn giáo chính thức, Chính quyền Liên bang đã tiếp tục bảo trợ cho các tôn giáo khác", ông Lim nói.

(bignewsnetwork.com – October 6, 2012)

ĐÀI LOAN: Hội nghị Phật Quang tại thành phố Cao Hùng

Hội Phật Quang Quốc tế (BLIA) tổ chức Hội nghị các Trụ sở BLIA Thế giới năm 2012, diễn ra từ ngày 11 đến 14-10-2012 tại Tu viện Phật Quang Sơn ở Cao Hùng. Có khoảng 2.000 đại diện của hơn 100 giáo hội từ 38 nước tham dự sự kiện thường niên quan trọng này. Chủ đề của hội nghị năm nay là 'Hạnh phúc và Tâm tịnh'.

BLIA được thành lập tại Los Angeles, California vào ngày 16-5-1992 nhằm thúc đẩy Phật giáo nhân văn, nhấn mạnh về giáo dục, văn hóa, trồng trọt và dịch vụ và đã đạt được những thành tựu cụ thể trong các lĩnh vực này.

BLIA là tổ chức phi chính phủ Trung Hoa đầu tiên được liệt kê thuộc Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên Hiệp Quốc.

(The China Post – October 9, 2012)



Poster của Hội nghị các Trụ sở BLIA Thế giới 2012 - Photo: Tu viện Phật Quang Sơn

NHẬT BẢN: Chùa Byodoin trưng bày tranh Phật giáo thời Heian

Kyoto, Nhật bản – Từ ngày 6-10 đến 14-12-2012, chùa Byodoin ở Kyoto sẽ trưng bày bức tranh Phật giáo nổi tiếng "Nissokan-zu", một bảo vật quốc gia mô tả một dạng thiền định từ

thời Heian (794-1185).

Kể từ khi chùa Byodoin được thành lập vào thế kỷ thứ 11, chỉ có một nhóm người nhỏ tiếp cận được với tranh Nissokan-zu, vốn được vẽ trên 2 cánh cửa đặt phía sau pho tượng Phật Di Đà chính của chùa.

Mỗi tranh gốc được vẽ trên 2 cửa này cao khoảng 2,6 m và rộng khoảng 1,2 m. Tranh trên cửa bên trái vẽ cảnh mặt trời lặn trên biển, còn trên cửa bên phải là cảnh núi non và một Phật tự.

(Mahabodhi IP – October 9, 2012)



Tranh gốc Nissokan-zu (bên phải) và bản sao – được triển lãm tại chùa Byodoin ở Kyoto - Photo: Kazunori Takahashi



Bể chứa nước được tìm thấy ở di tích trên ngọn đồi ở làng Gudiwada - Photo: C.V Subrahmanyam

ẤN ĐỘ: Phát hiện bằng chứng của di tích Phật giáo

Vizianagaram, Andhra Pradesh – Cục Khảo cổ và Bảo tàng

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

đã tình cờ tìm thấy bằng chứng của một địa điểm di sản Phật giáo tại làng Gudiwada của khu Bhogapuram ở huyện Vizianagaram.

Di tích nằm trên ngọn đồi nhỏ ở bờ sông Gosthani. Ở những độ cao khác nhau trên đồi, người ta phát hiện những bằng chứng về một bảo tháp tròn, một bể chứa nước nhỏ trông như cấu trúc được chạm khắc từ đá và những viên gạch lớn có kích thước 52 cm x 27 cm và dày 7 cm, cũng như những mảnh sứ màu đỏ và gốm trang trí.

Khoảng một nửa đỉnh đồi đã bị san phẳng và hai công trình trông giống như đền thờ đã được xây dựng, có lẽ do dân làng xây cách đây khoảng nửa thế kỷ.

(buddhistchannel.tv – October 10, 2012)

NAM HÀN: Phật tử Nam Hàn đến dự lễ chung tại Bắc Hàn

Seoul, Nam Hàn – Ngày 12-10-2012, chính phủ Nam Hàn nói rằng Phật tử nước này sẽ thăm Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên (DPRK) vào cuối tuần này để tham dự một buổi lễ Phật giáo chung.

Một phái đoàn gồm 20 thành viên đại diện cho tông phái Tào Khê, Phật phái lớn nhất của đất nước này, sẽ gặp các đối tác từ Liên đoàn Phật giáo của DPRK vào ngày 13-10. Hai bên sẽ dự chung buổi lễ kỷ niệm năm thứ 5 của việc tái thiết chùa Shiye.

Hai nhóm này đã ủng hộ việc tu sửa ngôi chùa Shigye, vốn bị phá hủy trong cuộc chiến tranh Triều Tiên (1950-1953).

(Big News Network – October 2012)

HOA KỲ: Đức Đạt lai Lạt ma thăm Massachusetts

Cambridge, Massachusetts – Bắt đầu vào cuối tuần này, Đức Đạt lai Lạt Ma sẽ thăm Massachusetts.

Theo lịch trình, vào Chủ nhật 14-10, ngài sẽ có một buổi nói chuyện với chủ đề “Ngoài tôn giáo: Đạo đức, Giá trị và An sinh” tại Trung tâm Đạt lai Lạt ma về Đạo đức và Giá trị Chuyển hóa (thuộc Viện Công nghệ Massachusetts). Sau đó ngài sẽ tham dự

buổi hòa nhạc của ca nhạc sĩ James Taylor, người từng đoạt giải Grammy.

Vào thứ Hai 15-10, trong cuộc nói chuyện có tiêu đề “Các hệ thống toàn cầu 2.0”, Đức Đạt lai Lạt ma sẽ tập trung vào đạo đức, kinh tế, môi trường, hòa bình, quản lý nhà nước và sự giảm dần các nguồn tài nguyên.

Vào thứ Ba 16-10, ngài sẽ dạy về các giai đoạn thiền định và thảo luận về Phật giáo trong thế kỷ 21.

(AP – October 13, 2012)



Đức Đạt lai Lạt ma - Photo: Neilson Barnard

SCOTLAND: Cộng đồng Phật giáo sẽ thành lập một Trung tâm Hòa bình Thế giới trên bờ hồ Loch Ness

Sau chuyến thăm thành công của Đức Đạt lai Lạt ma vào năm nay, cộng đồng Phật giáo ở Scotland đã quyết định thành lập một trung tâm Hòa bình Thế giới trên bờ hồ Loch Ness.

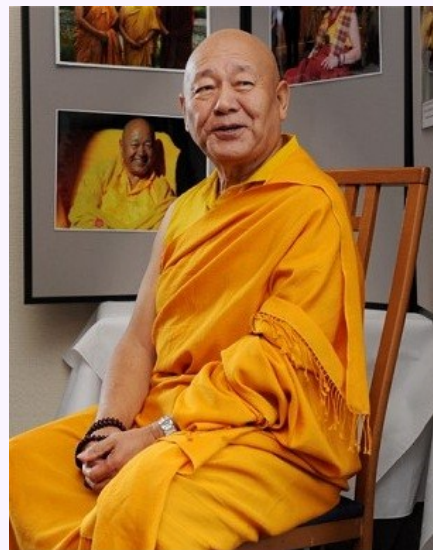
Trong chuyến tham quan 5 ngày tại Highlands (vùng núi ở miền bắc Scotland) Đại sư Yeshe Losal, người sáng lập dự án Thánh Đảo và là trụ trì của Tu viện Samye Ling ở Dumfriesshire, cho biết ông đã chọn một khu đất cách Inverness khoảng 14 dặm và cũng đã xem những khu khác ở cả hai bờ của hồ này.

Giải thích rằng Highlands là một trong những nơi “ưa thích nhất” của Đức Đạt lai Lạt ma tại Scotland, Đại sư Yeshe còn thừa nhận rằng bản thân mình có một niềm đam mê đối với quái vật Loch Ness.

Ông dự kiến trung tâm Hòa bình Thế giới này sẽ dạy yoga, thái cực quyền, thiền định và chữa trị, nhưng không nhất thiết

có những ảnh hưởng của Phật giáo. “Đây sẽ là một nơi rất đặc biệt, chào đón bất cứ ai mang lại bất cứ điều gì có thể hoạt động và chia sẻ được với những người khác dưới một mái nhà”, ông nói.

(The Telegraph – October 16, 2012)



Đại sư Yeshe Losal và cảnh hồ Loch Ness - Photo: CASCADE NEWS



TRUNG QUỐC: Tìm được 2 đầu tượng Phật cổ bị trộm

Ngày 15-10-2012, cảnh sát đã tịch thu một cặp đầu tượng Phật 1.400 năm tuổi vô giá từ bọn trộm

di tích. Đây là các đầu tượng đã bị tháo rời từ các tượng Phật trong một hang núi ở Tế Nam, tỉnh Quảng Đông vào tháng 9-2012.

Cảnh sát đã bắt 2 nghi phạm và tìm thấy các di tích bị đánh cắp này trong nhà của một trong các nghi phạm. Cảnh sát cũng triệt phá 3 băng nhóm cướp mộ, và bắt giữ 13 người bị tình nghi trộm cắp di tích.

Đầu năm nay, một người đàn ông đã bị kết án 13 năm tù và bị phạt 2.000 đô la vì tội đột nhập vào Cung Bảo tàng (tức Tử Cấm Thành trước kia) - vốn được canh phòng cẩn mật - và lấy trộm 9 tác phẩm nghệ thuật làm bằng vàng và các đồ trang sức vào tháng 5-2011.

(Big News Network - October 16, 2012)

HÀN QUỐC: Chương trình “Ở tại chùa” của Hàn quốc kỷ niệm 10 năm hoạt động

Theo đề nghị của Hội đồng Văn hóa Phật giáo Hàn quốc, chương trình Ở tại chùa của Tông phái Phật giáo Hàn quốc Tào Khê sẽ kỷ niệm 10 năm hoạt động vào ngày 31-10 năm nay. Ý tưởng đằng sau chương trình là cung cấp cho du khách đến Hàn quốc một cơ hội để “trải nghiệm cuộc sống của những người thực hành Phật giáo tại các đền chùa truyền thống”.

Thượng tọa Beopjin, người đứng đầu Hội đồng Văn hóa Phật giáo Hàn quốc, hình dung một sự thay đổi nhỏ để làm cho chương trình đã thành công này được rõ nét trong thập niên tới.

Ông nói, “Trong Mùa thứ 2, chúng tôi sẽ chung tay với các cơ quan du lịch quốc tế để tiếp đón nhiều du khách nước ngoài hơn. Chúng tôi sẽ phân định chương trình của mình theo tuổi tác, theo sự quen thuộc với chương trình và theo các sự cân nhắc khác. Chúng tôi sẽ phát triển sự kiện này thành một cuộc vận động văn hóa Phật giáo”.

Chương trình Ở-tại-chùa cải tiến cũng sẽ hoạt động và phát huy “ấm thực đền chùa, phát triển nội dung văn hóa Phật giáo có liên quan và tạo ra một mạng lưới đặt chỗ trước”.

(Buddha Dharma - October 18, 2012)



Hình ảnh một sinh hoạt của chương trình Ở tại chùa—Photo: Google

MÃ LAI: Hợp xướng tưởng niệm Thượng tọa Chuk Mor

Penang, Mã Lai - Ngày 19-10-2012 tại Dewan Sri Pinang, Penang, các thành viên dàn hợp xướng từ các tổ chức Phật giáo đã trình diễn những bài đạo ca tại một buổi hòa nhạc.

400 ca sĩ từ 15 tổ chức trên khắp đất nước đã hát trong 3 giờ trước 2.000 người để tưởng niệm cố Thượng tọa Chuk Mor, vị sư tổ Phật giáo Trung Hoa của Mã Lai. Sinh tại Chiết Giang, Trung quốc, Thượng tọa Chuk Mor đến Penang vào năm 1953 để truyền bá Phật pháp. Ông viên tịch ở tuổi 90 vào năm 2002.

Thượng tọa Chuk Mor cũng là một nhà sư tài hoa về tranh, thư pháp và thơ Trung Hoa.

Lời các bài đạo ca của buổi hòa nhạc này được dựa theo các bài thơ của ông.

(thestar.com.my - October 19, 2012)

ÚC : Ni cô hát Ani Choying Drolma sẽ lưu diễn tại Úc

Ca sĩ nổi tiếng và là ni cô Ani Choying Drolma sẽ bắt đầu lưu diễn tại Úc vào ngày 3-11-2012. Chương trình do Trung tâm Phật giáo Jamchen giới thiệu và cô sẽ trình diễn tại Melbourne, Castlemaine, Sydney, Byron Bay & Brisbane.

Cô đã phát hành hơn 10 album thành công được hát bằng tiếng Tây Tạng, tiếng Phạn và

tiếng bản ngữ Nepal của mình; đã xuất bản cuốn tự truyện ‘Hát cho Tự do’, và trong nhiều năm qua đã thành lập một số tổ chức từ thiện để giúp những ni cô trẻ được học hành và để cung cấp các cơ sở y tế ở Nepal, bao gồm trường Arya Tara ở ngoại ô thủ đô Kathmandu.

(abc.net.au - October 21, 2012)



Ni cô hát Ani Choying Drolma - Photo: ABC



Ani Choying Drolma đang trình diễn

Hư Ảo

Ta ngồi đây với gian phòng tĩnh lặng,
Đưa tay ra để đón lấy hư vô,
Chung quanh ta đây đều là mộng ảo,
Đưa mắt nhìn theo những chuyện mơ hồ....

Không gian bao la, thời gian vô tận,
Mảnh hình hài ôm tất cả vào thân,
Tĩnh tới tĩnh lui chỉ là huyền mộng,
Đến tận cùng rồi không vẫn hoàn không!..

Nhắm mắt bước đi chân cao chân thấp,
Vớ tay cao mà chẳng được gì đâu?
Mở mắt ra nhìn đều là trống vắng,
Chỉ nương theo với một tiếng kinh cầu.

Mạnh thu Nhân thin - 2012

Điều ngự tử TÍN NGHĨA

Bước vân du

Ta đi quẩy gánh vô thường
Rong chơi khắp nẻo miên trường phù du
Ba-lô trĩu nặng mây mù
Ưu phiền đem đổi vân du mây ngàn
Bước chân triền đá thênh thang
Vô biên sông núi vang vang ta cười.

CÁT TƯỜNG

Lục Bát Thiên

VÔ NGÃ
Đi từ hạt bụi uyên nguyên
Từ trong vũ trụ về miền thái hư
Em từ giọt nước Chân Như
Cái Tâm vô ngã thiên thư đất trời

BIẾN THIÊN
Đất trời vô thủy vô chung
Biến thiên vạn hóa trong cùng thế gian
Thân em như hạt cát vàng
Đi từ muôn kiếp cưu mang hình hài

HIỆN HỮU
Ta như giọt nước ngoài khơi
Mênh mông trời đất nổi trôi bèo bọt
Nằm nghe nhịp võ hư không
Thấy em hiện hữu trong dòng thế gian.

XUÂN MAI

Pháp Hoa Một Cõi

Lá vàng lác đác bên sông
Rừng Thu vắng lặng trời trong mây hồng
Màng chi Xuân Hạ Thu Đông
Áng mây vô trụ thông dong gót hồng.

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

thơ



LÝ DUYÊN SINH HAY TINH THẦN VÔ NGÃ

Thích Nguyên Siêu

Tất cả đều là giả tạm và cuộc đời là một nỗi đau khổ lớn. Đây là động cơ lớn thúc đẩy Thái tử ra đi tìm chân lý.

Ngài đã từ giả tất cả những gì yêu quý nhất đời Ngài, để rồi bao nhiêu năm thể nghiệm về nỗi thống khổ đang hiện hữu giữa muôn loài, Ngài đã khám phá ra nguyên nhân của những khổ đau ấy, đó chính là chấp ngã. Vì lý do chấp ngã mà tạo thành bao hình trạng của đời này.

Sau khi Thái tử đã thể hội Lý Duyên Sinh và hoàn toàn giác ngộ thành bậc Chánh Đẳng Giác, một hôm Đức Phật dạy Ngài A Nan rằng: *"Này A Nan, chính vì không giác ngộ, không thấu hiểu giáo pháp này mà chúng sinh hiện tại rối loạn như ổ kén; rối ren như ống chỉ; giống như cỏ munja và lau sậy babaja, không thể nào ra khỏi khổ xứ, ác thú, đọa xứ và sanh tử"*.

Trong ý nghĩa này, Đức Phật đã hệ thống hóa vòng xích 12 nhân duyên nổi chuyển từ vô minh đến sanh, lão, tử:

"do Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Thập, Lục Thập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh Lão Tử, mà hình thành một khối khổ đau doanh vầy và quấn chặt lấy nhau".

Từ đây chúng ta thấy rằng do nhơn duyên nên mọi hiện tượng được tạo thành, và vì có duyên sinh nên tự thể của các sự vật thì vô ngã, vô thường, khổ, không, chịu sự hủy diệt. Như vậy đây là toàn bộ khổ uẩn của 12 móc xích nhân duyên sinh khởi và toàn bộ khổ uẩn này hủy diệt mà thật ra ta không thấy có một cái ngã nào sinh khởi và hủy diệt cả. Có người đặt câu hỏi: Ai vô minh? Ai hành? Ai cảm xúc? và Ai khổ?... Câu hỏi này không thích hợp với tinh thần giáo lý Duyên khởi, mà ngược lại chúng ta phải đặt câu hỏi là: Do nguyên nhân nào mà vô minh hiện hữu? Khổ hiện hữu? Như vậy mới đúng trên nguyên tắc lập luận và như vậy câu trả lời sẽ là: Sở dĩ có khổ hiện hữu là vì do xúc mà phát sinh - khổ thuộc cảm thọ. Với chủ trương của các luận thuyết, họ cho rằng: "Khổ do tự mình làm ra - thường kiến - hoặc do người khác làm ra - đoạn kiến - hoặc do người khác cùng làm, hoặc do tự nhiên sinh - do không cùng mình và người cùng làm". Các chủ

trương này là ngoại đạo.

Cũng trên quan điểm này, Tôn giả Xá Lợi Phất đã tuyên bố như sau: *"Nếu khổ do mình làm ra hay người khác làm ra thì khổ ấy sẽ không cần xúc. Sự kiện này không thể xảy ra."* Rồi những câu hỏi được đặt ra liên quan đến ngã: "Quá khứ ta làm gì? Ta có mặt như thế nào? Ta sẽ có sắc hay không? Hiện tại ta là ai? Ta có sắc hay không?... Tất cả những câu hỏi này thấy đều vọng tưởng, không thuộc chánh kiến về lý Duyên khởi, Duyên sinh." Và như vậy một khi chúng ta đã phủ nhận cái Ta, thì hiện tại ai là kẻ thừa tự giáo pháp, học hỏi đạo nghĩa, đoạn trừ sinh tử khổ đau và chứng đắc Niết Bàn? Mới nghe qua, ta tưởng các câu hỏi ấy là đúng, nhưng kỳ thật làm sao có nghĩa và hợp lý được, khi mà mọi sự đều chuyển mình trong vòng đai 12 móc xích Duyên sinh tạo thành. Vậy thì ta làm sao tìm thấy cái Ta trong chuỗi biến dịch liên tục giả hợp ấy? Như vậy do đâu mà con người cho



là cái Ta để rồi: *"Cái này là Tôi, cái là sở thuộc của Tôi, cái này là tự ngã của Tôi"*. Đây, không ngoài sự lầm tưởng các pháp là giai hữu và tự thể là trường tồn. Sự lầm tưởng chính là sản phẩm của suy tư. Do vì suy tư mà tôi nói có cái nhà, kỳ thật cái nhà là gì? - Là nền, là vách, là mái, là kèo cột hợp thành. Vậy cái nhà không có tự ngã mà do các yếu tố kết hợp lại thành hình mà thôi. Đây chính là điểm hoàn toàn vô lý của suy tư. Do suy tư mà bóp méo thực tại. Do suy tư mà đánh mất sự thật của sự vật là vô ngã. Và như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng cái "Tôi" ở đây cũng chính là sản phẩm của sự suy tư. Như vậy, khi người nào phát khởi tâm tư để hỏi và kẻ trả lời câu hỏi tất cả đều do tâm tư vọng niệm, vì kẻ hỏi và người trả lời không nằm ngoài phạm trù của suy tư, mà trong khi đó thực tại là vô ngã. Vậy thì chúng ta có thể nói rằng thế giới hữu ngã là thế giới của suy tư, còn thế giới vô ngã chính là thế giới của thực tại, sống động linh hoạt.

Chúng ta nhìn qua lăng kính Duyên khởi, thế giới này rõ thật là hoàn toàn vô ngã mà trong kinh Kim Cương đã thể hiện tinh thần này một cách tuyệt đối: *"Nhứt thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện,"* hoặc *"Nhứt thiết pháp vô ngã, vô nhân, vô chúng sinh, vô thọ giả"*.

Bản thể của sự vật vốn là vô ngã cho nên thực tại mới diệu dụng. Chính tự thể là vô ngã nên nó mới biến ra được nhiều hình trạng khác nhau. Diệu dụng hữu, một cách tài tình trong thế giới trùng trùng duyên khởi và luôn luôn hiện hữu trong tự thể của chính nó. Vì vô ngã nên pháp không có sự chướng ngại với nhau mà đều tương dung, tương nhiếp, nếu ngược lại sự vật có một cái ngã của chính nó, nó tồn tại với chính nó mà nó không là cái khác thì bản tính linh hoạt của sự vật sẽ chết ngay trong tự thể của nó. Và vì thực tại vốn dĩ là vô ngã, cho nên tinh thần bất nhị đã thể hiện "Phiền não tức Bồ đề và sanh tử tức Niết Bàn". Nếu sự thật của sự vật không là như vậy - nghĩa là một ngã tính thì phiền não sẽ vĩnh viễn là phiền não và muôn đời sẽ không là Bồ Đề và dù chúng sinh có tu tập thì sinh tử vẫn là sinh tử, chẳng bao giờ thể nhập chân như, tịch tịnh Niết Bàn. Bản tánh các pháp là vô ngã tự tính nên con người mới giải thoát mọi ngục tù của si mê để chuyển thành đại ngộ. Thế giới "Vọng, Niệm, Thành, Sinh, Diệt" của ngã tướng hoàn toàn không thực này chỉ tồn tại một cách thật mong manh như vậy nên con người mới có khả năng "Nhất Niệm Thông Tam Giới" và vì không thực thể nên "trông ra bên hoặc bờ mê, ngàn thu nửa chớp bốn bề một phương".

Trên bước đường tiến về chân trời giải thoát, nơi đây thế giới Hoa Nghiêm đã mở rộng, khi Thiện Tài Đồng Tử diện kiến Đại Lâu các trang nghiêm tạc, được hóa hiện bởi Đức Phật Di Lặc: "Đại Lâu các này là trụ xứ của những ai đã hiểu ý nghĩa không, vô tướng, vô nguyên, của những ai đã hiểu rằng hết thảy các pháp đều là vô phân biệt, rằng pháp giới vốn là vô sai biệt, rằng chúng sinh giới vốn là bất khả đắc, rằng hết thảy pháp vốn là vô sinh. Đây là trú xứ, nơi thường thích ở đối với những ai biết rằng hết thảy các pháp đều không tự tánh, những ai không phân biệt pháp bất cứ loại tướng nào". Quang cảnh trong Lâu các đã diễn bày trước mắt Thiện Tài Đồng Tử đó chính là thực cảnh các pháp đang hiện diện dưới nhãn quan của chúng ta qua khung kính vô ngã, vô chấp, vô trước và đây cũng chính là con đường dẫn đến Giải thoát.

Tất cả mọi sự vật chung quanh ta thay đổi mang tự tính là vô ngã, nếu chúng ta có một cảm giác nhậm lẹ thì sẽ nhận diện thực tướng của các pháp dễ dàng và cũng chính nơi đây ta sẽ liễu tri được tự thân con người sinh ra lớn lên rồi già nua và hủy hoại. Đây chính là tiến trình Thành, Trụ, Di, Diệt của các pháp. Tại sao chiếc lá trên cành ngày trước còn xanh tươi, nhưng qua hôm sau chiếc lá lại thay màu, rồi rơi về cội? Phải chăng chiếc lá ấy chịu sự chi phối của luật vô thường và chuyển mình theo lý Duyên sinh: "Cái này sinh tồn nên cái kia cũng sinh tồn, cái này hủy diệt nên cái kia cũng hủy diệt" Một sự hủy diệt dây chuyền, không hề có sự gián đoạn, ngăn cách. Nếu một khi chúng ta thấy rõ bản lai diện mục của các pháp, thì nơi kia một đóa hoa úa tàn, một áng mây tan hay một vầng trăng khuyết thì chúng ta trực nhận rằng: Đó chính là vô ngã, vô thường của sự vật vậy.

Trong nhiều trường hợp, đệ tử Phật chứng ngộ

thơ

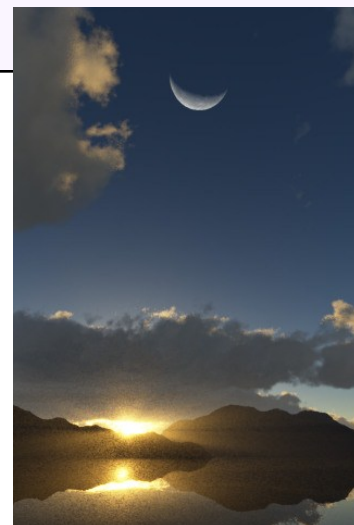
TRÚC NGUYỄN

Tịch Tĩnh

Vàng trăng đà ngã xế
Cánh hạc bay ngang qua
Gió đùa vờn khóm trúc
Sương đêm nhẹ mái nhà
Một mình ngồi lặng lẽ
Lâm râm niệm Di Đà
Mười phương cây cỏ dậy
Lòng đất nở đầy hoa
Đường khuya chân nhẹ bước
Ánh trăng soi sáng lò
Nghĩ suy đời dâu bể
Tóc bạc đà phai pha
Nói gì trong ba cõi
Còn gì người với ta
Sanh tử như đại mộng
Hồn nhiên bỗng cười khà...

một cách thật mau lẹ vì trực ngộ được được vạn pháp giai không thật nhiệm mầu. Như trong Trưởng lão Ni kệ, một nữ Phật tử sống đời gia đình với chồng con, rồi một hôm nấu ăn dưới bếp, bà nhìn thấy cọng rau xanh đổi màu vàng khi xào nấu trong chảo dầu sôi, bà chợt nhận ra lẽ vô thường đó và chứng đắc A Na Hàm. Sau đó bà xuất gia đắc quả A La Hán.

Tóm lại, sự vật luôn hiển bày chân thật tướng của chính nó là vô ngã, nếu chúng ta biết suy tư, chiêm nghiệm thì sẽ thể hội được thực tướng ấy ngay. Còn như chúng ta mang một tâm tư nhận bóng trăng dưới nước cho là trăng thật thì thế giới này sẽ bị đảo lộn tất cả từ con người cho đến thiên nhiên ngoại vật. Nếu chúng ta bình tĩnh hơn một tí nữa, nhìn sợi dây chính thực là sợi dây mà không là con rắn thì thế giới không thể đánh lừa được nơi ta, không còn có khả năng hấp dẫn và lôi kéo chúng ta, đây là sắc khả ái, khả lạc, khả hỷ... ta bình tĩnh tự tại thông tay vào chợ mà không quan tâm rằng đây là vô thường, hay kia là khổ, không, vô ngã.



CON NGƯỜI ĐƯỢC SANH RA TỪ ĐÂU?

Thích Thăng Hoan

VÀO ĐỀ:

Con người được sanh ra từ đâu là một nghi vấn vô cùng nan giải cho tất cả mọi giới và mãi cho đến thế kỷ 21 này vẫn đề con người vẫn còn phức tạp chưa được ai minh chứng cụ thể. Có nhiều học thuyết đã lý giải vấn đề con người nhưng rất tiếc họ chưa có kinh nghiệm thông suốt chiều sâu cho nên vẫn còn nằm trong hý luận của lý luận mà chưa khả dĩ đem lại được một chút thỏa mãn nào của nghi vấn; còn đối với các Tôn Giáo phần đông quan niệm quá cổ điển thiên cận mê tín mà ở đây chúng ta không cần phải bàn đến.

Theo quan niệm của Phật Giáo đứng trên lập trường hiện tượng luận, con người cho đến vạn hữu vũ trụ tất cả đều do Nhân Duyên Sanh, đó là chân lý bất biến ngoài ra không có chân lý nào khác hơn. Nhân Duyên Sanh là một học thuyết tất yếu tuyệt đối có tánh cách trọng đại trong sự cấu trúc con người và vạn hữu vũ trụ mà học thuyết này đã được thấy tàn mác trong các kinh luận Phật Giáo. Duy Thức Học dựa theo học thuyết Nhân Duyên Sanh trên khai triển sâu rộng quá trình chuyển biến mà trong đó bảy yếu tố căn bản gọi là bảy Đại nòng cốt quan hệ chặt chẽ lẫn nhau trong việc kiến tạo con người và vạn pháp. Bảy Đại theo “Khảo Nghiệm Duy Thức Học” quyển I, cùng một tác giả, trang 19 giải thích là bảy yếu tố trọng đại không thể thiếu mặt trong sự sanh khởi con người và vạn pháp. Bảy yếu tố trọng đại đó gồm có: Đất, nước, gió, lửa, nghiệp lực, nghiệp tướng và Thức A Lại Da... Nhưng phạm vi bài này chỉ bàn “Con người được sanh ra từ đâu” hay nói rõ hơn là “Hình tướng con người do đâu sanh ra”. Đây là đề tài quan yếu cần phải làm sáng tỏ để có nhận thức chân chánh. Duy Thức Học khẳng định con người có mặt trong thế gian chính là do Nghiệp Tướng, một trong Bảy Đại làm mô thức để thành hình tướng. Địa vị của Nghiệp Tướng như thế nào trong việc cấu trúc con người mà Bát Nhã Tâm Kinh quan niệm không tốt qua câu: “Các pháp nếu như không có Tướng thì không sanh, không diệt, không nhớ, không sạch, không tăng, không giảm” (Thị chư pháp không Tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm). Muốn rõ địa vị của Nghiệp Tướng trong cộng đồng duyên sanh con người, chúng ta trước hết khảo sát về bản chất của Nghiệp Tướng để có khái niệm.

I.- BẢN CHẤT NGHIỆP TƯỚNG:

a. Định Nghĩa:

*- Nghiệp theo Duy Thức Học là một năng lực qua hành động tạo tác đã được nội kết trong Thức Thể A Lại Da thành tiềm năng tập khí (chủng tử). Tập khí là một năng lực có tánh chất khí hóa (biến

thành hơi) được nội kết (huân tập) thành hạt giống trong Thức Thể A Lại Da giống như hương sen ướp trà thành trà sen.

*- Tướng là trạng thái hay hình tướng của vạn pháp. Theo “Khái Luận Về Pháp Tướng Duy Thức Học” của đại sư Thái Hư giải thích, tướng trạng của vạn pháp có ba loại:

1. Hiện Tướng: là hình tướng: xanh, vàng, đỏ, trắng của vạn pháp, cũng gọi là hiển sắc.

2. Hình Tướng: là những tướng trạng dài, ngắn, vuông, tròn của vạn pháp, cũng gọi là hình sắc.

3. Biểu Tướng: là những tướng trạng tác dụng của vạn pháp, như nằm lên, bỏ xuống, co lại, duỗi ra, đi, đứng, nằm, ngồi, v.v... cũng gọi là biểu sắc.

b. Bản Chất:

Nghiệp Tướng: nghĩa là trạng thái của con người trong đó có vạn pháp mang tánh chất tập khí. Nghiệp tướng không phải là hiện tướng, không phải là biểu tướng như một số kinh luận giải thích mà nó chính là Hình Tướng và trong hình tướng bao gồm cả hiện tướng, cả biểu tướng ở trong, nghĩa là Hiện tướng là chỉ cho màu sắc của Hình tướng và Biểu tướng là chỉ cho sự hành động của Nghiệp tướng. Nghiệp Tướng được thấy trong “Duy Thức Tam Thập Tụng” của Hòa Thượng Thích Thiện Hoa, trang 339 giải thích: “Do chư nghiệp tập khí, nhị thủ tập khí câu”, nghĩa là do các nghiệp tập khí và cùng duyên (câu) với Nhị thủ tập khí. Nhị thủ tập khí là chỉ cho Nghiệp tướng tập khí và Danh xưng tập khí. Nghiệp Tướng tập khí là danh từ chung trong đó bao gồm cả hai danh từ Ngã Tướng tập khí và Pháp Tướng tập khí. Ngã Tướng tập khí là một danh xưng dùng để gọi những chúng sanh hữu tình (những chúng sanh hữu tình là chỉ cho tất cả động vật trong đó có loài người) và con người thường hay chấp trước nghiệp tướng này làm bản ngã của mình cho nên gọi là Ngã Tướng; còn Pháp Tướng tập khí cũng là một danh xưng dùng để gọi những chúng vô tình (những chúng sanh vô tình là chỉ cho tất cả thực vật và khoáng vật, v.v...) và mỗi chúng sanh hữu tình cũng như chúng sanh vô tình tự chọn nghiệp tướng tập khí riêng mình làm mô hình kiểu mẫu trong việc hình thành sanh mạng của chúng. Ngã Tướng tập khí và Pháp Tướng tập khí trong các kinh luận thường gọi chung một danh xưng là Ngã Pháp. Có thể nói Ngã Pháp hay Ngã tướng và Pháp tướng nói trên cũng đều là nghiệp tướng tập khí cả. Còn Nghiệp lực tập khí thì khác hơn nghiệp tướng tập khí. Nghiệp lực tập khí là một loại tập khí chỉ toàn là năng lực được nội kết thành hạt giống và chúng hoàn toàn không có hình tướng giống như nghiệp tướng. Nghiệp lực tập khí như: nghiệp tham, nghiệp sân, nghiệp si mê,

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

nghiệp ái dục, nghiệp ghiền rượu, nghiệp ghiền cờ bạc, v.v... chúng hoàn toàn là những năng lực có khả năng thúc đẩy và lôi cuốn thân tâm con người hành động, miệng lưỡi con người nói năng và ý tứ con người suy nghĩ theo sự chỉ đạo của chúng.

Tóm lại, Nghiệp Tướng tập khí, theo quyển “Những Yếu Điểm Của Tướng Duy Thức”, Mục Nghiệp Tướng (Forms) giải thích, là chỉ cho những mô hình kiến trúc (Constructional models) hoặc những họa đồ kiểu mẫu (Blueprints) nhằm để xây dựng con người và vạn pháp thành những hình tướng duyên sanh hiện hữu trong vũ trụ. Nghiệp tướng tập khí không những là mô hình kiến trúc biểu hiện ra ngoài thân thể qua hiển tướng, hình tướng, biểu tướng và còn là mô hình kiến trúc biểu hiện nội tại bên trong thân thể qua hệ thống sinh lý, như hệ thống tuần hoàn, não là thần kinh, phèo phổi, gan ruột, tim thận, v.v... cho một sanh mạng sinh hoạt tồn tại trong thế gian.

II.- XÂY DỰNG CON NGƯỜI QUA NGHIỆP TƯỚNG:

Con người hiện hữu trong vũ trụ so sánh tuy cùng mẫu số chung là loài người, nhưng mỗi người có một nét đặc thù riêng để dễ phân biệt khỏi bị lẫn lộn; cho đến trong một gia đình những đứa con tuy cùng một huyết thống từ nơi cha mẹ sanh ra, nhưng mỗi đứa con không giống nhau về hình tướng, đều đó chúng tỏ những nghiệp tướng để cấu tạo ra chúng hoàn toàn khác biệt nhau; mặc dù mỗi đứa con có những nét giống cha mẹ hay giống nhau, sự giống nhau vài nét đối với cha mẹ hay đối với anh chị em nơi Duy Thức Học gọi là Thọ Giả Tướng; Thọ Giả Tướng nghĩa là những nghiệp tướng quan hệ qua sự cảm thọ nơi cha mẹ anh chị em trong cộng đồng duyên sanh. Vì khác nhau về nghiệp tướng, thành thử con người thành hình đa dạng vô cùng phức tạp và những dòng tư tưởng như tình cảm, hiểu biết, v.v... trong mỗi con người đa dạng thì làm sao hòa hợp nhau được trọn vẹn trăm phần. Để nhận thức cụ thể về vấn đề nghiệp tướng, giờ đây chúng ta hãy khảo sát con người qua sự cấu trúc của một sanh mạng:

1)- *Sanh Mạng Con Người Quan Hệ Với Nghiệp Tướng:*

Như trên đã trình bày, Nghiệp tướng là một yếu tố vô cùng quan trọng trong bảy yếu tố đối với việc xây dựng sanh mạng một con người. Nó là điều kiện cần thiết để minh định riêng biệt giữa con người với con người, giữa con người với các chúng sanh khác trong cộng đồng duyên sanh. Nhưng ở đây chỉ trình bày sự quan hệ như thế nào của nghiệp tướng đối với việc xây dựng sanh mạng con người.

Sanh mạng của một con người nếu như không có nghiệp tướng thì nhất định không thể góp mặt trong thế gian và cũng không thể giới hạn chiều cao và chiều ngang hình tướng của một con người, mặc dù con người đó đã có sẵn tinh cha huyết mẹ, nghiệp lực và Thức A Lại Da. Nghiệp tướng thuộc loại con người thì sanh mạng thành hình tướng con người, nghiệp tướng thuộc loại súc sanh thì sanh



mạng thành hình tướng súc sanh, nghiệp tướng thuộc loại cây dừa thì sanh mạng thành hình tướng cây dừa, nghiệp tướng thuộc loại sâu riêng thì sanh mạng thành hình tướng cây sâu riêng, nghiệp tướng thuộc loại vạn pháp nào thì sanh mạng thành hình tướng thuộc loại pháp đó.

Đề cập đến nguyên nhân sanh ta con người, phần đông các nhà khảo sát chỉ hiểu biết phần hiện tượng vật chất bên ngoài mà không thể hiểu biết phần thể tánh tâm linh bên trong, rồi đi đến kết luận vội vã thiếu biện chứng nhân minh. Phần hiện tượng vật chất bên ngoài theo Duy Thức Học quan niệm cho rằng họ cũng chỉ hiểu biết trên lãnh vực khái niệm mà không thể hiểu biết chiều sâu những yếu tố cấu trúc ra chúng. Những người sót nói trên được thấy qua những học thuyết sau đây:

a)- Học Thuyết Tinh Trùng:

Tinh Trùng là một loại vi sanh vật đã có sẵn trong tinh dịch của người cha, của phái nam. Thuyết này cho rằng: Tinh trùng chính là yếu tố quan trọng trong việc cấu tạo nên sanh mạng con người; không có tinh trùng là bào thai không đậu, là sanh mạng con người không thành hình. Thuyết này xét ra không được chính xác cho lắm, nguyên do tinh trùng hay vi sanh vật là những loại động vật thuộc hạ đẳng không đồng tính thì không thể nào cấu trúc được một sanh mạng con người quá khả năng của chúng mà ở đây chính con người còn bất lực trong việc quyết định sanh mạng và sự tồn tại của mình. Tinh cha huyết mẹ theo Duy Thức Học là hai nhân tố chỉ làm trợ duyên cho việc sanh thành sanh mạng của một con người. Huyết mẹ thì thuộc loại Sở Duyên Duyên, nghĩa là chỉ làm nơi trợ duyên trực tiếp cho sanh mạng con người nương tựa để sanh thành; còn Tinh Cha thì thuộc loại Tăng Thượng Duyên, nghĩa là chỉ trợ giúp trực tiếp sanh mạng con người nảy nở và phát triển. Khi nào con kiến xây dựng được nhà cửa lâu đài cho con người cư trú thì chứng đó thuyết Tinh Trùng hay Vi Sanh Vật có thể tin được. Thuyết Tinh Trùng hay Vi Sanh Vật đây cũng thuộc về loại duy vật biện chứng.

b)- Học Thuyết DNA:

Đặc biệt còn một quan niệm Duy Vật Biện Chứng khác có tánh cách khoa học hơn, như thuyết DNA hay Gènes là yếu tố quan trọng trong việc cấu trúc sanh mạng con người. Yếu tố DNA gồm những chất sau đây:

D: viết cho đủ là Deoxygenate, tứ là tên gốc của Genes.

N: viết cho đủ là Nucleus (hạt nhân cấu tạo)

A: viết cho đủ là Acid

Những chất này là những tế bào cực vi đã có sẵn trong tinh tử của cha để di truyền cho con về thể xác. Theo ông Julien Huxley, một nhà sinh lý học nổi tiếng ở nước Anh đã viết về Gènes như sau được trích ra trong quyển Nghiệp Báo, trang 19, do Đại Đức Nàràdà Mahà Thera thuyết giảng tại Kỳ Viên Tự, Sài Gòn năm 1959: “Trong thân thể con người có những Gènes (là những cực vi tế bào trong tinh tử, do đó mà giống cha truyền qua cho con gọi là định luật truyền thống). Do những Gènes này mà cha truyền qua cho con màu sắc, cao thấp, mập ốm, thọ yếu, v.v... Tất cả những sự di truyền đều do đó mà ra.”

Những chất trên đều thuộc loại vật lý và hoàn toàn thụ động, không có tri giác trong việc kiến tạo và chính chúng nó cũng không có khả năng tự phát, không thể tự nảy nở lớn lên và cũng không thể duy trì sanh mạng con người tồn tại mãi nếu Tâm Thức rút lui không tiếp tục hiện hữu. Giả sử những chất này có khả năng tri giác trong việc kiến tạo và chủ động trong việc tự phát thì con người nhất định lớn lên mãi không có giới hạn cao thấp và tồn tại mãi không có vấn đề già chết, nguyên vì chính chúng nó luôn luôn nảy nở, luôn luôn phát triển không ngừng mà hơn nữa các nhà khoa học có thể phát minh ra chúng để bồi dưỡng con người không cho hoại diệt. Còn như DNA hay Gènes có khả năng quyết định sự cao thấp, thọ yếu của con người theo như nhà Sinh Lý Học Julien Huxley chủ trương thì mâu thuẫn lại thuyết Di Truyền khả năng tính nảy nở và phát triển không ngừng của DNA hay Gènes. Nhưng trên thực tế con người không phải như vậy và cũng không được như vậy, do đó những thuyết này cũng không thể tin tưởng được. Những học thuyết như Tinh Trùng, DNA hay Gènes xét cho cùng đều thuộc về Duy Vật Biện Chứng chủ trương mà Phật Giáo thì thuộc hệ phái Duy Tâm, nguyên vì trong con người có tư tưởng, tình cảm, hiểu biết thuộc hệ thống Tâm Linh hiện đang làm chủ mọi sự sinh hoạt và bản chất của Tâm Linh hoàn toàn không phải vật lý mà cũng không phải do vật lý sanh ra.

2)- *Hình Tượng Con Người Do Nghiệp Tướng Tạo Nên:*

1. Về phần vật chất, như xây dựng nhà cửa, một số người chỉ hiểu biết qua vật liệu xây cất, nhưng họ không biết những Họa Đồ Kiểu Mẫu (Blueprints) chính là Mô Hình Kiến Trúc (Constructional models) nhà cửa. Như chúng ta quan sát nhận thấy, có một số nhà cửa mặc dù cùng một loại vật liệu xây cất mà tại sao không giống nhau mô hình kiến trúc? Xét cho cùng sự khác nhau mô hình kiến trúc của một số nhà cửa nói trên không phải tại vật liệu xây cất mà chính là tại sự sai biệt của những họa đồ kiểu mẫu. Những vật liệu xây cất không phải sanh ra những nhà cửa hay những mô hình kiến trúc mà chính là những họa đồ kiểu mẫu sanh ra những nhà cửa hay những mô hình kiến trúc. Còn vật liệu xây cất chỉ có bốn phận căn cứ theo những họa đồ kiểu mẫu để hoàn thành những nhà cửa hay những mô hình kiến trúc nói trên mà thôi. Họa đồ kiểu mẫu

như thế nào, thuộc hình thức gì thì vật liệu xây cất chỉ có nhiệm vụ trang bị giống như thế đó.

2. Từ nhận xét sự kiến trúc nhà cửa nói trên, chúng ta quán chiếu để hiểu biết qua sự cấu trúc sanh mạng con người. Vấn đề cấu trúc sanh mạng con người hầu như các nhà khảo sát cũng chỉ hiểu biết những yếu tố vật liệu kiến trúc như, nào là tinh cha huyết mẹ, nào là gènes, nào là DNA, v.v... mà họ quên đi yếu tố quan trọng không thể thiếu mặt trong Duy Thức gọi là Nghiệp Tướng (tức là Họa Đồ Kiểu Mẫu = Blueprint) thuộc Mô Hình Kiến Trúc (Constructional model) để thành hình tướng con người. Tinh cha huyết mẹ, v.v... theo như cách nhìn xây dựng nhà cửa thì thuộc về vật liệu kiến trúc mà không phải là những yếu tố chính để tạo thành hình tướng con người. Yếu tố chính cần thiết cho việc tạo thành hình tướng con người chính là Nghiệp Tướng mà tinh cha huyết mẹ, v.v... chỉ là những điều kiện trang bị cho nghiệp tướng con người sớm được hoàn thành để hiện tướng. Giả sử tinh cha huyết mẹ là yếu tố chính trong việc tạo thành hình tướng con người thì tại sao trong một gia đình có năm đứa con mà năm đứa con nói trên toàn bộ không giống cha và cũng không giống mẹ như khuôn đúc, cho đến chúng nó mỗi đứa có mỗi nét khác nhau cả nam lẫn nữ, mặc dù chúng nó được sanh ra cùng một loại vật liệu lấy từ nguyên liệu máu huyết của cha mẹ. Điều đó cho thấy trong năm đứa con nói trên, mỗi đứa tự nó có nghiệp tướng riêng khác, nghiệp tướng được chọn từ kiếp trước của chính nó tạo nên, mang từ trong nội tâm đến nhờ tinh cha huyết mẹ trợ duyên trang bị để hoàn thành hình tướng cho kiếp này. Đứng trên lập trường nhân quả quán chiếu nhận thấy, một con người hay bất cứ một pháp nào trong vũ trụ đều là cái quả thuộc về hiện tại mà cái nhân của nó thuộc về quá khứ chính là nghiệp tướng, nghiệp lực và Thức Dị Thục (tên khác Thức A Lại Da); cũng giống như thế, đức Phật Thích Ca (Sàkyamuni) con vua Tịnh Phạn (Suddhodana) và Hoàng Hậu Ma Da (Mahāmāyā), nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu) tại Ấn Độ là cái quả thuộc về hiện tại mà cái nhân của Ngài thuộc kiếp trước chính là Nghiệp Tướng, Nghiệp Lực và Thức Dị Thục. Điều đặc biệt chưa từng thấy Nghiệp Tướng



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

kiếp trước của Ngài chính là Pháp Thân của Bồ Tát Thiện Huệ nơi cung trời Đâu Xuất, Nghiệp Lực kiếp trước của Ngài chính là Năng Lực xuất thế và Thức Dị Thục kiếp trước của Ngài chính là Trí Tuệ Đại Viên Cảnh. Theo sử liệu ghi nhận, Ngài có hai em nữa là Nan Đà (Nanda) và Sundaria Nan Đà (Sundatia Nanda), mặc dù ba anh em cùng một huyết thống di truyền trong kiếp này tất cả đều chọn Vua

Tịnh Phạn làm nơi trợ duyên để sanh thành, chỉ khác nhau đôi chút, riêng Ngài chọn Hoàng Hậu Ma Da làm mẫu thân nương tựa, còn hai em của Ngài thì chọn bà dì Ma Ha Ba Sà Ba Đề (Mahà Prajapati) là em ruột của mẹ làm mẫu thân nương tựa. Thế nhưng trong số ba anh em đó không ai thông minh xuất sắc phi phàm và tướng hảo đẹp đẽ như Ngài.

3. Nói rõ ràng hơn và dễ hiểu hơn, một cái nhà khi muốn được hoàn thành đúng tiêu chuẩn để ở thì đòi hỏi phải có những điều kiện căn bản sau đây mà người chủ nhà nên chuẩn bị trước: a. Tài chánh; b. Kiến trúc sư; c. Họ đồ kiểu mẫu (Blueprint); và d. Vật liệu xây cất.

Với mục đích:

- *- Tài chánh phải được chuẩn bị sẵn sàng để đáp ứng mọi nhu cầu cần thiết.

- *- Nhơn lực chuyên môn hoàn thành họ đồ kiểu mẫu thì phải có kiến trúc sư kinh nghiệm.

- *- Họ đồ kiểu mẫu phải được chánh quyền chấp thuận thì mới thực hiện được.

- *- Vật liệu xây cất luôn luôn có sẵn ở các cửa hàng xây cất.

Riêng con người cũng thế muốn được có mặt trong thế gian thì cũng phải hội đủ những điều kiện sau đây mà trong Phật Giáo gọi những điều kiện ấy là Nhân Duyên. Nhân là chỉ cho những điều kiện chính và Duyên là chỉ cho những điều kiện phụ thuộc làm trợ duyên, gọi chung cả hai điều kiện vừa trình bày với danh xưng là nhân duyên. Những điều kiện để tạo thành con người gồm có: a. Nghiệp lực (tài chánh); b. Thức A Lại Da (Kỷ sư kiến trúc); c. Nghiệp Tướng (họ đồ kiểu mẫu); d. Tinh cha huyết mẹ (Vật liệu xây cất).

- *- Tinh cha huyết mẹ là những nhân tố phụ thuộc chỉ làm trợ duyên cho con người được hình thành về phần vật chất. Tinh cha huyết mẹ trong mười hai Nhân Duyên gọi tổng quát là Sắc của Danh Sắc, trong Ngũ Uẩn gọi là Sắc Uẩn, Trong Duy Thức gọi là Tứ Đại (đất, nước, gió, lửa) hoặc gọi là Sở Duyên Duyên (những nhân tố làm chỗ trợ duyên cho con người quan hệ đến nương tựa để hiện thành hình tướng). Theo thế giới quan của Phật Giáo, có những chúng sanh trong các cõi Vô Sắc không cần đến tinh cha huyết mẹ, nghĩa là không cần đến Sắc của Danh Sắc trong mười hai Nhân Duyên, không cần đến Sắc



Uẩn trong Ngũ Uẩn mà chỉ cần đến ba yếu tố là nghiệp tướng, nghiệp lực và Thức A Lại Da cũng đủ để hiện thành hình tướng. Thí dụ, con người trong mộng không cần đến tinh cha huyết mẹ làm trợ duyên vẫn có mặt sanh hoạt trong mơ, nhưng họ phải cần đến ba yếu tố là nghiệp tướng, nghiệp lực và Thức A Lại Da để thành hình tướng trong mộng. Trong thế giới Vô Sắc cũng thế, nghĩa là những

chúng sanh hữu tình trong các cõi đó chỉ cần ba yếu tố là nghiệp tướng, nghiệp lực và Thức A Lại Da cũng đủ để thành sanh mạng, nhưng thời gian tồn tại và sinh hoạt lâu hay mau là tùy theo nghiệp lực của họ quyết định. Có người cho rằng, người trong mộng chỉ là giấc mơ không thật có; cảnh giới đó nếu như không thật có thì tại sao mình nằm mơ khi gặp ác mộng lại la hét trong lúc ngủ mê; cảnh giới đó nếu như không thật có thì mình làm sao chung vào được để nằm mơ. Cảnh giới trong mơ nói trên theo Phật Giáo chính là một trong những cảnh giới của tâm thức mà trong Liễu Sanh Thất Tử gọi là cảnh Trung Giới và con người trong cảnh giới đó gọi là Thân Trung Ấm.

- *- Nghiệp Tướng chẳng những là yếu tố chính để thành hình tướng con người và cho đến vạn pháp trong thế gian cũng phải cần đến nó để định hình. Những yếu tố khác như yếu tố đất, nước, gió, lửa, v.v... đều hiện hữu trong phạm trù của nghiệp tướng để khỏi bị biến tướng. Nghiệp tướng con người như thế nào thì tạo thành hình tướng như thế đó, nghiệp tướng tốt thì tạo thành hình tướng tốt, nghiệp tướng xấu thì tạo thành hình tướng xấu, nghiệp tướng hai đầu bốn tay thì tạo thành hình tướng hai đầu bốn tay, v.v... Để minh chứng vấn đề nghiệp tướng, Bát Nhã Tâm Kinh đã xác nhận bằng cách phủ định: “Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm”, nghĩa là các pháp không có Tướng (không có nghiệp tướng) thì không sanh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Theo Bát Nhã Tâm Kinh, sự thọ yểu (sanh diệt) và sự cao thấp (tăng giảm) của con người là do nghiệp tướng giới hạn mà không phải do genes qui định như nhà Sinh Lý Học Julien Huxley chủ trương. Phần đông con người bị thứ bệnh chấp ngã kiên cố, theo Duy Thức Học đó chính là bệnh chấp trước nghiệp tướng của mình làm bản ngã bất biến và họ có bốn thứ bệnh chấp trước nghiệp tướng đã ăn sâu trong tiềm năng thành bốn năng lực khống chế toàn diện kiếp sống con người; bốn thứ bệnh chấp trước đây gồm có: Ngã si, Ngã kiến, Ngã mạn, Ngã ái mà trong các kinh luận thường đề cập cảnh giác.

(xem tiếp trang 76)

CHUYỆN ĐÀN CHIM SA BẦY DO BẤT HÒA

Nguyên Hiệp dịch và bản

Vào một kiếp xa xưa, Bồ-tát (tiên thân đức Phật) sanh làm một con chim cú, thủ lĩnh của hàng ngàn con chim cú sống ở trong rừng. Bấy giờ, một người bẫy chim vì muốn bắt chim cú nên tìm đến nơi đàn chim sống. Ông ta thường bắt chước tiếng kêu chim cú để dụ chúng đến. Rồi chờ khi bầy chim kéo đến tập hợp lại một chỗ, ông ta tung lưới chụp lên chúng và rút các mép lưới lại, tóm tất cả vào một mối, sau đó nhét chúng vào trong một cái giỏ, mang về nhà bán kiếm tiền sinh sống.

Một hôm, Bồ-tát nói với bầy chim:

“Thưa chư vị, người bẫy chim này đang tàn sát thân tộc của chúng ta. Ta có một phương kế khiến ông ta không thể bắt được chúng ta nữa. Từ nay trở đi, mỗi khi ông ta tung lưới lên, các vị hãy thò đầu của mình qua các lỗ lưới và sau đó cùng mang lấy cái lưới bay đến một nơi mà các vị muốn, và ở đó, hãy hạ cái lưới xuống trên một bụi cây gai. Làm như vậy, tất cả chúng ta sẽ thoát khỏi nhiều mẻ lưới.”

“Kế sách thật hay.” Cả bầy chim cùng đồng ý.

Ngày hôm sau, khi người bẫy chim chụp lưới lên bầy chim, chúng đã làm theo những gì mà Bồ-tát đã dặn. Chúng mang cái lưới bay lên và hạ lưới xuống trên một bụi cây gai rồi trốn thoát từ phía dưới, làm cho người bẫy chim phải đứng đấy gỡ lưới mãi cho đến khi chiều tối, sau đó trở về nhà mà trong tay chẳng có thứ gì. Bầy chim sử dụng mưu kế ấy liên tiếp nhiều ngày sau đó. Và như thế, người bẫy chim cứ phải chịu cái cảnh loay hoay gỡ lưới cho đến chiều tối và trở về nhà tay không. Thấy chồng trở về nhà tay không hoài như vậy, người vợ tức giận nói:

“Ngày nào ông cũng trở về tay không. Tôi nghĩ là do ông nuôi dưỡng một cơ sở thứ hai nào đó.”

Người bẫy chim nói:

“Không đâu bà ơi, tôi không nuôi dưỡng một cơ sở thứ hai, thứ ba nào cả. Sự thật là do những con chim cú đó bây giờ đã cùng hợp tác làm việc. Khi tôi tung lưới lên chúng, cả bầy cùng mang cái lưới đi, để lại nó trên một bụi cây gai và bỏ trốn. Nhưng chúng sẽ không thể sống mãi trong hòa hợp được đâu. Bà đừng lo, khi nào chúng bắt đầu cãi vã nhau, tôi sẽ bắt hết cả bọn chúng. Rồi bà sẽ vui cười cho coi.”

Nói vậy xong, ông ta đọc cho bà vợ nghe mấy câu thơ:

*“Khi hòa hợp có mặt
Chim mang lưới bay xa
Khi tranh cãi xuất hiện
Chúng rơi vào tay ta.”*

Không lâu sau đó, một con chim cú khi đậu xuống bãi đất kiếm mồi đã vô ý đạp lên đầu một con chim cú khác. Con chim cú này kêu lên một cách giận dữ:

“Kẻ nào đạp lên đầu ta thế!?”

“Ôi! Xin lỗi bạn. Tôi đấy. Nhưng không phải tôi cố ý đâu. Xin đừng giận tôi nhé!” Chim cú thứ nhất thành khẩn nói.

Nhưng không thềm đếm xỉa đến câu trả lời phân trần này, chim cú thứ hai cứ ôm lòng sân hận, tiếp tục nói:

“Người nghĩ là một mình người có thể nhắc bổng cái lưới kia lên được sao?”

Và thế là chúng bắt đầu lời qua tiếng lại, lớn tiếng mắng nhiếc lẫn nhau.

Khi nhìn thấy chúng cãi vã nhau như vậy, Bồ-tát nghĩ: “Mỗi khi đã có tranh cãi thì không có an toàn. Giờ thì bầy chim sẽ

không còn nhắc nổi cái lưới lên được nữa rồi, và do đó chúng sẽ nhận lấy sự đại diệt vong. Gã săn chim rồi sẽ tìm được cơ may của mình. Thôi, ta không nên ở đây nữa.” Nghĩ là làm, Bồ-tát cùng với đàn chim của mình bay đến một chỗ khác.

Đúng như dự đoán, một vài ngày sau, gã bẫy chim lại đi đến chỗ đó. Trước tiên gã dụ đàn chim lại bằng cách giả tiếng chim cú, sau đó gã tung lưới lên chúng. Thế rồi một con chim cú nói:

“Nghe nói khi người nhắc bổng lưới lên thì lông trên đầu của người rơi xuống cả. Bây giờ có ngon thì hãy nhắc lưới lên đi!”

Con chim kia đáp trả:

“Khi người nhắc lưới lên, nghe nói lông cánh của người đều rụng cả. Bây giờ hãy nhắc lên thử coi!”

Trong khi chúng đang còn đề nghị nhau nhắc lưới như vậy, thì người bẫy chim đi đến, rút các mép lưới lại và nhắc lên, tóm chúng lại thành một mối và nhét vào trong giỏ mang về nhà. Bà vợ thấy vậy thì cười sung sướng.

Jātaka Sammodamāna,
truyện số 33

Nguyên Hiệp dịch

Liên Tưởng Từ Câu Chuyện

Đoàn kết được nghĩ là yếu tố cần thiết giúp tạo nên sức mạnh cho một nhóm hay một tổ chức, rộng ra là một xã hội hay một quốc gia. Nói chung thì ai cũng biết đoàn kết là quan trọng, là cần thiết để giữ sự cố kết nhóm, tổ chức hay cộng đồng. Do vậy nên người ta luôn luôn kêu gọi, thậm chí kêu gào, phải đoàn kết. Vì đoàn kết tạo nên sức mạnh cho một nhóm hay một tổ chức, nên nó cũng tạo nên mối lo sợ cho nhóm hay tổ chức khác. Và vì vậy phá đoàn kết cũng rất được nhiều

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

người thực hiện, tất nhiên là bí mật và sử dụng thủ đoạn.

Đoàn kết, nói chung, là tốt (xét ở khía cạnh tích cực, bởi vì cũng có khi “đoàn kết” để đi làm bậy). Nhưng để cho có... đoàn kết, thiết nghĩ cũng cần phải nghĩ đến vấn đề là nên đoàn kết như thế nào và đoàn kết vì mục đích gì. Học Phật, mình biết đến sáu pháp lục hoà, đó là sáu phương pháp giúp cho một tổ chức (ở đây là tổ chức thuộc Phật giáo) có sự đoàn kết và hoà hợp, và khi có hoà hợp thì “có lợi ích an vui.” Như vậy để đoàn kết, chúng ta cần phải có một số quy định hay luật lệ chung nào đó để thực hiện, chứ không phải nói đoàn kết một cách chung chung. “Chín người mười ý” thì làm sao kêu gọi đoàn kết một cách chung chung được.

Luật tạng thường nhấn mạnh vào sự đoàn kết; và việc thực hiện đoàn kết được xây dựng trên việc tuân thủ các giới luật. Tăng đoàn duy trì sự cố kết của nó dựa trên giới luật, không phải dựa trên một cá nhân nào, cho dù đó là đức Phật. Và chính điều này mà khi nghiên cứu về Tăng đoàn Phật giáo người ta xem nó là một tổ chức có tinh thần dân chủ rất cao. Trong Tăng đoàn không ai có quyền phán xét ai. Người nào phạm giới luật thì lấy giới luật ra xử trị. Giới luật là những quy định chung giúp tăng sĩ sống có phạm hạnh, là chất keo nối kết cộng đồng và cũng là những biện pháp “chế tài”. Ví dụ khi một người vi phạm giới luật, sẽ có những luật định dành cho việc đó, như phải sám hối, mặc tẩn hay bị trục xuất khỏi tăng đoàn chẳng hạn. Nói vui một chút là Tăng đoàn sống và làm việc theo... giới luật.

Vậy nên khi người đứng đầu một nhóm kêu gọi sự đoàn kết thì cần nên tính đến việc đặt ra những quy định nào đó để các thành viên của nhóm thực thi theo cho có... đoàn kết. Tức là những thành viên thực hiện đoàn kết dựa trên những quy định đó, chứ không phải thực hiện đoàn kết là bảo sao nghe vậy, hay thực thi tuyệt đối theo mệnh lệnh của người đứng đầu nhóm. Khi một nhóm có đoàn kết thì công việc sẽ hiệu quả hơn (khi không có đoàn

kết), và sự hiệu quả của công việc sẽ đem lại những lợi ích nào đó cho các thành viên trong nhóm.

“Chế tài” là một yếu tố quan trọng trong việc giữ quy củ và sự vững mạnh của một nhóm. Nhưng để cho việc chế tài có hiệu quả ta cần nên xem xét yếu tố lợi ích. Một người tham gia nhóm hay tổ chức hiếm khi không tính đến yếu tố lợi ích. Lợi ích đó có thể là vật chất, có thể là tinh thần. Tinh thần ở đây có thể là thoả mãn một lý tưởng, tìm kiếm một niềm vui, tìm lấy một sự chia sẻ, tìm cơ hội học hỏi, hoặc chí ít là để có bạn chơi hay để cho có người trò chuyện. Chẳng lẽ tham gia vào một nhóm hay một tổ chức nào đó mà không có mục đích gì hết, tham gia chỉ vì thích tham gia? (chắc cũng có người như vậy, nhưng không nhiều). Nhờ có yếu tố “lợi ích” nên việc chế tài mới có hiệu quả. Còn khi tham gia vào một tổ chức mà thấy tham gia cũng được, không tham gia cũng được - tức không thấy sự cần thiết hay lợi ích gì từ việc tham gia đó - thì những biện pháp chế tại hẳn nhiên là vô dụng.

Có những hội đoàn và tổ chức mà các thành viên tham gia vào đều không được trả lương và không nhận được bất cứ sự lợi ích vật chất nào, thế nhưng họ lại rất gắn kết và có khi rất sợ bị loại trừ. Ví dụ có những tổ chức tôn giáo, tín đồ của họ rất sợ bị cấm tham gia sinh hoạt. Tại sao họ lại sợ như vậy? Bởi vì không được tham gia, họ nghĩ sẽ mất lợi ích! Các nhóm, theo cách này hay cách khác, xem ra đều là... “nhóm lợi ích” cả...

Liên tưởng từ câu chuyện, có vài dòng lan man như vậy, có thể chỉ là “hý luận.” Nhưng nói tóm lại, tôi nghĩ rằng, những ai kêu gọi đoàn kết thì cũng nên đặt tiếp vấn đề là đoàn kết như thế nào và đoàn kết vì mục đích gì. Sau khi trả lời được câu hỏi đoàn kết vì mục đích gì thì những câu hỏi tiếp theo sẽ xuất hiện, ví dụ như mục đích đó tạo nên điều gì, đem lại lợi cho ai.v.v... Ở câu chuyện trên, mục đích của đoàn kết là để có sức mạnh mang cái lưới đi, và lợi ích là cả bầy chim thoát khỏi tay người bẫy chim. Nhưng đáng tiếc, cuối cùng cả bầy chim đều vô... giỏ do ham cái lộn!



NGŨỜNG VỌNG TÔN SƯ

(Kính tường Giác Linh TLHT Thích Minh Châu
trong tuần chung thất)

thơ

Lặng nhìn hương án khói tàn rơi
Người đã ra đi - chốn xa vời...
Lung linh ẩn hiện trong kỷ ức
Gương sáng còn lưu mãi cõi đời.

Vào chốn Ta Bà, mượn báo thân
Sinh trưởng lớn lên, lập gia đình
Vợ đẹp, con xinh, thang danh lợi...
Gác lại sau lưng, chí xuất trần.

Khuyến hóa tuổi Xuân hương lễ chân
Xây dựng gia đình áo màu lam
Trường học Bồ Đề soi ánh Đạo
Mưa pháp gần xa thấm thấm nhuần.

“Đường về Xứ Phật” phải công phu
Miệt mài Kinh Sách quả đền bù
Đích thân Tổng Thống trao phần thưởng
Tiến sỹ bằng vàng khắc thiên thu.

Cờ hoa rực rỡ tại phi trường
Đón người ưu tú của quê hương
Mang Ánh Hào Quang về Nam Việt
Hương thơm lan rộng khắp bốn phương.

Đại Học Phật Giáo mở đầu tiên
Xứng danh Vạn Hạnh tạo thuận duyên
Giáo dục con người cho toàn diện
Đúc kết tài hoa khắp các miền.

Phật Học Nghiên Cứu Viện thành hình
Dồn bao tâm trí dịch Sách Kinh
Giao lưu nở rộ hoa tư tưởng
Đồ sộ lớn lao những công trình.

Chiến tranh, loạn lạc, lăm bẻ dẫu
Lặn lội Người đi khắp các châu
Hòa bình, hạnh phúc cho nhân loại
Tin tưởng, thương yêu, nối nhịp cầu.

Bậc đại trượng phu cao quý thay !
Chuyển hóa trăm luân, cảnh khổ sầu...



Gióng lên trống Pháp vang ba cõi
Chuông gọi hồn ai tỉnh giấc say.

Một nụ cười tươi đượm thâm tình
Một lời giáo huấn, vạn lời kinh
Khuôn vàng thước ngọc soi kim cổ
Ảnh hưởng vô vàn lớp hậu sinh.

Bao nhiêu kỷ niệm chứa chan tình
Giờ phút tiễn đưa, bước đăng trình
Cúi đầu lễ tạ ân giáo đường
Theo dấu người xưa, nguyện chứng minh.

Đời Người trong sáng ngọc Minh Châu
Tâm Trí Viên Dung tỏa Đạo mầu
Tường Vân che mát bao thế hệ
Vạn Hạnh hương xa khắp hoàn cầu.

Người về tịch cảnh, thể Như Lai
Kính tường Tôn Sư, lệ ngấn dài
Nguyện Người trở lại nơi bề khổ
Chèo thuyền Bát Nhã độ trần ai.

Học sinh Vạn Hạnh Khóa III

Khê thủ: **THÍCH MINH TUỆ**

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

**HÌNH ẢNH LỄ HÚY KÝ ĐLHT THÍCH MÃN GIÁC VÀ TUẦN THẤT THỨ 5 ĐLHT THÍCH MINH CHÂU
TẠI CHÙA VIỆT NAM LOS ANGELES, CALIFORNIA, NGÀY 13.10.2012**



TU TƯỜNG

BUDDHAGHOSA VÀ LEV TOLSTOY

Những người đi tìm ý nghĩa cho cuộc đời

Thích Phước An

Chắc rằng, những người có tâm hồn bình thường như chúng ta, không nhiều thì ít, khi có được một vị trí nào đó trong xã hội thì luôn lấy đó làm thỏa mãn. Nhưng ngược lại, những tâm hồn vĩ đại thì lại không như thế, khi danh vọng lên đến tột đỉnh thì họ lại thường rơi vào một cuộc khủng hoảng có thể nói là dữ dội trong nội tâm của mình. Để rồi cuối cùng, khi không còn chịu đựng được nữa thì họ có thể tự kết thúc đời mình như trường hợp văn hào Mỹ Hemingway, người được giải văn chương Nobel vào năm 1954 hay Kawabata của Nhật Bản, cũng được giải văn chương Nobel vào năm 1968.

Dường như, đối với những tâm hồn vĩ đại này, được tôn sùng là một tai họa chứ chưa hẳn là một vinh dự, như nhà bác học lừng danh Albert Einstein cũng đoạt giải Nobel vật lý vào năm 1921 đã phải than thở rằng: *"Thật trở trêu cho số phận, chính tôi lại nhận quá nhiều sự ngưỡng mộ và trọng thị từ người khác – mà tôi chẳng làm gì xứng đáng hay nên tội"*. [1]

Nhưng ở đây tôi chỉ muốn nói đến trường hợp của Lev Tolstoy, đại văn hào của nước Nga. Đọc tiểu sử của Tolstoy ta biết được rằng vào năm 1863, nghĩa là sau khi đã cho ra đời những tác phẩm như *Những người Cosaques* (Les Cosaques) và nhất là *Chiến tranh và hòa bình* (La Guerre et La Paix). Chính tác phẩm vĩ đại này đã đưa Tolstoy lên đến tột đỉnh của danh vọng, nhưng *"sau sự vinh quang tột đỉnh này, Tolstoy lại rơi vào sự trống rỗng của tâm hồn. Ông không còn đam mê gì nữa, ông cảm thấy cuộc đời là vô vị, phi lý và trống rỗng, ông nghĩ đến cái chết. Thậm chí ngay cả những lạc thú của cuộc đời mà trước đó ông đam mê giờ cũng làm ông ghê sợ"*. [2]

Trong tác phẩm có tên là *Tự*

Thú (Confession), một tác phẩm mà Ernest J. Simmon đã mô tả như là *"một trong những phát ngôn (utterances) cao cả nhất và dũng cảm nhất của con người, những tuôn trào (outpourings) của linh hồn bị bối rối cực độ bởi những vấn đề lớn của cuộc sống – mối quan hệ của con người với cái vô hạn nhưng được thực hiện với sự chân thành trọn vẹn và nghệ thuật cao"*. [3] Tolstoy cho biết rằng ông đã nhiều lần ngồi nhìn những tác phẩm từng đưa tiếng tăm ông lừng lẫy khắp thế giới rồi băn khoăn tự hỏi rằng, *"nó có quan hệ gì đến tôi"*, hay giữa sự suy nghĩ của tôi về danh vọng mà những tác phẩm của tôi đang mang đến cho tôi, tôi thường tự hỏi: *"rất tốt, mình sẽ nổi danh hơn cả Gogol, Pushkin, Shakespeare, Molière, nổi danh hơn tất cả những nhà văn trên thế giới – rồi sao nữa. Tôi tuyệt đối không thể tìm thấy câu trả lời"*. [4]

Và Tolstoy cho rằng, chỉ có cái chết là chắc chắn còn mọi cái khác đều là lừa dối và lường gạt cả: *"Có chăng một ý nghĩa trong đời tôi, cái ý nghĩa mà sẽ không bị hủy diệt bởi cái chết của tôi – cái chết tất yếu, và đang tới gần"*. [5]

Và từ nỗi đau đớn cùng cực ấy, Tolstoy cũng đặt dấu hỏi luôn cả sự tồn tại của nhân loại trên mặt đất này, phải chăng sự tồn tại ấy là hoàn toàn vô nghĩa? *"Hàng triệu người đã sống và bây giờ đang sống, họ đã gán cho cuộc đời họ ý nghĩa nào?"* [6]

Trước tiếng kêu la đầy tuyệt vọng trên của Tolstoy, tôi cứ giả thiết là nếu Tolstoy đọc được câu này trong *Thanh Tịnh Đạo* (Visuddhi Magga) của Buddhaghosa (Phật Âm) thì có lẽ văn hào của chúng ta sẽ cảm thấy bớt cô độc hơn:

"Tỳ kheo (Bhikkhu) là những kẻ thấy sự khủng khiếp (Bhaya)

Ikkhati) trong vòng luân hồi sanh tử". [7]

Như vậy là trước Tolstoy hơn 15 thế kỷ (Buddhaghosa sống ở thế kỷ thứ 5 tây lịch) những Tỳ kheo đệ tử của đức Phật cũng đã từng chịu đựng sự đau đớn khủng khiếp về thể phận bi thảm của con người chẳng khác gì Tolstoy đã chịu đựng ở những thập niên cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20.

Trên đường đi tìm kiếm ý nghĩa cho cuộc đời mình, Tolstoy đã nhiều lần chấp nhận rồi lại phủ nhận. Nhưng có lẽ lần phủ nhận quan trọng nhất là vào năm Tolstoy 18 tuổi, Tolstoy kể:

"Tôi được rửa tội và giáo dục theo đức tin Ky Tô giáo chính thống. Ngay từ tấm bé và suốt thời thiếu niên và thanh niên, tôi đã được rèn luyện theo tín ngưỡng của chính thống giáo. Nhưng ở tuổi 18, khi tôi rời bỏ trường Đại học vào năm thứ 2, tôi đã mất hết niềm tin vào những gì đã được dạy." Vì Tolstoy đã thấy được một sự thật quá phũ phàng và gần như trái khoáy là: *"những người mà công khai tự nhận là tín đồ của đức tin chính thống giáo, thì phần lớn họ đều là những kẻ cố chấp, hẹp hòi, tàn nhẫn và vô đạo, bị gói kín trong cái tự cao tự đại của chính họ"*. Trái lại Tolstoy viết tiếp: *"trí tuệ, sự chính trực, tính thẳng thắn, tính hiền lành đôn hậu, và tính đạo đức, thì phần lớn được tìm thấy ở những người tự xưng là kẻ vô tín (disbelievers)"*. [8]

Nhưng đó chưa phải là lý do chính để Tolstoy từ chối đức tin Ky Tô giáo, mà lý do chính vẫn là đức tin ấy hoàn toàn không có nội dung, nghĩa là chẳng liên hệ gì đến điều mà ông đang đi tìm kiếm, chưa muốn nói là càng làm cho Tolstoy thêm tối tăm. *"Tôi không thể chấp nhận cái đức tin của những người này. Tôi thấy rằng cái mà họ xem là đức tin, cái đó không*

giải thích ý nghĩa của cuộc sống mà chỉ làm nó tồi tệ; và rằng, chính nó tự tuyên xưng (profess) cái đức tin của họ không phải để trả lời (đáp ứng) cho câu hỏi về cuộc sống, là cái đã kéo tôi về với đức tin, mà vì mục đích nào đó, xa lạ với tôi. Tôi nhớ cái cảm giác đau đớn khi tôi trở lại với nỗi tuyệt vọng mà tôi đã cảm nhận rất nhiều lần trong những mối quan hệ của tôi với những người này. Họ càng đặt lời dạy của họ trước tôi, với những chi tiết càng gia tăng, thì tôi càng thấy rõ ràng hơn cái sai lầm của họ, cho đến khi tôi mất hết hy vọng về việc khám phá ra trong đức tin của họ bất cứ sự giải thích nào về ý nghĩa cuộc đời". Và một lần nữa Tolstoy khẳng định lại về những người đang theo đức tin này: "Tôi cảm thấy mạnh mẽ rằng họ đang đánh lừa chính mình." [9]

Bởi thế cho nên khi Tolstoy đọc được cuộc đời của đức Phật thì ông mới thấy rằng những vấn đề đang ám ảnh ông từ hơn 20 thế kỷ trước vị hoàng tử trẻ tuổi Tất Đạt Đa cũng đã từng bị ám ảnh và đau khổ chẳng khác gì ông bây giờ. Đây là đoạn Tolstoy viết về nỗi đau khổ và tuyệt vọng của thái tử Tất Đạt Đa nhưng đọc lên ta có cảm giác rõ rệt rằng Tolstoy cũng viết về nỗi đau khổ của chính mình nữa:

"Tất Đạt Đa – một hoàng tử trẻ và hạnh phúc, bị che giấu khỏi bệnh tật, tuổi già và sự chết. Một hôm đi ra ngoài dạo một vòng và thấy một cụ già rụng hết răng, mũi dãi lòng thông, và nom dễ sợ. Vị hoàng tử mà cho tới lúc ấy bị che giấu khỏi tuổi già bị bất ngờ và hỏi người đánh xe điều này có nghĩa là gì, và tại sao người đàn ông này đã đi tới một tình trạng đáng thương, kinh tởm và gớm ghiếc như thế. Và khi chàng phát hiện ra rằng đây là số phận chung của tất cả mọi người, rằng chàng, một hoàng tử trẻ tuổi, cũng sẽ tới tình trạng này, chàng không thể tiếp tục đi với người đánh xe và ra lệnh cho y trở về hoàng cung để suy tưởng về điều này. Và rồi chàng tự giam mình trong phòng và suy ngẫm về nó." [10]

Vì học được từ cuộc đời của đức Phật như vậy nên Tolstoy xác quyết rằng đạo Phật hoàn toàn

khác với đức tin Ky Tô giáo mà ông từ bỏ, "như vậy, chúng ta có những câu trả lời trực tiếp mà sự khôn ngoan minh triết của con người có để cung cấp khi nó trả lời câu hỏi về cuộc sống." [11]

Nhưng thấy được nguyên nhân đau khổ mà không đưa ra được phương thuốc để diệt trừ sự đau khổ là một điều vô cùng nguy hiểm vì như thế sẽ khiến cho con người vốn đã tuyệt vọng lại càng tuyệt vọng hơn.

Tolstoy biết được sự nguy hiểm này nên ta thấy ông có trích câu nói của Socrates: "Bạc hiên nhân tìm kiếm sự chết suốt đời mình và vì lý do này nên cái chết sẽ không là kinh hãi với các vị ấy." [12]

Đức Phật còn đi xa hơn cả Socrates vì Ngài đã chỉ cho chúng ta thấy nguyên nhân sâu xa vì sao con người suốt đời cứ nơm nớp lo sợ cái chết:

"Đây là con ta, đây là tài sản ta. Kẻ phàm phu thường lo nghĩ như thế, nhưng chẳng biết chính ta còn không có huông là con ta hay tài sản ta." (Pháp cú – HT Trí Đức dịch)

Như vậy, nguyên nhân khiến con người sợ hãi trước cái chết chính là ái dục (tanhā).

Tolstoy cũng thấy được cái *tanhā* này khi văn hào của chúng ta trích một câu của Schopenhaur, vị triết gia vĩ đại của nước Đức rất say mê tư tưởng Phật giáo:

"Sự di chuyển vào trong hư vô – cái ấy là bản chất (nature) của chúng ta, cái ý chí muốn sống (will to live) của chính chúng ta, bởi nó mà ta được cấu thành, như vũ trụ chúng ta được cấu thành. Cái sự kiện rằng chúng ta quá kinh hãi trước hư vô, hoặc, cái sự kiện rằng chúng ta quá muốn sống, chỉ có nghĩa là chúng ta chỉ là cái dục vọng muốn sống (desire to live); và những sự kiện đó, có nghĩa là, ngoài cái dục vọng này, chúng ta không biết gì cả. Bởi vậy, khi cái ý chí này bị hoàn toàn huỷ diệt, thì tất cả những gì còn lại với chúng ta – những kẻ được thành tựu bởi cái ý chí ấy – dĩ nhiên, là hư vô". [13]

Nhưng vì sao ái dục phát

sinh? Có phải là vì chúng ta cứ nghĩ rằng mọi sự trên đời này đều là trường cửu? Lạt Ma Geshe Kelsang

Gyatso đã cảnh báo chúng ta về cái ý nghĩa sai lầm nghiêm trọng này:

"Phần lớn những vấn đề của chúng ta phát sinh đều do suy nghĩ rằng mọi sự, kể cả chính ta là trường cửu. Nếu ta nhận chân được mọi sự kể cả chính mình đều thuộc bản chất vô thường, thì sẽ bớt được nhiều vấn đề." [14]

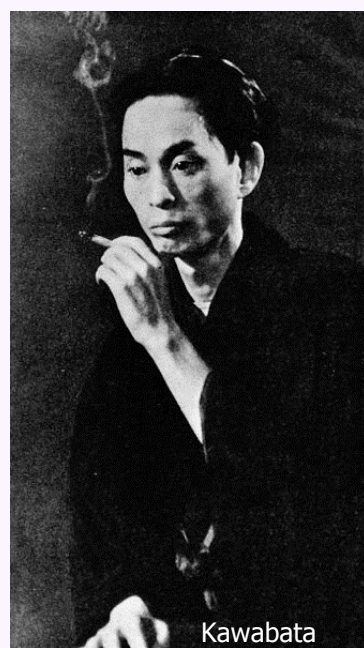
Luận sư Buddhaghosa cũng khuyến cáo chúng ta như thế nhưng rõ ràng và cụ thể hơn: "Với tư tưởng nghĩ rằng 'ta sẽ chết' vị ấy từ bỏ được sự tầm cầu bất đáng, và mong muốn tỉnh giác càng tăng mạnh, vị ấy sống không ràng buộc." [15]

Bởi vậy đối với Phật giáo cũng như đối với Buddhaghosa, quán vô thường không chưa đủ mà phải kết hợp với quán bất tịnh nữa nghĩa là xem bất tịnh quán của Phật giáo như là "tìm kiếm sự chết suốt đời mình" theo cách nói của Socrates.

Trong *Thanh Tịnh Đạo*, Buddhaghosa có kể lại một câu chuyện về vị trưởng lão có tên là Mahā Tissa đã quán bất tịnh một cách độc đáo như thế này:

"Khi trưởng lão đang trên đường đi từ Cetiya-pabbata đến Anuradhapura để khất thực, có một nàng dâu của một ông trưởng giả do gây lộn với chồng nên bỏ đi từ sáng sớm, trang sức lộng lẫy như tiên nữ, để về nhà bà con. Nàng trông thấy trưởng lão, và do tâm hồn hạ liệt, bật lên một tràng cười lớn. Ngạc nhiên không hiểu có chuyện gì xảy đến, vị trưởng lão nhìn lên, và khi thấy được 'bất tịnh tướng' nơi hàm răng của nàng, ngài đặc quả A La Hán. Do đó có kệ:

Thấy xương hàm răng
Duy trì "cốt tướng"



Kawabata



Hemingway

Chưa dời chân bước

Quả chúng vô sanh.

*Chồng nàng đi tìm nàng, gặp
trưởng lão anh ta hỏi: Bạch Đại
Đức, ngài có tình cờ trông thấy
một người đàn bà nào qua đây
không? Trưởng Lão đáp:*

Không rõ ông hay bà

Vì ta không để ý

Nhưng trên đường cái này

Có đồng xương di động". [16]

Bất tịnh quán qua cách diễn
đạt của Buddhaghosa như vậy
không chỉ đơn thuần là giúp
chúng ta nhầm chán dục vọng mà
có thể nói nó còn góp phần đánh
rơi tất cả những mặt nạ như
những kẻ cứ tự nhận mình là quý
tộc để rồi cho tất cả người khác là
tiện dân chẳng hạn. Đúng là như
Buddhaghosa đã nói thì những
người ấy cũng ngu muội chẳng
khác gì một con chồn già trông
thấy một cái hoa đỏ đang còn trên
cây rừng mà thèm vì cứ nghĩ "đây
là một miếng thịt, đây là một
miếng thịt." [17]

Qua bất tịnh quán của Bud-
dhaghosa, ta mới thấy tất cả cái
ngịch lý tội nghiệp của con
người: "...Và khi có một mẩu nhỏ
nào từ thân xác ấy rớt ra như tóc,
răng, đàm, mũi, v.v... thì người ta
sẽ không dám động tới, mà còn
cảm thấy hổ thẹn, nhục nhã, ghê
tởm. Nhưng khi những thứ ấy còn
lại trên thân xác, mặc dù vẫn
đáng ghê tởm thì người ta lại cho
là dễ chịu, đáng ham muốn,

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

*trường cửu, khả ái, tự ngã... bởi
vì bị trùm kín trong màn tối vô
minh, bị nhuốm tham ái đối với
tự ngã." [18]*

Tất nhiên, vẫn có những
người ngoại lệ, những con người
không bao giờ có thể là con chồn
già trông thấy một cái hoa đỏ
đang còn trên cây rừng mà thèm
vì cứ nghĩ "đây là một miếng thịt,
đây là một miếng thịt". Đó là
những người mà trong *Thanh
Tịnh Đạo* đã tôn xưng là bậc trí.

Buddhaghosa có thi kệ:

Bậc trí không nghĩ rằng

Chỉ phần rơi bất tịnh

Mà còn quán bất tịnh

Phần còn ở trong thân

Kẻ ngu không như vậy

Xem thân là tốt lành

Bị ác ma tóm bẫy

Không thoát khỏi khổ hình

Người trí khi thấy rõ

Thân này thật thối tha

Thì xác sống xác chết

Điều không chỗ đáng ưa.

[19]

Nhưng đó dù sao cũng chỉ
mới là lý thuyết, còn chuyện thực
hành được hay không lại là
chuyện khác, có nghĩa là không
phải cứ nghĩ rằng mình quán bất
tịnh có nghĩa là mình sẽ vứt bỏ
được tham ái và sắc dục.

Trong "*Tự Thú*", Tolstoy có
kể lại một câu chuyện ngụ ngôn
cổ của phương Đông, đại khái, có
một kẻ lữ hành đang đi trong
khu rừng thì bất ngờ gặp một
con dã thú đang hoành hành. Cổ
cứu mình thoát khỏi con dã thú,
người lữ hành nhảy vào một cái
giếng đã cạn nước, nhưng ở dưới
đáy giếng, y thấy một con rồng
đang giương móng vuốt ra chờ
vồ lấy y. Kẻ bất hạnh không dám
leo ra vì sợ bị con dã thú giết, y
cũng không dám nhảy xuống đáy
giếng vì sợ bị con rồng vồ. Bởi
vậy, y bám vào một cành cây
của bụi cây hoang dã mọc trong
kẽ nứt của cái giếng, và níu vào
đó. Hai cánh tay y trở nên yếu
dần và cảm thấy rằng chẳng bao
lâu nữa, y sẽ làm mồi cho thần
chết đang đợi y ở cả hai phía.
Thế nhưng y vẫn cứ níu vào đó,
và khi đang níu vào cành cây, y
nhìn lên thì thấy hai con chuột,
một đen và một trắng, đang gặm
nhấm vào xung quanh cái bụi

cây mà y đang bám. Chẳng bao
lâu bụi cây sẽ gãy đổ xuống và y
sẽ rơi vào nanh vuốt con rồng.
Nhưng trong khi y đang treo lủng
lẳng ở đó, y nhìn quanh và thấy
những giọt mật trên những chiếc
lá của bụi cây, và y đã lè lưỡi ra
để liếm chúng.

Tolstoy cho rằng hầu hết mọi
người trên đời này đều đang say
sưa lè lưỡi ra để liếm thứ mật chết
người này. Nhưng Tolstoy cảnh
báo những người này rằng, đến
một lúc nào đó họ sẽ không thể
liếm được nữa: "*Họ không thấy
rằng con rồng đang chờ đợi họ, họ
cũng không thấy hai con chuột
đang gặm nhấm vào cành cây mà
họ đang bám vào; họ chỉ đơn giản
liếm những giọt mật. Nhưng họ
chỉ 'tạm' liếm những giọt mật này
trong khi đang chờ đợi. Một cái gì
đó sẽ xoay hướng sự chú ý của họ
sang con rồng và hai con chuột và
tất nhiên sự liếm mật của họ sẽ có
một kết thúc."* [20]

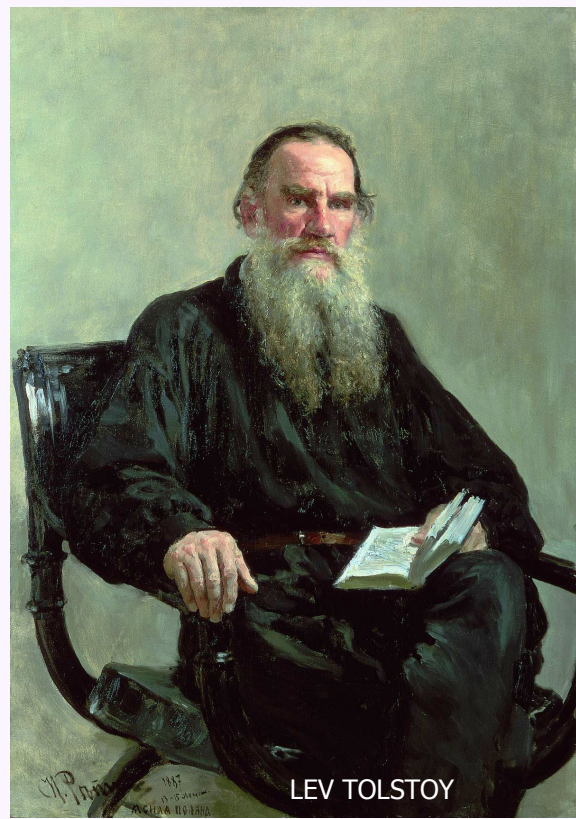
Và Tolstoy cũng nói lên sự
kinh ngạc của mình là tại sao một
hoàng tử trẻ tuổi của Ấn Độ cách
đây hơn 20 thế kỷ đã từ chối liếm
thứ mật chết người này, vậy mà
nhân loại của ngày hôm nay vẫn
chưa thức tỉnh và vẫn còn say sưa
liếm thứ mật ấy. Và đây là lời của
đại văn hào Nga Tolstoy:

*"Cái trí tưởng tượng nghèo
nản của những người này khiến
cho họ quên đi cái mà đã không
để lại cho hoàng tử Tất Đạt Đa
chút bình an nào. Sự cốt yếu của
bệnh tật, tuổi già và cái chết, mà
nếu không hôm nay thì ngày mai
sẽ huỷ diệt những lạc thú
này."* [21]

Riêng cá nhân mình thì Tol-
stoy khẳng định một cách mạnh
mẽ rằng: "*Giống như Tất Đạt Đa,
tôi không tìm thấy lạc thú trong
cuộc đời một khi đã đi tới chỗ biết
cái gì là tuổi già, sự đau khổ và
cái chết."* [22]

Nhưng tại sao những tâm hồn
vĩ đại như Hemingway, như Tol-
stoy, như Yukio Mishima và nhất
là Kawabata, một người có thể nói
là đã được nuôi dưỡng trong tinh
thần của Phật giáo được thể hiện
trọn vẹn qua câu phát biểu nổi
tiếng: "Nền văn hoá cổ Phương
Đông, nhất là kinh Phật, là nền
văn chương vĩ đại nhất thế giới.

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC



Tôi muốn viết một tác phẩm tên là 'Toho no Uta', *Bài ca Phương Đông*; đó sẽ là bài ca tươi đẹp của tất cả đời tôi... Tôi có thể chết trước khi bài ca đó được thành tựu nhưng hãy biết rằng tôi đã dự trù cả một chương trình trong tâm trí mình", [23] lại không chịu đựng nổi sự khủng hoảng nội tâm để đến nỗi phải tự kết thúc cuộc đời của mình? Có phải như Tolstoy đã cho rằng, "càng nhiều mình triết thì càng nhiều sầu muộn", hay "kẻ nào gia tăng mình triết thì cũng gia tăng sầu muộn" chẳng? Và có phải họ, những đầu óc đầy mình triết đó, cũng đã rơi vào trường hợp như nhà đại trí thức có tên là Huệ Khả? Như cuộc đối thoại sau đây giữa Bồ Đề Đạt Ma và Huệ Khả chẳng?

"Bồ Đề Đạt Ma ngồi nhìn vách tường. Huệ Khả đứng trầm mình trong tuyết, rút dao tự chặt cánh tay rồi nói:

- Con không được an tâm, xin thầy hãy an tâm cho con.

Bồ Đề Đạt Ma bảo:

- Đưa tâm ra đây ta sẽ an cho.

Huệ Khả đáp:

- Con không thấy tâm đâu cả.

- Ta đã an tâm cho con rồi đó!"

Như vậy, phải chăng từ Huệ Khả cách đây hơn 15 thế kỷ đến

Tolstoy hay Kawabata ở thế kỷ 20, sở dĩ đau khổ, bất an là vì những bậc đại trí thức này hãy còn bị vướng kẹt vào cái mà thuật ngữ Phật giáo gọi là Sở-Tri-Chướng (jñeyā - āvarana), một thứ vướng kẹt rất vi tế nghĩa là họ đã thấy được đỉnh núi cao trước mặt rồi nhưng chưa thể nhảy qua được chăng?

Bởi thế nên Đức Phật mới bảo rằng mỗi con người trong chúng ta đều có hai thứ bệnh là thân bệnh và tâm bệnh. Nhưng tâm bệnh theo Đức Phật mới là thứ bệnh khó điều trị nhất. Như trong kinh *Anguttara Nikaya* Đức Phật đã bảo:

"Này các thầy Tỳ kheo, có hai loại bệnh. Đó là thân bệnh và tâm bệnh. Có những người sống một năm, hai năm, ba năm, bốn năm, năm năm, mười năm - hai chục năm, ba chục năm, bốn chục năm, năm chục năm, và trong số trường hợp sống cả đến trăm tuổi vẫn không bị thân bệnh. Nhưng quả là khó tìm thấy những người thoát khỏi tâm bệnh, ngay cả chỉ một lúc thôi. Ngoại trừ các bậc A La Hán." [24]

Như vậy qua câu 'Nhưng quả là khó tìm thấy những người thoát khỏi tâm bệnh, ngay cả chỉ một lúc thôi' của Đức Phật thì tâm bệnh mới là căn bệnh khó trị nhất mà con người phải đối mặt.

Vì sao khó trị? "Tâm phạm phu cứ lén lút đi một mình, rất xa, vô hình vô dạng, như ẩn nấu hang sâu, chỉ những ai điều phục được tâm thì mới giải thoát khỏi vòng ma trói buộc". (HT Trí Đức dịch).

Như vậy làm thế nào để ta điều phục được cái tâm?

Trong kinh *Trung A Hàm*, có một đoạn kinh rất ngắn gọi là kinh Tâm, Đức Phật đã dạy một Tỳ kheo sống cô độc hãy nỗ lực điều phục cái tâm của mình như thế này:

"Bấy giờ, có một Tỳ kheo sống cô độc tại một nơi an tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm: *Cái gì dẫn thế gian đi? Cái gì bị nhiễm trước? Cái gì sanh khởi mà tự tại?*

Khi ấy, vào lúc xế chiều, Tỳ kheo ấy từ Thiền tọa đứng dậy đi

đến chỗ Đức Phật, cúi đầu đánh lễ chân Phật rồi ngồi xuống một bên, bạch rằng: *Bạch Thế Tôn, hôm nay con một mình ở một nơi yên tĩnh, thiền tọa tư duy, tâm khởi ý niệm: Cái gì dẫn thế gian đi? Cái gì bị nhiễm trước? Cái gì sanh khởi mà tự tại?*

Đức Thế Tôn nghe xong, khen ngợi: *Lành thay, lành thay, Tỳ kheo, là con đường hiền thiện lại được quán sát hiền thiện, là biện tài tinh diệu với tư duy khéo léo rằng 'Cái gì dẫn thế gian đi? Cái gì bị nhiễm trước? Cái gì sanh khởi mà tự tại?'* Này Tỳ kheo, câu hỏi của người là như vậy chăng?

Thầy Tỳ kheo ấy đáp: *Bạch Thế Tôn, đúng vậy.*

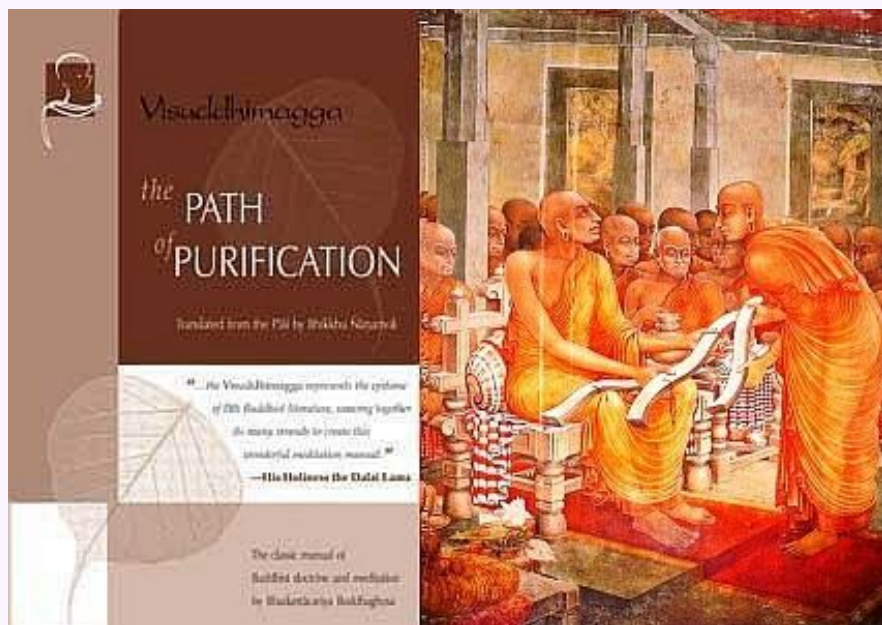
Đức Thế Tôn nói: *Này Tỳ kheo, tâm dẫn thế gian đi, tâm làm nhiễm trước, tâm sanh khởi tự tại. Này Tỳ kheo, chính nó dẫn thế gian đi, chính nó làm nhiễm trước và cũng chính nó khởi tự tại. Này Tỳ kheo, đa văn thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm tự tại. Này Tỳ kheo, đa văn thánh đệ tử không vâng theo sự tự tại của tâm, mà tâm tùy theo tự tại của đa văn thánh đệ tử.*

Tỳ kheo bạch rằng: *Lành thay! Lành thay! Kính vâng Thế Tôn.*" (Tuệ Sỹ dịch)

Như vậy, muốn an tâm thì không có cách nào hơn là phải nỗ lực thực hành theo lời mà Đức Phật đã khuyến cáo vị Tỳ kheo cô độc "đa văn thánh đệ tử không để tâm dẫn đi, không để tâm nhiễm trước, không để tâm tự tại...", đa văn thánh đệ tử không vâng theo sự tự tại của tâm, mà tâm tùy theo tự tại của đa văn thánh đệ tử".

Nhưng có gì khác nhau giữa cái "tâm phạm phu cứ một mình lén lút đi xa" và "cái tâm đã được điều phục"? Và tại sao một bạo chúa giết cha không gớm tay để soán ngôi vua lại hoang mang sợ hãi khi đứng trước khu vườn xoài trong đó có hơn một ngàn vị Tỳ kheo đang ngồi tịch nhiên bất động trong một đêm trăng rằm tuyệt đẹp? Như kinh *Sa Môn Quả* thuộc *Trường Bộ Kinh* đã ghi lại:

"Vua lại sai kêu Kỳ Bà Đồng Tử đến hỏi:



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Đại Vương, phải chăng đang nghĩ đến con mình, nên từ miệng phát ra lời 'Mong sao thái tử Ưu Bà Gia của tôi cũng được sự trầm lặng như thế này không khác?' (Tuệ Sỹ dịch).

(còn tiếp một kỳ)

CHÚ THÍCH:

- [1] Thế giới như tôi thấy, của Albert Einstein, Đinh Bá Anh, Nguyễn Vũ Hào và Trần Tiến Cao Đăng dịch, tr.18, NXB Tri Thức, HN – 2008.
- [2] Những tác phẩm lớn trong văn chương thế giới, Vũ Dzũng biên soạn, tr. 33, NXB Văn học, TP.HCM 2002.
- [3] Tự Thú, của Lev Tolstoy, Đỗ Tư Nghĩa dịch, tr. 8, NXB Văn hóa SG, 2007.
- [4] Sđd, tr. 47.
- [5] Sđd, tr. 63.
- [6] Sđd, tr. 110.
- [7] Thanh Tịnh Đạo, Thích Nữ Trí Hải dịch, tập 1, tr. 8, chùa Pháp Vân, Hoa Kỳ XB 1992.
- [8] Tự Thú, tr. 19.
- [9] Tự Thú, tr.128-129.
- [10] Tự Thú, tr.88-89.
- [11] Sđd. tr.91.
- [12] Sđd. tr.81.
- [13] Sđd. tr.82.
- [14] Phật Giáo Truyền Thống Đại Thừa, Thích Nữ Trí Hải dịch, tr.41.
- [15] Thanh Tịnh Đạo tập 1, tr.158.
- [16] Thanh Tịnh Đạo, tập 1, tr.34 – 35.
- [17] Thanh Tịnh Đạo, tập 1, tr.324.
- [18] - nt-.
- [19] Thanh Tịnh Đạo, tập 1, tr.325.
- [20] Thanh Tịnh Đạo, tập 1, tr.95.
- [21] Sđd. tr. 97.
- [22] Sđd. tr. 100.
- [23] Yasunari Kawabata, tuyển tập tác phẩm, tr.1071 – 1072, nhiều tác giả, NXB Lao Động, Hà Nội 2004.
- [24] Đức Phật Tối Thượng, của Sarada Maha Thero, Thích Tâm Quang dịch, tr. 158, NXB Văn hoá Sài Gòn, 2008.

Ngày rằm trăng tròn, đêm sáng không khác gì ban ngày. Ta nên đến Sa Môn, Bà La Môn nào, để có thể khai ngộ tâm ta?

Kỳ Bà Đồng Tử tâu:

Có Phật Thế Tôn, nay đang ở vườn xoài của tôi. Đại Vương nên đến đó thăm hỏi. Nếu Đại Vương gặp Phật, tâm tất khai ngộ. Vua bèn sắc lệnh Kỳ Bà:

Hãy thẳng kiệu voi báu mà ta thường cỡi, cùng với năm trăm thốt voi trắng.

Kỳ Bà vâng lệnh, cho trang nghiêm lại con voi của vua cùng với năm trăm thốt voi xong, tâu rằng:

Xa giá đã trang nghiêm. Xin Đại Vương biết thời.

A Xà Thế tự mình cỡi voi báu, cho năm trăm phu nhân cỡi năm trăm voi cái, tay mỗi người cầm một bó đuốc, thể hiện uy nghi của vua. Ra khỏi La Duyệt Kỳ, hướng đến chỗ Phật.

Tiến đi được một đoạn, vua bảo Kỳ Bà:

Người nay gạt ta, hãm hại ta, dẫn ta và đại chúng đến cho kẻ thù.

Kỳ Bà tâu:

Đại Vương, thần không dám lừa dối Đại Vương, không dám hãm hại Đại Vương, dâng Đại Vương và đại chúng đến cho kẻ thù. Đại Vương cứ tiến về phía trước, tất thu hoạch được phúc khánh.

Rồi thì, tiến tới một quãng ngắn, vua lại bảo Kỳ Bà:

Người nay gạt ta, hãm hại ta, dẫn ta và đại chúng đến cho kẻ thù.

Vua nói đến ba lần như vậy. Vì sao? "Nơi kia có đến một ngàn hai trăm vị Tỳ kheo, nhưng lại vắng lạnh không tiếng động. Hẳn là có âm mưu rồi."

Kỳ Bà ba lần tâu:

Đại Vương, thần không dám lừa dối Đại Vương, không dám hãm hại Đại Vương, dâng Đại Vương và đại chúng đến cho kẻ thù. Đại Vương cứ tiến về phía trước, tất thu hoạch được phúc khánh. Vì sao? Sa Môn kia theo pháp thường ưa sự thanh vắng, do đó không có tiếng động. Đại Vương cứ tiến tới, khu vườn đã hiện ra rồi.

Vua A Xà Thế đi đến cổng vườn, xuống voi, giải kiếm, cắt lọng, dẹp bỏ năm thứ uy nghi, bước vào cổng vườn, nói với Kỳ Bà:

Phật Thế Tôn đang ở đâu?

Kỳ Bà trả lời:

Đại Vương, Phật đang ở trên cao kia, phía trước Ngài có ngọn đèn. Thế Tôn ngồi trên tòa sư tử, mặt hướng về phía nam. Đại Vương đi tới một chút, tự mình gặp Thế Tôn.

Bấy giờ, A Xà Thế đi tới chỗ giàng đường, rửa chân ở bên ngoài, sau đó bước lên giàng đường, im lặng nhìn bốn phía, sinh tâm hoan hỷ, miệng tự phát nên lời:

Nay các Sa môn yên tĩnh lặng thính, hoàn toàn tĩnh lặng. Mong sao thái tử Ưu Bà Gia của tôi cũng được sự trầm lặng như thế này không khác.

Khi ấy, Phật nói với vua A Xà Thế:

Thu của Me

*lửa thời gian phết bạc lên đầu
lửa trắng thu cũng bạc niêm đau
căn gác hồi chuông khua tĩnh mịch
bầu trời giấc mộng độ lao xao
loáng thoáng từ sinh dài bao nã?
phù du oan nghiệt biết là đâu?
trăng thu còn với người thơ đó
thong thả theo về nửa vó câu.*

Chào hỏi quê hương

*chào trần thế cuộc xa mùa lịch sử
chào vinh quang những chốn gối huy hoàng
chào thiên cổ những hồn người mệt lử
chết tang thương vẫn còn mộng trên ngàn
quê hương đó những phơi bày tâm sử
những tên người trót lỡ cuộc vinh danh
những con đường gọi hồn đau quá khứ
và mẹ quỳ khóc tủi cõi trăng lạnh
còn gì nữa mà đêm ngày thống thiết?
dãi dặt dài những thống khổ tàn phai
những gian truân trong hạnh phúc giống nòi
thập tự giá treo tên người cứu rồi
chào đất nước những biển dâu muôn lối
những vinh quang trên triệu triệu xác người
những lễ hội trần gian hoa ử dật
đóng gông cùm trên thân phận mồ côi
chào quê hương mấy chục năm đổi mặt
đau kiếp người chung lịch sử thay màu
tình ly hương cõi lòng canh cánh vọng
vận hội chờ trang sử mấy mùa sau.*

Di ngữ

*tay rơi cán bút nửa chừng
hư không vén lại giữa rừng mặc ngôn
lòi ra một ánh trăng nguồn
soi vào tâm thức nổi dòn dập tan.*



Vô sở trú

*bước muộn neo đường dài
phổ đêm hương sắc bay
bóng theo hình chập choạng
chỗ về đường không ai.*

Giọt hư

*trăng vàng soi truông quạnh
bóng chiếc bờ dốc xa
đường về im giấc lạnh
tiếng sóng vỗ tuổi già
bên cầu sương áp mặt
chút trăng chảy mơ màng
bị rịn tình đau ngất
chim lẻ kêu cô hoang
đêm mở từng phiến lụa
đá ghềnh bước chân mòn
áo sờn vai phong nhụy
vàng trắng lên chon von
lòng khuya rung sóng chậm
biển thăm mở trắng chìm
cổ xư cung đàn ảm
say vùi giấc lênh đênh
xa quá đường vạn dặm
gần gũi con mê này
nửa đời tan giấc rộng
hư tưởng giọt tình say.*

thơ

PHÙ DU

**MỘT VÀI HÌNH ẢNH LỄ CHUNG THẤT CỐ ĐLHT THÍCH MINH CHÂU
TẠI CHÙA DUYÊN GIÁC, SAN JOSE, CALIFORNIA, NGÀY 20.10.2012**



**MỘT VÀI HÌNH ẢNH LỄ CHUNG THẤT CỔ ĐLHT THÍCH MINH CHÂU
TẠI CHÙA DUYÊN GIÁC, SAN JOSE, CALIFORNIA, NGÀY 20.10.2012**



PHẬT HỌC

CẦU NGUYỆN và TỤNG KINH

Tâm Diệu

Đạo Phật trên ý nghĩa thiết yếu là “biện chứng giải thoát” hay là con đường giải thoát. Giải thoát khỏi khổ đau, sinh tử luân hồi. Tuy cùng đi trên một con đường, nhưng vì con người có nhiều tâm tính, trình độ, khả năng và căn cơ khác nhau, lại vì tùy hoàn cảnh, tùy phong tục, tập quán, luật lệ thay đổi theo từng địa phương và tùy thời điểm, cho nên Đức Phật đã đưa ra vô số phương tiện khác nhau, thường được tiêu biểu bằng con số 84 nghìn pháp môn, để hướng dẫn mọi người đạt đến cứu cánh giác ngộ, giải thoát. Cầu nguyện và tụng kinh, tuy không phải là cứu cánh, nhưng cũng là một trong 84 nghìn pháp môn.

CẦU NGUYỆN

Thời Đức Phật tại thế, có chàng trai trẻ đến xin Phật làm lễ cầu siêu cho người cha vừa quá vãng. Biết rằng chàng trai trẻ tràn ngập nỗi đau khổ chắc khó có thể hiểu được những lý lẽ trong lúc này, nên Đức Phật đã phải dùng phương tiện bằng hình ảnh cụ thể với những đặc tính đối lập, một hòn đá và một lon dầu, cả hai được ném xuống hồ, đá nặng chìm xuống và dầu nhẹ nổi lên. Đức Phật trả lời, như một hòn đá nặng được thả chìm xuống đáy hồ, cho dù với sức cầu nguyện của số đông, hòn đá vẫn không thể nổi lên mặt nước. Qua đó, Đức Phật khẳng định nếu con người tạo nghiệp xấu thì chịu quả báo xấu và tạo nghiệp tốt thì được hưởng quả báo tốt, cầu nguyện không thể làm thay đổi được nghiệp lực, nhất là khi nghiệp đã chín muồi. Rõ ràng, cầu nguyện để mong giải tội, xóa sạch ác nghiệp đã tạo, phó thác hoàn toàn vào tha lực như các Bà la môn hằng tin tưởng là một việc làm vô ích [1].

Tuy nhiên, trong một vài trường hợp khác, cũng trong kinh

Pali, Đức Phật cho thấy sự cầu nguyện có ảnh hưởng đến người khác và môi trường sống chung quanh. Điển hình là trường hợp Tỳ kheo Angulimāla, ông vốn là một tay cướp giết người nổi tiếng, nhưng Angulimāla được Phật hoá độ, trở thành Tỳ kheo. Một hôm, Angulimāla đi khất thực, gặp một người đàn bà sắp lâm bồn đang rên siết đau đớn bên đường. Không biết làm thế nào, Angulimāla trở về hỏi Đức Phật. Đức Phật khuyên Angulimāla đem lời sau đây nói với người đàn bà: “*Này cô, từ ngày được sanh vào Thánh tộc (nghĩa là từ ngày tôi xuất gia), tôi chưa hề có ý tiêu diệt đời sống của một sinh vật nào. Do lời chân thật này, ước mong cô được vuông tròn và con của cô được bình an vô sự.*” [2] Angulimāla học thuộc lòng bài kinh, rồi đi đến nơi, ngồi cách người phụ nữ một bức màn che, đọc lại. Người mẹ đau đớn liền sanh được dễ dàng.

Đến nay bài kinh Angulimāla Paritta [3] này vẫn còn được lưu hành ở một số quốc gia Phật giáo Nam Truyền. Điều này cho thấy năng lực nội tại (**qua tâm từ và giữ giới**) của hành giả có thể có tác dụng đến ngoại giới, đến môi trường chung quanh và ảnh hưởng ấy lại được chuyển tải bởi ngôn ngữ (lời kinh). **Sức mạnh của tâm từ và năng lực trì giới của Tôn gia Angulimāla đã chuyển hoá tai họa của sản phụ, khiến cho mẹ con được an lành.**

Cũng vào thời Phật, có một số tỳ kheo sống trong rừng sâu bị rắn độc cắn bị thương nhiều có khi gây tổn hại đến sinh mệnh, nên Phật đã dạy các tỳ kheo ấy hãy rải tâm từ đến các loài rắn độc thì sẽ tránh khỏi. Phật dạy bài kệ. Nội dung bài kệ không phải là những câu thần chú bí hiểm, mà chỉ là những lời ước

nguyện, mong cho tâm từ của hành giả lan toả đến chúa tể các loài rắn độc, các sinh vật không chân, hai chân và bốn chân; ước nguyện chúng sinh các loại đều được an lành, không làm hại đến tỳ kheo. Văn ước nguyện này được gọi là “hộ chú” (parittam) [4].

Trong thời cận đại, một vị bác sĩ người Pháp qua Việt Nam làm các việc từ thiện ở những năm đầu thập niên thế kỷ 20 cũng xác nhận rằng nhờ “tâm từ” mà ông đã thoát được nạn rắn độc. Đó là trường hợp bác sĩ Yersin: “*Năm 1894 bác sĩ Yersin đi từ cao nguyên Lang Bian đến Darlac rồi từ Darlac đến Attopeu, một bữa nọ bác sĩ đang đi trong rừng, mắt chăm chú nhìn lên các ngọn cây cao, thì bỗng nghe sau lưng có tiếng động. Quay lại thì ngó thấy một con rắn hổ mang to lớn đứng thẳng lên trên đuôi, phùng mang le nọc độc. Bác sĩ Yersin đứng yên, thái độ hoàn toàn bình thản. Rắn lắc lư chiếc đầu đẹp muốn nhảy đến chụp, nhưng lại trù trừ. Hồi lâu hạ mình xuống vụt phóng vào bụi rậm rồi đi mất. Nghe được câu chuyện, có người đến hỏi bác sĩ có phải nhờ thuật thôi miên mà thoát nạn chăng? Bác sĩ cười đáp: “Rắn độc cũng như thú dữ, cần người chỉ để tự vệ. Chúng đều có linh tính. Một khi nhận biết rằng mình không có ác tâm, ác ý đối với chúng thì không bao giờ chúng làm hại mình.” [5].*

Trên đây là một số trường hợp cầu an cứu hộ có tính cách cá nhân cho mình hoặc cho người, nương nhờ vào **năng lực từ tâm và trì giới**. Trong trường hợp số đông chúng sinh như các vùng bị thiên tai, bão lụt làm mất tích và chết nhiều người, dẫn đến các





TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

đau ốm, và ảnh hưởng xấu của những sự thay đổi môi trường sống trong hệ thống hành tinh cũng như để đặt tin tưởng nơi tự tâm bằng chính tâm từ bi, chánh tín, chánh kiến và năng lực giữ giới hạnh của chúng ta. Còn “Cầu Siêu” là nguyện cầu cho những người thân quá cố hoặc bạn bè quen hay không quen của chúng ta, nhưng vì tâm từ, vì họ mà làm những việc từ thiện để hồi hướng cho họ được nương vào phước lành đó mà vượt thoát khỏi ba đường ác.

Việc tránh ác, làm thiện và giữ giới của mỗi cá nhân và của số đông, hợp với sức mạnh gia hộ của thanh tịnh đại hải chúng Bồ Tát, của chư Phật và các vị thiện thần có thể đem lại kết quả, đạt được mục đích cầu an như ý lực mong muốn. Sự gia hộ mà trong kinh sách thường nói đến như là một tha lực, là điều rất khó giải thích, chỉ có thể cảm nhận được bằng kinh nghiệm bản thân.

Chú Thích:

[1] HT. Thích Minh Châu, Kinh Tương Ưng Bộ Tập IV Thiên 6 xứ Ch.8 Đoạn 6: <http://www.thuvienhoasen.org/tu4-42.htm>

[2] HT. Narada Maha Thera, Phạm Kim Khánh dịch Việt, 1998, Đức Phật và Phật Pháp <http://www.thuvienhoasen.org/ducphatvaphatphap-12.htm>

[3] HT. Thích Minh Châu, Kinh Trung Bộ, Angulimala Sutta, kinh thứ 86. <http://www.thuvienhoasen.org/u-trung86.htm>

[4] Suzuki - TT. Thích Tuệ Sỹ, Thiền và Bát Nhã, Viện CDPH Hải Đức, 2004.

[5] Quách Tấn, Xứ Trầm hương. Hội Văn học nghệ thuật Khánh Hòa tái bản 2003.

[6] HT. Thích Minh Châu, Kinh Tiểu Bộ Tập I Kinh Tập, (I) Kinh Châu Báu (Ratana Sutta) (Sn 9) <http://thuvienhoasen.org/kinhtieubo1-05-kinhtap-02.htm> và Cư sĩ Nguyên Giác, Bản dịch Việt: <http://www.thuvienhoasen.org/cacphaphoquocandan.htm>

bệnh dịch tàn phá khác. Phật giáo, ngoài những nỗ lực cứu giúp bằng các phương tiện vật chất còn có biện pháp cứu hộ khác bằng năng lực cầu nguyện của số đông với tâm từ bi, với chánh tín và chánh kiến qua việc đọc tụng kinh Châu Báu [6] như tại các quốc gia theo truyền thống Phật giáo Nam truyền thường áp dụng.

Như thế có thể nói rằng ngoài tự lực, trong Phật giáo còn có tha lực và cầu nguyện, vẫn là một trong 84 ngàn pháp môn tu tập trong đạo Phật. Sự cầu nguyện có thể được giải thích như là một ý lực mạnh mẽ muốn chuyển hóa nghiệp lực đối với tự thân đồng thời hỗ trợ cho tha nhân chuyển hóa nghiệp lực của chính họ, mà chủ yếu là **sức mạnh của tâm từ bi và giữ giới luật**.

TỤNG KINH

Tụng kinh là cách hành trì rất phổ biến của cả hai trường phái Phật giáo Nam Truyền và Bắc Truyền.

Kinh có nghĩa là những lời Phật dạy, bao gồm những bài thuyết pháp của Đức Phật từ buổi thuyết pháp đầu tiên tại Ba La Nại cho đến lúc Phật nhập Niết Bàn.

Tụng kinh là để ôn lại những lời Phật dạy và để tự nhắc nhở mình ứng dụng lời của Phật dạy vào cuộc sống hằng ngày là **không làm các việc ác, làm các việc lành và tự thanh lọc tâm ý**. Khi tụng kinh, do chú tâm vào lời kinh nên cả ba nghiệp là thân, khẩu và ý không có cơ hội tạo tác. Do đó xa lìa được các gốc rễ của khổ đau như tham lam, sân

hận, si mê, đem lại lợi lạc cho mình và người.

Nhiều bài kinh quan trọng từ giáo lý căn bản của Đức Phật được chọn ra từ các bộ kinh. Tên những bộ kinh nguyên thủy bằng chữ Pali được chọn ra là: Trường Bộ Kinh (Digha Nikaya), Trung Bộ Kinh (Majjima Nikaya), Tương Ưng Bộ Kinh (Samyutta Nikaya), Tăng Chi Bộ Kinh, (Anguttara Nikaya) và Tiểu Bộ Kinh (Khuddaka Nikaya). Các Kinh nguyên thủy bằng chữ Sanskrit gồm có các bộ A Hàm (Agamas) như Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, và Tập A Hàm (tương đương với các bộ Trường Bộ Kinh, Trung Bộ Kinh, Tương Ưng Bộ Kinh, Tăng Chi Bộ Kinh, và Tiểu Bộ Kinh thuộc văn hệ Pali). Ngoài ra còn có các kinh thuộc Phật giáo Bắc Truyền như: Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Kim Cang, Kinh Đại Bát Nhã, Kinh Đại Bát Niết Bàn, Kinh Đại Bảo Tích, Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, Kinh Duy Ma Cật, Kinh A Di Đà, và còn rất nhiều nữa.

Những kinh mà người Phật tử tụng trong truyền thống Phật giáo Nam Truyền để **cầu an** là **Kinh Châu Báu** và **Kinh Phật Lực**. Cầu siêu là **Kinh Vô Ngã Tướng** và **Kinh Hồi Hướng Vong Linh**. Đối với Phật giáo Bắc truyền kinh Cầu an là **Kinh Phổ Môn** và cầu siêu là **Kinh A Di Đà** và **Kinh Địa Tạng**.

“Cầu An” có nghĩa là ước nguyện cho chính chúng ta hay cho người khác tránh khỏi các hình thái của ma quỷ, bất hạnh,

GỌI PHẬT BẰNG BẠN

Thích nữ Trí Hải

(Phỏng thuật theo Kinh Giới Phân Biệt)



Một mùa an cư, sau khi mãn hạ, đức Thế Tôn du hành một mình thăm viếng các trú xứ của những tỳ kheo, để biết lối sống của họ, việc tu hành tiến thoái của họ. Chính nhân những cuộc du hành này mà có lần Ngài đã tâm sự với thị giả Nàgita:

— Này Nàgita, mỗi khi đi ngang một làng mạc mà thấy một am cốc của tỳ kheo, thì dù vị ấy đang ráo riết thiền tọa, Như Lai cũng không hài lòng về trú xứ của vị ấy. Vì sao? Vì vị ấy có thể bị phụ nữ, trẻ con, người lớn trong làng đến phiền nhiễu, tán chuyện làm cho vị ấy không thể chứng đắc những pháp chưa chứng, và có thể thối thất những pháp đã chứng. Trái lại, mỗi khi trông thấy một vị tỳ kheo ở trong rừng, dưới gốc cây, thì dù vị ấy đang tựa gốc cây mà ngủ gục, Như Lai vẫn hài lòng, nghĩ rằng: "Tỳ kheo này sau khi hết cơn buồn ngủ, có thể tiếp tục tọa thiền không bị ai quấy rối. Y sẽ chứng đắc những pháp chưa chứng đắc."

Trong cuộc du hành chúng ta đang nói đến, khi đức Thế Tôn đi ngang một làng nọ thì trời sắp tối. Ngài ghé vào nhà một người thợ gốm xin trú ngụ. Không ai biết đấy là đấng giác ngộ, vì Ngài làm như một tỳ kheo thông thường giản dị, không có tùy tùng thị giả. Ngài ngỏ lời với thợ gốm:

— Này ông thợ gốm, tôi có thể nghỉ tại nhà người một đêm không?

Thợ gốm nhìn Ngài đáp:

— Sa môn muốn ở lại cũng được, nhưng đã có một vị đến trước cũng đang nghỉ tại đây. Xin hiền giả (tiếng xưng hô với những vị tỳ kheo còn trẻ) hãy ngỏ lời với vị ấy, nếu ông ta đồng ý thì xin hiền giả cứ tự tiện.

Đức Thế Tôn bước vào. Gặp một vị tỳ kheo trẻ đang ngồi, Ngài hỏi:

— Hiền giả, tôi muốn ở lại đây một đêm, có phiền gì cho người chăng?

— Ồ thưa hiền giả, không có gì phiền. Nhà thợ gốm rất rộng.

Thế Tôn bèn trải thảm cỏ ngồi kiết già. Vị tỳ kheo cũng ngồi thiền đến quá nửa đêm. Đức Thế Tôn quán sát cử chỉ tỳ kheo thanh niên ấy, lấy làm hài lòng. Ngài nghĩ: "Thanh niên này có những cử chỉ tinh thành. Ta hãy hỏi chuyện y." Và Ngài mở lời:

— Này bạn, nhân danh ai mà bạn đã từ bỏ gia đình, sống đời khát sĩ? Ai là thầy của bạn?

Tỳ kheo đáp:

— Ồ bạn ơi, có sa môn dòng họ Thích Ca đã từ bỏ ngai vàng để trở thành một ẩn sĩ. Thiên hạ đồn rằng Ngài đã đạt chánh giác, được tôn xưng là Phật, Thế Tôn. Chính nhân danh Con Người cao cả đó mà tôi đã xuất gia. Bậc Thế Tôn ấy là đạo sư của tôi. Tôi thích

sống như Người.

— Vậy con người cao cả đó, đức Phật, Thế Tôn ấy, bây giờ ở đâu?

— Này bạn, có một đô thị ở phía Bắc gọi là Xá Vệ, chính nơi đó đức Thế Tôn đang ngự tòa.

— Bạn có khi nào thấy đấng Thế Tôn ấy chưa? Bạn có nhận ra Ngài nếu gặp Ngài không?

— Bạn ơi! Làm sao tôi có được cái điểm phúc ấy? Tôi chưa bao giờ trông thấy Ngài, chỉ mới nghe danh Ngài thôi. Nhưng chính nhờ Ngài mà tôi bỏ tục xuất gia, sống đời không nhà. Tôi chưa được gặp Ngài thì làm sao nhận ra Ngài được?

Đức Thế Tôn suy nghĩ: "Thanh niên này đã nhân danh ta mà xuất gia. Vậy ta hãy thuyết pháp cho y." Rồi Ngài dạy:

— Hỡi khát sĩ, tôi sẽ giảng pháp cho bạn, hãy lắng nghe.

— Được, bạn cứ nói đi.

Đức Thế Tôn thuyết pháp cho vị tỳ kheo ấy về cấu tạo của con người gồm bốn đại, năm uẩn, trong đó không có cái gì là ta hay của ta, toàn là những kết hợp vay mượn từ bên ngoài, biến chuyển luôn luôn để đi đến hoại diệt. Do nhận thức chân chính ấy, khi mắt tiếp xúc với sắc, tai với âm thanh v.v... phát sinh ra cái thấy cái nghe, v.v... và những cảm thọ như dễ chịu, khó chịu v.v..., vị tỳ kheo không tham đắm, không ghét bỏ vì quán sát những cảm thọ ấy không phải là ta không phải của ta. Vị ấy có thái độ "huệ xả" (giải thoát nhờ trí tuệ), không còn vọng tưởng, được sự bất động. Khi dứt được những vọng tưởng như vậy, vị tỳ kheo ấy được gọi là ẩn sĩ tịch tịnh.

Đức Thế Tôn dùng âm thanh vi diệu như tiếng hót chim Ca lăng tần già để thuyết pháp cho vị tỳ kheo ấy, khích lệ ông, làm cho ông hân hoan phấn khởi với những lời pháp của Ngài, như thể được nếm cam lồ bất tử. Nghe xong thời pháp của Thế Tôn, vị tỳ kheo biết ngay đấy chính là đấng A La Hán chánh đẳng giác ông đang ngưỡng mộ tôn thờ. Ông sửa lại y, quỳ gối chấp tay bạch:

— Bạch Thế Tôn, con thật ngu si đã gọi Ngài là bạn. Xin Thế Tôn cho con sám hối tội lỗi.

— Này tỳ kheo, vì người không biết nên không gọi là tội lỗi.

Lời Bàn:

Qua giai thoại này, ta thấy rõ khi vị tỳ kheo lắng nghe đức Phật và lãnh hội lời dạy của Ngài, ông không biết người đang nói với mình là ai, đấy là giáo lý của ai. Nhưng ông thấy được chân lý qua những lời dạy ấy. Như thuốc hay thì bệnh sẽ lành, không cần phải biết ai làm nên vị thuốc hoặc nó từ đâu lại.

NĂM PHƯƠNG TIỆN PHÁP MÔN NIỆM PHẬT

Thiền Thai Trí Giả Đại Sư biên soạn

nguyên bản Hán, Đại chính tân tu đại tạng kinh Vol. 47, No. 1962

Tỳ Kheo Thích Đức Trí dịch ra Việt văn

Thứ nhất định tâm thiền; thứ hai là chế tâm thiền; thứ ba thể chân thiền; thứ tư phương tiện tùy duyên thiền; thứ năm tức nhị biên phân biệt thiền.

Trụ tâm chuyên chú vào một đối tượng gọi là Định Tâm Thiền. Như hành giả lúc niệm Phật khởi quán hào quang và sắc tướng của Phật, tâm thức an định sâu lắng gọi là *Định Tâm Thiền*.

Khi tâm được chuyên chú vào trạng thái định nhưng vẫn chưa dứt sạch thói quen vọng động và tán loạn, nay cần phải dùng phương pháp tu quán để nhiếp phục. Do đó, phải dùng phương tiện duyên tâm vào kim tướng của Phật để dứt trừ mọi vọng tưởng gọi là *Chế Tâm Thiền*.

Lại nữa, tuy đã điều phục được tâm, trụ tâm chuyên chú vào một đối tượng, nhưng đó chẳng phải lý quán, nó thuộc về sự tu hành. Cần phải thể nhập pháp quán không, khởi niệm tự hỏi ai chế tâm? Tức là thấy rõ không có cái ta, không có chủ thể điều phục tâm thì sẽ không có đối tượng Phật để quán và không có cái niệm vọng xuất hiện. Đây gọi là *Thể Chân Thiền*.

Tuy gọi là trạng thái Thể Chân Thiền, nhưng tâm thức vẫn còn ngưng trệ vào trạng thái không, vô sở danh tướng chưa thể thấu rõ. Nay lấy cái vô sở đắc làm phương tiện, từ trạng thái tâm không nhập pháp giả quán để soi xét mọi hiện tượng, không bị mê lầm do chấp cái tâm Không. Đây gọi là *Phương Tiện Thiền*.

Lại nữa, trạng thái Chân Thiền và Phương Tiện Thiền đều chưa lìa hết tâm chấp hai bên, nay quán trạng thái tịnh tâm và động tâm vốn vô tướng mạo, vắng bật ngôn ngữ, xa rời tư tưởng và khái niệm. Đây gọi là *Tức Nhị Biên Thiền*. Từ cạn cho đến sâu, phân biệt như vậy cho dễ hiểu, thực chất quán sát viên mãn thấu rõ các pháp vốn như vậy, không có phân biệt.

Luận về năm môn niệm Phật:

- Xưng danh niệm Phật tam muội vắng sanh môn.
- Quán tướng diệt tội niệm Phật tam muội môn.
- Chư cảnh duy tâm niệm Phật tam muội môn.
- Siêu việt tâm cảnh niệm Phật tam muội môn.
- Tánh khởi viên dung niệm Phật tam muội môn.

Chư Phật đại từ, đại bi, thường thuyết pháp giáo hóa chúng sanh, chư Bồ tát dùng nhiều phương pháp giải thích ý nghĩa pháp đó. Các ngài dùng vô số phương tiện khai mở Trí tuệ Bát nhã, lý do nào mà nói pháp Bát nhã ba la mật? Phật dạy: “Vì muốn chư Bồ tát tăng trưởng pháp niệm Phật tam muội”. Lý do nào mà khuyên niệm Phật? Phật dạy: “Nếu có

người niệm Phật, nên biết người này cùng với Văn Thù Sư Lợi không khác”. Vì sao như vậy? Vì pháp niệm Phật tam muội này phát sanh các đại tam muội của chư Phật, như Du hí tam muội, Thủ lăng nghiêm tam muội và nhiều món tam muội khác. Từ tam muội này mà thể nhập sâu xa vào trong biển Phật pháp, đầy đủ các phương tiện hiển bày. Nếu dùng một câu niệm Phật mà tu niệm, thậm định rằng trong đó đã bao gồm tất cả pháp môn. Vì sao như vậy? Vì tất cả hiện thánh từ niệm Phật mà sanh, tất cả các món trí tuệ từ niệm Phật mà có. Cho đến hàng Thập tín Bồ tát và Tam hiền Bồ tát đều không xa rời niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng; không rời xa niệm Nhất thiết chủng trí. Từ sơ địa Bồ tát cho đến bát địa, cửu địa, thập địa cũng không xa rời niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Nhất thiết chủng trí.

Nhưng do vì trí tuệ sai biệt mà lập các danh tướng, chúng sanh mê danh, vọng sanh kiến giải sai khác, đọa lạc vào cảnh ma giới. Có người không hiểu rõ tính chất của giáo lý này một cách tường tận nên xem thường pháp niệm danh hiệu Phật, tự hiểu theo quan điểm sai lạc nên không nắm bắt được ý nghĩa thù thắng trong đó. Nay nhân vì thương xót cho tình cảnh đó mà tôi trình bày ý nghĩa thâm sâu của pháp niệm Phật. Luận về nhân của người tu đạo, không xa rời Tam hiền thập thánh; Nếu luận về quả chứng ngộ tức là quả vị Phật Như Lai. Người tu đạo thường tri ân và niệm mười phương tất cả chư Phật; chứng đắc quả vị giải thoát phải chứng trú trạng thái thanh tịnh đệ nhất thiền. Nên biết rằng, trạng thái thiền đó muốn thể nhập vào cảnh giới chứng ngộ rốt ráo, không pháp môn nào hơn pháp niệm Phật. Nhưng than ôi! Kẻ hậu thế chưa từng thể nghiệm trong pháp hành, mất đi lợi ích to lớn của pháp môn này. Từ khả năng thấy biết hạn hẹp đó nên mất phương hướng của sự tu học, thật đáng xót thương!

Lại nữa, chư Phật vì sự giải khổ cho chúng sanh mà khuyên niệm danh hiệu Phật, nguyện sanh Cực lạc quốc, nên mới dạy pháp niệm Phật vắng sanh; chúng sanh tuy hoan hỷ Phật thân, nhưng nghiệp lực sâu dày nên không thấy, nên mới dạy pháp quán tưởng diệt trừ tội chướng; chúng sanh mê chấp cảnh trần, nên mới dạy pháp quán các cảnh do tâm tạo; chúng sanh chấp các pháp thật có thật không, lạc vào hai bên nên dạy pháp quán xả li tâm và cảnh; chúng sanh vui đắm sâu vào cảnh không tịch của thiền định, chấp thủ trạng thái định, không

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

rõ thật pháp, nên mới dạy pháp Tánh khởi Viên thông.

Đức Thế tôn là bậc thầy cao quý, bậc đẹp trừ tất cả ngã tướng, bậc khai mở pháp môn niệm Phật vi diệu, con đường thẳng tới giác ngộ trọn vẹn. Duy chỉ có bậc thông hiểu kinh luận, đầy đủ kinh nghiệm tu chứng, định tuệ viên dung, kiểm chứng pháp môn này hoàn toàn tương ứng với các kinh luận liễu nghĩa đại thừa, đó là sự thật. Nên biết pháp trì danh niệm hiệu Phật thâm sâu khó nghĩ bàn, một câu niệm Phật mà chứa đủ các pháp môn, niềm tin thành tựu một khi đã y vào giáo nghĩa tịnh độ mà thực hành.

Từ nghĩa lý năm môn niệm Phật mà xét, có từng bước làm phương tiện tu học. Hành giả, lúc niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”, nguyện sanh cõi Cực Lạc, còn gọi là pháp môn xưng danh hiệu Phật nguyện vãng sanh.

Hành giả quán tưởng thân Phật, chuyên chú không tán loạn, thì sẽ thấy tướng Phật quang minh rực rỡ chiếu soi hành giả, lúc bấy giờ tất cả tội chướng đều được tiêu trừ, gọi là pháp môn quán tưởng Phật diệt tội.

Lại quán tưởng Phật này là từ tâm khởi không ngoài cảnh khác, gọi là pháp môn quán các cảnh do tâm sanh.

Lại quán tâm này, không có thực tướng mạo nắm bắt, gọi là pháp môn quán xa rời tâm và cảnh.

Lúc bấy giờ, hành giả hướng đến trạng thái thiền định sâu lắng, buông xả tất cả tâm thức và ý thức, nhập Niết bàn, nương vào năng lực mười phương chư Phật gia trì và hộ niệm hưng khởi trí tuệ. Hành giả đang ở trong nhất niệm, tịnh Phật quốc độ và thành tựu chúng sanh. Công đức tu học vốn có qua bốn giai đoạn trước trăm ngàn vạn phần không bằng một phần giai đoạn Tánh khởi viên thông này. Vì sao như vậy, không còn luận ở công sức mà có diệu dụng cùng khắp, nghĩa là từ một thân mà biến thành vô lượng thân. Hành giả tùy duyên hành đạo, được Phật hộ niệm thấu rõ tận cùng nghĩa lý Phật pháp, thành tựu mười hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ tát. Bốn nguyện như vậy, thể nghiệm pháp vốn như vậy, tức gọi là pháp tánh khởi khởi viên thông.

Trên đây đã trình bày xong năm phương tiện của pháp môn niệm Phật tam muội.

Hỏi: “Như thế nào gọi là niệm Phật Tam muội?”

Đáp: Kinh Đại Bửu Tích, chương 116 có dạy rằng: “Văn Thủ Sư Lợi bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, tu như thế nào để mau chứng đắc quả vị



vô thượng chánh đẳng chánh giác?”. Phật dạy: “Nhất hạnh tam muội. Người nam, người nữ nào tu pháp Tam muội này thì mau chứng đắc quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác”.

Ngài Văn Thủ sư lợi thưa hỏi tiếp rằng: “Thế nào gọi là niệm Phật tam muội?” Phật dạy: “Pháp giới một tướng, thể nhập vào pháp giới, gọi là nhất hạnh tam muội. Nếu có người nam, người nữ nào muốn nhập

vào pháp nhất hạnh tam muội, nên khéo nghe pháp Bát nhã ba la mật, như pháp mà tu hành, sẽ nhập vào pháp nhất hạnh tam muội. Như tâm duyên quán pháp giới, bất thối, bất hoại, không nghĩ bàn, không chướng ngại, không tướng trạng.

Người nam, người nữ đó, muốn nhập vào Tam muội này, ở tại một nơi thanh nhàn, xả bỏ tâm ý ô nhiễm, không giữ tướng trạng trong tâm, chuyên tâm một vị Phật mà xưng danh hiệu. Tùy theo phương vị, ngồi ngay thẳng đoan nghiêm, nhất tâm xưng niệm tương tục danh hiệu Phật, tức là trong nhất tâm niệm có thể thấy ba đời tất cả chư Phật. Vì sao như vậy? Niệm công đức vô lượng vô biên của một vị Phật cũng đồng với niệm công đức biện tài vô lượng của vô lượng chư Phật. Nhập nhất hạnh tam muội này thì thông suốt rõ ràng vô số các cõi nước chư Phật vốn không có tướng sai biệt.” Văn này được xác chứng!

Hỏi: Nhiều người họa hình tượng Phật để quán tưởng và chiêm bái, có đúng với thánh giáo chăng?

Đáp: Kinh Đại Bửu Tích chương 89 có dạy: “Lúc bấy giờ Thường Tinh Tấn Bồ Tát muốn họa hình tượng Phật, đi vào chốn núi rừng thâm sâu vắng lặng, không có bóng người qua lại, xa rời nơi có cầm thú, để chuyên tâm làm việc này. Ngài lấy cỏ làm bột đoàn mà ngồi trước bức họa tượng, đoan tâm chánh niệm quán hình tượng Phật. Quán sát xong rồi, khởi niệm như vậy: “Như lai hi hữu vi diệu, hình tượng còn đoan nghiêm vi diệu như thế, huống gì là pháp thân thực của Đức Như Lai!”.

Lại khởi niệm như sau: “Làm sao mà quán Phật”. Lúc bấy giờ, Lâm Thần biết rõ tâm niệm của Bồ Tát Tinh Tấn, liền bạch Bồ tát rằng: “Này thiện nam tử! Có Phải ông đang nghĩ cách như thế nào để quán Phật?”; và bảo rằng: “Nếu muốn quán Phật, nên quán hình tượng Phật, quán hình tượng này như quán Phật không khác, gọi là quán Phật, quán Phật như vậy, gọi là sự quán tưởng tuyệt hảo nhất.”

Lúc bấy giờ Đại Tinh Tấn Bồ Tát khởi niệm như sau: “Quán tưởng hình tượng Phật, chẳng phải giác, chẳng phải tri, tất cả pháp đều như vậy, như là văn

tự, vẫn tự như thế, bản tính không tịch, vốn không tướng nắm bắt, thân tướng của Như lai cũng lại như thế. Hình tượng chẳng phải chứng, chẳng phải quả, chẳng phải đắc, chẳng phải trụ, chẳng phải đi, chẳng phải đến, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng phải tịnh, chẳng phải sắc, chẳng phải tham, sân và si.

Hình tượng chẳng phải ẩm, giới, nhập, chẳng phải đầu tiên, chẳng phải giữa, chẳng phải sau. Tất cả các pháp cũng là như vậy, thân tướng Như Lai cũng lại như vậy. Như hình tượng này, chẳng phải giác, chẳng phải tri, chẳng phải tạo tác, tất cả chư Phật cũng lại như thế, cho đến lục căn cũng lại như thế". Bồ tát quán thân Như lai như vậy, ngồi kiết già, ở trong tam thất nhật (21 ngày) thành tựu ngũ thông, cúng dường chư Phật. Chư thiên cũng rải hoa cúng dường chư Phật. Từ công đức tán thán chư Phật, trong pháp hội có hai vạn người chứng trú vào đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, vô số người trụ trong công đức của hàng nhị thừa. Đại Tỳ Ni Tán, chính là đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng như vậy." Văn này đã rõ ràng.

Ước theo Tứ giáo mà luận, phạm tâm không thể tự độc lập mà sanh, tất phải nương vào giả duyên mà hiện khởi. Hành giả lúc niệm Phật, ý tưởng làm nhân; hào quang của Như lai là duyên, cũng gọi là pháp trần, thuộc đối tượng của ý căn. Niệm khởi lên, tức là pháp sanh khởi, quán căn trần, năng niệm và sở niệm này, cả ba tướng đều lay động, sanh diệt liên tục, niệm niệm không dừng nghỉ. Tất cả là không, tức thuộc quan điểm của tiểu thừa tạng giáo.

Tức là tâm quán niệm Phật khởi, hay phát khởi cái đối tượng, nó vốn là không, do vọng tâm khởi, tâm thật không khởi, niệm khởi vốn không tự tánh, thể nó vốn là không. Quán tướng Phật, như hình tượng phản ánh trong tấm kính, như hoa đốm giữa hư không, không có Phật, không có niệm, tức là thuộc quan điểm của Đại thừa thông giáo.

Tức tâm quán niệm Phật khởi, tức là pháp giả danh, từ cạn đến sâu thông suốt, vô lượng danh tướng, thấy rõ như nắm trong lòng bàn tay; thấu rõ tâm này là Như lai tạng, đoạn trừ hạt giống mê hoặc có từ nhiều kiếp mới chứng chân thường. Xa rời chấp ngã nhị biên, vô Phật và vô niệm, đó là quan điểm của Đại thừa biệt giáo.

Tức tâm quán niệm Phật khởi, tức không, tức giả, tức trung. Hoặc là căn hoặc là trần đều là pháp giới; một niệm khởi lên duyên cõi nước chư Phật; nhất niệm chiếu sáng lục đạo chúng sanh. Không có trước hay sau, liễu ngộ tánh giác xưa nay là như vậy. Như người đại phước giữ đá hóa ngọc, không cần xả niệm, chẳng cầu li niệm, nhị biên tức trung đạo, vô Phật vô niệm, là quan điểm của đại thừa viên giáo. "Kinh Anh Lạc" nói rõ sự chứng ngộ của Như Lai là ý nghĩa này vậy.



Lững thững đến, lững thững đi...

*Lững thững đến,
Lững thững đi (*)
Tử sinh vẫn đó, cần chi vội vàng.
Thở vào, mây tím giăng ngang
Thở ra, mưa đã nhịp đàn reo vui
Thế nên,
Em hãy mỉm cười
Trước tâm sân hận, trước lời nghiệt oan.
Hãy lặng thinh,
Thật nhẹ nhàng,
Rải hạt cơm nguôi cho đàn kiến tha
Đôi chim, trọ mái hiên nhà
Cộng rơm làm tổ cũng là từ-nhân.
Em ơi,
Hạnh phúc thật gần
Cho đi là nhận bội phần thiện duyên
Hãy cho,
Như kẻ xuống thuyền,
Trên bờ để lại trọn niềm an vui.
Hãy cho,
Để phút cuối đời
Soi gương chẳng thẹn với người trong gương.*

HUỆ TRẦN

(Tào-Khê tịnh thất, một chiều chợt gió)

(*) Đọc "Thư Tòa Soạn", Chánh Pháp số 11, tháng 10.2012, bỗng dung bị dính vào 6 chữ "Lững thững đến, lững thững đi" Xin tác giả hoan hỷ cho "mượn đỡ" 6 chữ này. Đa tạ.)

**MỘT VÀI HÌNH ẢNH TANG LỄ CƯ SĨ NGUYỄN NGỌC CHÂU, PD. THIÊN THỌ
NGÀY 19.10.2012, TẠI PEEK FUNERAL HOME, WESTMINSTER, CALIFORNIA**





CƯ SĨ NGỌC CHÂU

KIỆP NGƯỜI

Đã sinh ra kiếp người ta,
Sinh, lão, bệnh, tử tránh mà được đâu?
Chỉ là kẻ trước người sau,
Người nghèo cho đến người giàu khác chi.
Lúc khỏe mạnh, lúc yếu suy,
Có khi tai biến bất kỳ đến nơi.
Cứ sinh số mạng ở trời,
Đào ai lọt vỏ sống đời được đâu?
Vua quan tốt đỉnh sang giàu,
Chẳng ai tưởng thọ sống lâu trên đời,
Gươm luôn vật đời sao đời.
Huyền hình hui hoại luân trời xưa nay,
Cớ tạo hóa đã sắp bày,
Không ai có thể đổi thay được nào.
Nhưng mà ta chỉ mong sao:
Dùng hành thân xác, ốm đau nhiều ngày,
Dùng bệnh dai dẳng ốm gầy,
Ung thư cổ trướng, phù đầy khổ đau.
Đến khi thác, hãy thác mau.
Vội mong "sinh thiên" nguyện cầu tử an.
Chanh thân liã bỏ trần gian.
Huôi tay nhắm mắt, chẳng màn thú chi.
Không li lụy, chẳng nghĩ suy.
Cuộc đời như thế còn gì nữa đâu?
Cho nên ta chẳng lo âu.
Sống vui sống khỏe, sống lâu trên đời.
O' sao tập ý mọi người,
Đẹp tình bạn hữu tuổi cười hân hoan.
Lúc còn sống ở thế gian,
Sống thật thoải mái lạc quan yêu đời.
NGỌC-CHÂU

NGUYỄN CẦU VĂNG SANH

Được tin Cụ Nhạc gia của **Cư Sĩ Quảng Phước**
Huỳnh Tấn Lê,
Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Tổng Hội Cư Sĩ
PGVN Tại Hoa Kỳ
Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế HĐĐH
GHPGVNTN HK là:

Cụ Ông
NGUYỄN NGỌC CHÂU

Pháp danh **THIỆN THỌ**

đã xả bỏ báo thân vào lúc 2 giờ 45 phút chiều Thứ Sáu, ngày 12 tháng 10 năm 2012 (nhằm ngày 27 tháng 8 năm Nhâm Thìn) tại tư gia thuộc Thành Phố Westminster, Quận Cam, California, Hoa Kỳ, hưởng thọ 88 tuổi.

Linh cữu hiện quản tại Nhà Quản Peek Family Funeral Home, phòng số 3. Lễ Nhập Quan và Phát Tang vào lúc 11 giờ sáng, Thứ Năm, ngày 18 tháng 10 năm 2012. Lễ Di Quan vào lúc 1 giờ chiều, Thứ Sáu, ngày 19 tháng 10 năm 2012.

Thành kính phân ưu cùng Cư Sĩ Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê và toàn thể tang quyến.

Nguyễn cầu Hương Linh Cụ Ông Nguyễn Ngọc Châu, Pháp Danh Thiện Thọ, nương nhờ Phật lực vãng sanh Cực Lạc Quốc.

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Đồng thành kính phân ưu:

Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa, Hòa Thượng Thích Nguyên An, Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Thượng Tọa Thích Minh Dung, Ni Sư Thích Diệu Tánh, Cư Sĩ Trí Không Trần Quang Thuận, Cư Sĩ Quảng Thành Bùi Ngọc Đường, Nhà báo Trần Dạ Từ & Nhà văn Nhã Ca, Cư Sĩ Quảng Trà Nguyễn Thanh Huy, Cư Sĩ Nguyên Giác Phan Tấn Hải, Cư Sĩ Tâm Huy Huỳnh Kim Quang, Cư Sĩ Tâm Quang Vĩnh Hào.



HÒA THƯỢNG TÂM TRÍ, MINH CHÂU, VIÊN DUNG, VỊ “SƯ – THẦY” TÀI ĐỨC VỆN TOÀN

Thích Trừng Sỹ

Sinh ra, lớn lên, và thành tựu trong cuộc đời này, mỗi chúng ta đều có họ và tên khác và giống nhau do cha, mẹ, ông, bà của hai bên nội, ngoại, đặt ra để kế thừa và tiếp nối dòng giống tâm linh và huyết thống. Đối với vị **cư sĩ**, trong giờ phút được khai sinh trong đạo Phật – đạo giác ngộ, từ bi, trí huệ, hòa bình, và tinh thức, và trong giờ phút hiểu và tự chọn cho mình một hướng đi an lạc và vững chãi suốt cuộc đời của mình bằng cách phát nguyện và nương tựa Ba Ngôi Quý Báu: Phật, Pháp, Tăng, và Năm Điều Đạo Đức (1) với vị Bốn Sư của mình trực tiếp hoặc gián tiếp dạy dỗ và trao truyền giới pháp cho mình đã thọ, thì mỗi cư sĩ chúng ta có thêm một tên đạo, đó là **pháp danh**. Đối với vị **xuất sĩ**, ngoài họ, tên, và pháp danh ra, mỗi vị xuất sĩ chúng ta còn có thêm **pháp tự** và **pháp hiệu**.

Thực vậy, khi sinh ra, lớn lên, xuất gia, học đạo, hiểu đạo, hành đạo, hoằng đạo, hộ đạo, và ứng dụng đạo pháp vào trong đời sống hằng ngày của mình, thì mỗi chúng ta đều có tên, họ, pháp danh, pháp tự, và pháp hiệu khác hoặc giống nhau. Chủ đề của bài viết này là “**Hòa thượng Tâm Trí, Minh Châu, Viên Dung, vị Sư – Thầy tài đức vẹn toàn**.” Dựa vào đề tài trên, người viết lần lượt định nghĩa, thảo luận, và phân tích từng từ, từng cụm từ, và toàn chủ đề trên.

Trước tiên, **Hòa thượng** (Sanskrit: *Upādhyāya*) có nghĩa là người có tài năng và đức hạnh có khả năng dung nhiếp, duy trì, kế thừa, tiếp nối, truyền đạt, giáo dục, đào tạo, nuôi nấng, và dạy dỗ Phật pháp cho những người Phật tử và không phải Phật tử. **Hòa thượng** là danh từ chung, âm Hán Việt có nghĩa là vị trưởng thượng, đức hạnh, đạo hạnh, gương mẫu, và tôn kính trong Sơn môn, Già lam, Tăng đoàn, trong đạo pháp, và trong dân tộc.

Hòa thượng họ Đinh, thế danh của ngài là Văn Nam, pháp danh là **Tâm Trí**, pháp tự là **Minh Châu**, và pháp hiệu là **Viên Dung**. Tất cả chữ “pháp” ở đây đều có nghĩa là mạng mạch đạo pháp và dân tộc, là giáo pháp, và là lời Phật dạy. Đọc qua tiểu sử của ngài (2), chúng ta biết thân phụ của ngài đã đỗ đạt tiến sĩ Hoàng Giáp lúc 21 tuổi năm 1913. Nơi gương hiếu học và ảnh hưởng giáo dục trực tiếp của người cha, Hòa thượng quyết tâm tu học và sau này sớm trở thành một vị tài – đức vẹn toàn và sáng ngời trong mọi thời đại.

Tâm Trí là âm Hán Việt, danh từ riêng; Tâm có nghĩa là trái tim, là then chốt, là cốt lõi, là tấm lòng... Theo dòng kệ của Tổ Sư Liễu Quán (3), **Tâm** là sự truyền thừa và tiếp nối giữa thế hệ trước và thế hệ sau như ... Trùng, **Tâm**, Nguyên... **Trí** có

nghĩa là trí tuệ (S. *Prajña*/ P. *Paññā*).

Vậy **Tâm Trí** là pháp danh của Hòa thượng, người có tấm lòng chân thật và thiết thực có khả năng nhìn xa trông rộng qua nhiều thế hệ và thời đại, qua nhiều khía cạnh đặc thù như nhà giáo dục, nhà phiên dịch Kinh điển, nhà ngoại giao Phật giáo mẫu mực và phù hợp với xã hội hiện tại...

Minh Châu là âm Hán Việt, danh từ riêng; **Minh** có nghĩa là sáng, trong sáng, sáng suốt, là tuệ giác; **Châu** có nghĩa là viên ngọc quý báu. Vậy **Minh Châu** có nghĩa là viên ngọc quý báu và trong sáng, là pháp tự của Hòa thượng, người có viên ngọc Phật pháp đích thực cho đạo pháp và cho dân tộc, có khả năng trao truyền, tiếp nối, và thắp sáng lên ngọn đuốc của chánh pháp cho nhiều thế hệ trong hiện tại cũng như trong tương lai bằng cách phiên dịch các Kinh điển Pali và Hán văn ra tiếng Việt văn, mở trường dạy học, và đào tạo con người tài đức cho gia đình, cho học đường, và cho xã hội.

Viên Dung là âm Hán Việt, danh từ riêng; **Viên** có nghĩa là tròn đầy, hoàn hảo; **Dung** có nghĩa là dung nhiếp, dung hòa, dung nạp, tóm thâu, khoan dung, rộng lượng, bao la... Vậy **Viên Dung** có nghĩa là dung thông và hoàn hảo về nhiều khía cạnh **tài** và **đức**, là pháp hiệu của Hòa thượng, người có khả năng thẩm thấu và dung nhiếp sự hòa hợp giữa Tăng đoàn, giữa Nam và Bắc tông, và giữa các Kinh điển Hán, Phạn, và Pali.

Thật vậy, **Tâm Trí, Minh Châu, Viên Dung, vị Sư – Thầy tài đức vẹn toàn**, là chủ đề chính của



HT. Minh Châu tiếp HT. Thiện Siêu tại Thiền viện Vạn Hạnh. Gs. Lê Mạnh Thát và HT. Chơn Thiện đứng cùng chư tôn đức thị giả.



bài viết này, mang nhiều ý nghĩa đặc thù và quan trọng, có các mối tương quan và tương duyên với nhau rất mật thiết, ba là một, một là ba, và là tất cả, cụ thể chỉ cho **Trưởng lão Hòa thượng** với đạo hiệu thường dùng hằng ngày là ở phía trước chữ **Minh** ở phía sau chữ **Châu**.

Chúng ta biết ban đầu tu học Phật pháp tại Việt Nam, Hòa thượng Thích Minh Châu là vị thầy mặc y hậu theo truyền thống Phật giáo Bắc tông từ năm 1946 tới năm 1952. Sau đó, Hòa thượng có đủ duyên lành xuất dương du học tại đại học Colombo, Tích Lan (Sri Lanka) năm 1952–1955 và tại đại học Bihar, Ấn Độ năm 1956–1963. Từ những năm đó cho tới khi viên tịch năm 2012, thầy mặc y hậu theo truyền thống Phật giáo Nam tông, và am hiểu Kinh điển và hệ tư tưởng Phật giáo Nam và Bắc truyền.

Theo triết lý Phật giáo, chúng ta được nghe và biết rằng **“chiếc áo không làm nên nhà tu, nhưng nhà tu không thể không có chiếc áo này.”** Trong ngữ cảnh này, “nhà tu” chỉ cho hành giả, cụ thể là Hòa thượng; dù là Nam truyền hay Bắc truyền, “chiếc áo” của hai truyền thống đó chỉ là phương tiện vật chất dùng để che thân. Nghĩa bóng của nó có nghĩa là an lạc và giải thoát, là ruộng phước tốt nhất cho các hàng Phật tử tại gia và xuất gia có dịp gieo, trồng, duy trì, và vâng giữ.

Xuyên qua việc tu tập, hành trì, và ứng dụng Phật pháp vào trong đời sống hằng ngày của mình, vị hành giả dùng chiếc áo làm phương tiện cần thiết để bảo vệ thân thể ấm áp khỏi bị gió, lạnh, và khỏi bị côn trùng cắn chích. Nhờ thực tập Phật pháp tinh chuyên như vậy, nên hành giả có thể gạt hái những hoa trái an vui và hạnh phúc ngay bây giờ và ở đây trong cuộc sống hiện tại.

Như vậy, qua những gì thảo luận ở trên, chúng ta biết Hòa thượng có thể được gọi là vị **Sư** và cũng có thể được gọi là vị **Thầy**, gọi chung là vị **Sư Thầy xuất chúng**. Trong chủ đề của bài viết này, chúng ta bắt gặp hai từ **“Sư Thầy.”** “**Sư**” là vị xuất gia hay vị xuất sĩ. Gọi theo âm Hán Việt, “**Sư**” là danh từ

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

chung thường chỉ cho các vị Sư mặc y hậu theo các nước Phật giáo Nam truyền như Miến Điện, Thái Lan, Tích Lan..., và Việt Nam; “**Thầy**” cũng là một vị xuất gia hay vị xuất sĩ. Gọi theo tiếng Việt, “**Thầy**” cũng là một danh từ chung thường chỉ cho các vị Thầy mặc y hậu theo các nước Phật giáo Bắc truyền như Nhật Bản, Nam Hàn, Trung Quốc..., và Việt Nam. “**Thầy**” đôi lúc cũng có nghĩa là vị cư sĩ.

Vậy, ở Việt Nam có cả “**Sư** và **Thầy**,” ở **Hòa thượng** cũng có cả “**Sư** và **Thầy**,” ở chính người cũng có cả việc am hiểu Kinh điển và sự hòa hợp giữa Nam và Bắc tông, và ở chính ngài cũng có cả an vui, hạnh phúc, giác ngộ, và giải thoát. Trong bài viết này, “**Sư** và **Thầy**” đi chung với nhau chỉ cho vị xuất Sĩ, cụ thể là **Hòa thượng Thích Minh Châu**, vị Sư Thầy quý kính, bao hàm trọn vẹn các ý nghĩa trên.

Đọc và viết xong bài thảo luận trên, chúng ta biết cái tâm hiện ra cái tướng. Pháp danh, pháp tự, và pháp hiệu của thầy đều biểu hiện ra cái **tài** và cái **đức trọn vẹn**. Người thời nay hiếm có người theo kịp thầy.

Thực vậy, Hòa thượng Thích Minh Châu là vị Sư Thầy tài – đức toàn vẹn. Với ánh sáng giáo dục và đào tạo con người tài đức, thầy có khả năng trao truyền và thắp sáng lên các ngọn đuốc của chánh pháp cho nhiều thế hệ con cháu hiện tại và mai sau. Càng thắp sáng lên ngọn đuốc của chánh pháp, thì ánh sáng tuệ giác của thầy càng chiếu tỏa trong không gian và thời gian, trong tự thân, trong tha nhân, trong Tăng đoàn, gia đình, học đường, và trong xã hội.

Để tưởng nhớ và học theo tài năng và đức hạnh của thầy, những Kinh điển của thầy dịch, biên soạn, và viết lách, những chương trình giáo dục của các trường Bồ-đề và đại học, và những chương trình giáo dục thanh thiếu niên, chúng ta có thể đem ra giảng dạy, áp dụng, và thực hành vào trong các học đường hiện tại, đặc biệt là vào trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta cho thích hợp.

Thành kính đánh lễ Hòa thượng Thích Minh Châu, vị Sư Thầy thân thương và quý kính!

Thích Trường Sỹ

- 1) Năm Điều Đạo Đức gồm có 1. Nuôi dưỡng tâm từ bi đối với chúng sinh, 2. Phát khởi tâm bố thí, 3. Xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng và con cái, 4. Giữ vững niềm tin, chân thật, và uy tín cho tự thân và cho đoàn thể, 5. Nuôi dưỡng trí tuệ bằng cách biết thương mình và thương người.
- 2) Xem <http://www.daophatngaynay.com/vn/phatgiaovn/con-nguoi-vn/11771-Tieu-su-truong-lao-hoa-thuong-Thich-Minh-Chau.html>
- 3) Xem <http://phapluan.vn/vanhoc/lich-su/nhan-vat/2381-to-su-thiet-dieu-lieu-quan-hanh-trang-va-ke-thi-tich>

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Màu xanh — Bay giờ...

Mặc Phương Tử

Lâu lắm, vào những ngày cuối thu năm ấy, có dịp lên núi thăm người bạn đồng hành đang tịnh tu ở gần Hang Mai (Núi Dinh, Bà Rịa), nhưng ở phí trên cao hơn. Lúc ấy, đường đất mòn nhiều trơn trượt khó đi vả lại vì sáng sớm nên muôn lá cỏ rở ướt sương khuya, phần không quen lối mòn dốc hiểm, khi đến nơi thì nắng đã rút vàng trên lưng núi.

Hành lý mang theo không ngoài túi vải nhỏ, biết rằng sẽ lên cao, đường dốc hiểm, nên chỉ từng bước thông thả như những buổi kinh hành thường lệ, thoảng nghe xa từ những phía lưng núi tiếng chuông trì kinh vang ra nơi có những am tranh khép mình dưới rặng cây, gọi lên một cảm giác thanh thoát cho lòng dậm khách đặng sơn, vừa báo thức cho một ngày đang đến giữa khoảng không gian u tịch này.

Nhớ những năm tháng trước đây, phong cảnh núi rừng còn đáng vẻ trầm hùng lắm, tuy đường khó đi bởi hoang vu rậm rạp của cỏ và dây leo chằng chịt. Nhưng nhìn chung thì lúc ấy vẫn còn toát ra ít nhiều vẻ hùng khí thâm u tịch lặng giữa đất trời. Mặc dù nơi đây cũng đã trải qua bao năm tháng chiến tranh tàn phá đốt cháy, nhưng núi rừng tro gan cùng tuế nguyệt, có những quả bom khổng lồ nổ tung thành những hố sâu hõm, vô tình tạo thêm nét bí hiểm cho cảnh núi rừng, những cổ thụ vững vàng xanh tán rộng nay đã bị những mảnh đạn bom cắt xén, khuấy sâu dị dạng nhưng vẫn trụ hình như thể hiện sự hy sinh, chịu đựng nỗi đau thương đầy bi tráng của loài thực vật đã trải màu xanh ngàn năm cho cuộc sống, còn hơn thế nữa nay đã bị những nhát búa, lưỡi cưa thêm khát ác nghiệt của con người, như cướp đi thêm phần hơi thở, thịt da của núi rừng thuở ấy!

Ngồi nghỉ chân giải mệt bên chòm đá to gần nhóm cây tỏa rộng, thoảng nghe hương cỏ hương

rừng man mác theo gió lùa xa, mây trắng nổi trên cây, chim hót vọng lưng đèo, cảnh trí hữu tình, giây phút thân tâm như chìm vào tĩnh lặng, rồi nhớ đến lời kinh của Phật:

*"Với tâm điều phục tâm
Một mình vui thích rừng"*

Phật Tự Thuyết 191 - (Ud.41).

Tự ngàn xưa, chư Tôn giả thánh đệ tử của Phật đã tìm được "lối cây" rồi mang từ rừng về dâng lên Phật, Phật hoan hỷ im lặng khi thấy biết vị đệ tử nay có được "lối cây..."

Đã có biết bao cuộc tìm kiếm của những người con Phật từ trước và bây giờ, vẫn phải dong ruổi về mọi phía phương trời, lao xao khắp miền trú ẩn, trang bị cho tự thân không biết bao nhiêu phương tiện ra khơi, cuộc mưu cầu của hướng tâm vô định, đuổi theo những áng mây kỳ cùng ảo hóa, thế nhưng ai có biết đâu rằng:

*"Rừng dục được sanh lên
Chính do sự cộng trú
Rừng dục được chặt đứt
Chính nhờ không cộng trú"*

Phật Tự Thuyết 391.Tik III.9.

Sự cộng trú của ta đối với các pháp, ta có mặt, ta chấp nhận các pháp, ta lang thang và hoang phí triển miên cùng với các pháp, thì biết bao giờ và cho đến bao giờ mới có "lối cây" được mang về trên tay!

Thiết nghĩ: Chư Tôn giả xưa và nay một khi đã vào rừng thì đâu chỉ để lắng nghe hay cảm thức đơn thuần giữa cảnh trí thiên nhiên với đá với cây với muôn hoa lá cỏ với gió rừng xa với tiếng chim thanh thoát theo những sớm chiều... Mà còn phải biết lắng nghe từng sát na dòng chảy của tâm tư, phải quán chiếu như thật để thấy những vết trầm luân đã khắc mòn vào ký ức đã từ bao kiếp xa mờ hoen gió bụi. Đâu một hình ảnh của Tôn giả USABHA khi

ngồi lặng nhìn từng giọt mưa rửa bụi sáng cây rừng, đâu một Ngài EKUDDANIYA đã trầm mặc vô động giữa rừng sâu tĩnh mịch. Và còn nhiều Tôn giả Thánh đệ tử khác nữa của Phật đã thật sự chói sáng với "Tăng thượng tâm ẩn sĩ." Nếu với thân và tâm gây guộc, không đủ nguồn sinh lực Bi Trí thì dù có bươn bả, biết bao giờ mới tới, nhưng nếu dừng lại mọi duyên thì mọi việc tất sẽ xong.

Một thoáng dừng chân, một thoáng suy tư, chợt thấy nắng đã vàng lên xuyên qua từng tán lá, rẽ hướng về Hang Mai, đường càng quanh co và hẹp hơn lại chia thêm nhiều lối rẽ nhỏ khác nữa, dọc lưng đèo có nhiều hoa cỏ và hoa dây leo ánh lên những sắc màu hương lồng theo gió mới, điểm vào không gian có những cánh bướm vờn quanh về bên những đóa hoa vàng lung linh trong sắc nắng mỏng manh. Thỉnh thoảng có người từ phía trên đi xuống, trông họ khỏe lắm, nhưng cũng không kém phần vội vã lo toan bởi một công việc gì đó trong cuộc đời thường cơm áo. Còn tôi đi lên dốc nên thấy mệt người hơn, cố giữ thanh thản tâm tư để thưởng thức cảnh núi rừng và để quên đi phần mệt mỏi, đó cũng là phương pháp điều thân, điều tâm trong mọi sinh hoạt theo lời Phật dạy:

*"Bước những bước thẳng bằng
Trên đường không thẳng bằng"*

Tương Ưng 24S.17.

Thật ra, đường lên núi thì có bao giờ thẳng bằng bao giờ đâu, khi lên, khi xuống, khi trơn trượt lúc quanh co nhiều trường hiểm, ngay cả những con đường bằng phẳng rộng rãi để đi, thế mà cũng không ít người vẫn phải bước không thẳng bằng kia nữa!

Như đã từ xa xưa cho đến nay, đã có rất nhiều con đường vào đời



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

cho mình một cuộc sống, có những con đường rẽ về muôn ngả, thăng thang thoảng đản, có khi cũng lắm khúc nẻo quanh co, hiểm nguy và hơn thế nữa!. Biết bao người bị thất bại khổ đau để tìm cho mình một con đường, một cuộc sống phải trả giá bằng máu và nước mắt, công sức và đấu tranh buồn vui và gay gắt...

Để tìm cho một lẽ sống, một con đường mà từng kiếp người, từng đoàn người đã và đang đi qua mong đem lại sự an bình, hạnh phúc, phần vinh về cả mặt ý thức và siêu hóa tâm linh. Những dấu chân đi qua ấy, những con người ấy đã thật sự đúc kết một quá trình bằng một trí năng kỳ tuyệt, bằng trái tim quảng đại bao dung, không có biên cương giới tuyến của trái tim. Vì ở đây đã thật sự thành tựu vô lượng hào quang kỳ diệu, luôn bình thản, hiểu biết và yêu thương trên mọi bước đi trong cuộc sống. Nên trước đây và ngay bây giờ, những người ấy vẫn từng bước thăng bằng trên con đường không thăng bằng.

Am tranh đã hiện rõ dần từ xa, thêm một lần hội ngộ an lạc trong chánh niệm, bữa cơm trưa nay với nước tương kho tiêu, tô canh cải trời trông đơn sơ đạm bạc, nhưng không kém phần thi vị hòa vào không gian tịch lặng như thêm chút gì của cảm thọ thiền tư, thiền duyệt.

Đêm nay, ánh trăng rớt vàng ngoài hiên am, đôi bóng cùng trăng nghe thoảng chút hương đêm và gió ngàn bạt đỉnh, một cảm giác an tịnh lạc khởi lên làm thanh thản tâm tư đủ làm quên xa những điều ước vọng mơ hồ, như sau cơn mưa làm lắng đi bao lớp bụi mờ lãng đãng. Nếu như có sự "cộng trú" thì sẽ thêm bao vết trầm luân trong cõi tử sinh, còn ý thức chấm dứt với mọi "cộng trú" thì sẽ được ung dung tiêu sái và thăng thang trong cõi vô cùng. Giờ đã nửa đêm rồi, mỗi người về yên giấc nơi am vắng, nghe bốn bề im ắng như hút tâm hồn vào cả rừng sâu.

Đường lên núi bây giờ được mở rộng hơn xưa, đá xây từng bậc thẳng tắp, có thành lan can để nghỉ chân, có thêm nhiều cốc am và nhà dân cư, lại được xây dựng một Nhà Truyền Thống của Tỉnh,

một Bia Tưởng Niệm của Thành Đoàn, nên cảnh sinh hoạt bây giờ có phần nhộn nhịp hơn. Thế nhưng, vẫn cảm nghe trong tôi trống vắng đi chút gì đó sâu xa nơi tâm tưởng.

Từng đoàn, từng lượt người hành hương về núi rừng, phải đâu chỉ để lễ bái, cắm trại ca hát vui chơi dã ngoại.v.v... Theo tôi thấy rằng : núi rừng vẫn kiên trụ với thời gian như sức mạnh hùng tráng cao thượng, những cổ thụ vững vàng xanh mình che tán rộng như yêu thương và bao dung của sự tỏa mát đã có từ bao thế kỷ, như những lớp người đi qua và đã làm nên những dấu son kỳ tích cho con người, cho cuộc đời, cho đất nước quê hương và cho cả ngàn sau. Sự thâm u bí hiểm của một thời, bây giờ trông đã nhạt nhòa bởi cảnh sắc đơn sơ với những cây chồi còn yếu kém, dòng suối đã bị vẩn đục và cạn dần đi, những danh mộc xưa, nay đã nhường lại chỗ đứng cho những loại như : Xà Cừ, Tràm, Gáo, Bạch Đàn và các loại cây tạp khác... Nghĩ mà chạnh lòng cho

cái cảnh "Cây tạp thay rừng quý, cổ thụ khuất trời sương, rớt một dòng kim cổ, ngàn năm nghiêng lối buồn!"

Sau hơn mười năm chia tay, người ở lại một phương, còn ta thì áo vá trời mây, đôi bóng với ngọn đầu khuya, rớt tâm tư vào đời viễn mộng, nay gặp lại nhau, trông mái đầu đã mấy lượt chớ bóng thời gian, nhưng vẫn như hôm nào với:

"Tâm tăng thượng ẩn sĩ

Thường nằm giữ chánh niệm"

Trưởng Lão Tăng Kệ (68-80).

Xuống và ra khỏi chân núi, ngồi bên quán cốc dưới hiên mây nghe tách trà thoảng chút hương sen cùng hoài niệm chút hương rừng năm cũ, trông lên thấy cảnh núi rừng vẫn xanh tỏa một góc trời nhưng màu xanh bây giờ không phải là màu xanh của những danh mộc của ngày xưa xa, mà là thay vào đây là những loài tạp mộc đó thôi!

*Núi Dinh, Bà Rịa - Vũng Tàu,
09.2012*

MẠC PHƯƠNG TỬ



BODHI COMPASSION PROJECT

trân trọng giới thiệu

TỪ BI TV

Trang truyền hình Phật giáo Từ Bi TV vừa được thành lập trên mạng nhằm phổ biến các sinh hoạt Phật giáo ở mọi nơi. Kính mời các chùa, hội đoàn, cá nhân gửi video, hình, lịch trình sinh hoạt để được đăng miễn phí trên Từ Bi TV tại

www.tubitv.org

Cần biết thêm xin liên lạc cư sĩ Đồng Phúc.

Email: bcproject@hotmail.com

Phone: **714-290-7747**

NHỚ THẦY, NHỚ CHÙA, NHỚ QUÊ HƯƠNG, NGUỒN CỘI

Thích Minh Tuệ

(BBT Chánh Pháp mạn phép lược bớt)

Sáng hôm nay 07/10/2012 thành phố Thiên Thần – Los Angeles, vốn bận rộn lại càng thêm bận rộn vì hàng trăm chiếc xe từ khắp các nơi gần xa trên đất nước Hoa Kỳ hướng về Chùa Việt Nam, hội tụ hàng trăm con tim của Tăng Ni Phật Tử, đồng hương Việt Nam trong một ngày thiêng liêng hướng niệm đến hai bậc Thầy tôn kính của Phật Giáo Việt Nam đương đại, trong Lễ Tưởng Niệm và Truy Tán Công Hạnh nhị vị Cố Trưởng Lão Hòa Thượng (TLHT.) Thích Minh Châu và Thích Mãn Giác nhân dịp Cúng Tuần Thất thứ 5 Giác Linh TLHT. Thích Minh Châu và Huý Kỵ lần thứ 6 Giác Linh TLHT. Thích Mãn Giác.

Buổi lễ được bắt đầu với tiếng chuông tinh thức và phút mặc niệm để tưởng nhớ công hạnh chư Phật, chư vị Tổ Sư, Thánh Tử Đạo và nhị vị cố TLHT. Thích Minh Châu và Thích Mãn Giác.

HT. Thích Như Minh, Viện chủ Chùa Việt Nam, Los Angeles dẫn đầu trong buổi lễ:

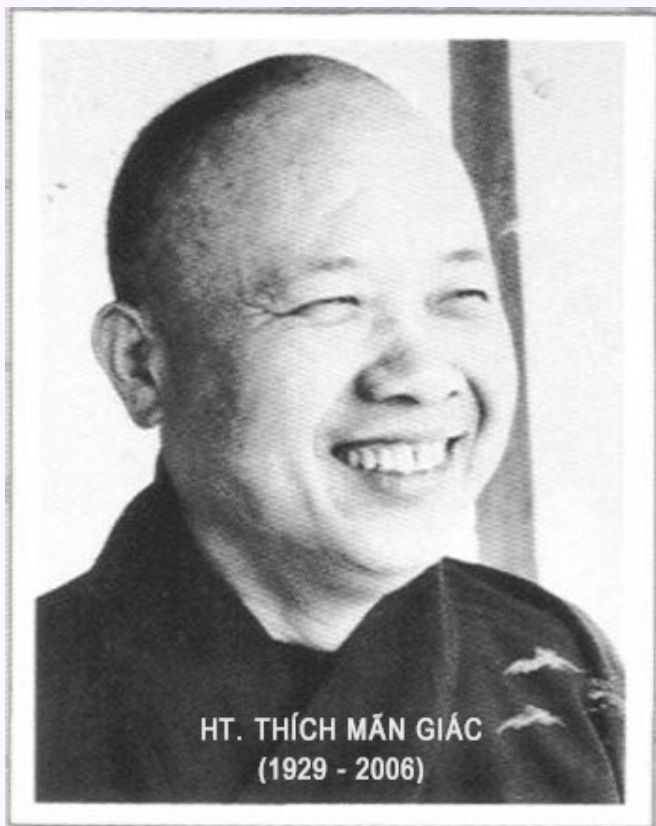
"Hai Ngài là thạch trụ Thiền gia của Phật giáo Việt Nam, đã ghi đậm dấu ấn trên con đường hoằng truyền Chánh Pháp trong nước và hải ngoại. Trái

suốt những thập niên cuối thế kỷ XX, những năm đầu thế kỷ XXI nhiều biến động của lịch sử Việt Nam và Phật Giáo Việt Nam, bằng tài đức của mình, hai Ngài đã tận hiến cho sự phát triển của Phật Giáo Việt Nam trong nước cũng như hải ngoại...

Hôm nay là lần thứ 6 Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ (THPGVNTHK) và Chùa Việt Nam cử hành Lễ Tưởng Niệm và Truy Tán Công Hạnh của nhị vị Trưởng Lão Hòa Thượng, TLHT. Hội Chủ THPGVNTHK và làm Lễ Tưởng Niệm TLHT. tân viên tịch Thích Minh Châu, nguyên Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh,..."

Hòa Thượng Thích Trí Tuệ, Chùa Huệ Quang Virginia, cung tuyên Tiểu Sử Cố TLHT. Thích Mãn Giác với những điểm nổi bật:

- Xuất gia lúc 10 tuổi, thọ giới Sa Di lúc 16 tuổi. Lúc 20 tuổi, năm Kỷ Sửu, 1948, Ngài tiếp nhận giới bốn Tỳ Kheo trong Đại Giới Đàn do Đại Lão HT. Thích Tịnh Khiết làm Đường Đầu, Đại Lão HT. Thích Giác Nhiên làm Yết Ma, HT. Thích Vĩnh Thừa (Châu lâm) làm Giáo Thọ. 21 tuổi, Ngài được suy cử làm Trụ Trì chùa Thiên Minh, Huế. 25 tuổi, Ngài làm giảng sư Phật Pháp tại Đà Lạt.
- Khoảng 28 tuổi, Ngài đảm nhiệm chức vụ Hội Trưởng Hội Phật Giáo Dalat, Đại Diện Hội Phật Giáo Cao Nguyên Trung Phần. Đây là những năm tháng Ngài gắn bó với Phật sự, dấu chân hoằng pháp in đậm trên mọi miền và đem lại rất nhiều an ủi cho quần chúng tin Phật đang bị thử thách nguy cơ đàn áp và lời cuốn đổi đạo của nhà cầm quyền họ Ngô (thời gian đối diện với đạo luật 10/59).
- 31 tuổi, năm 1960, đi du học Nhật Bản, chỉ trong vòng 6 năm, Ngài tốt nghiệp Tiến Sĩ Nhật Bản và về nước năm 1965, giảng dạy tại Đại Học Văn Khoa Sài Gòn và Huế qua bộ môn Triết Học Ấn Độ và Trung Hoa. Đây là thời gian Ngài thực sự dẫn thân vào các hoạt động văn hóa, giáo dục, nhằm giải tỏa và vô hiệu hóa những xuyên tạc ngộ nhận đối xử bất công đối với văn học và Phật giáo nói chung.
- Cũng trong năm 1965, Ngài bắt đầu cộng tác chặt chẽ với Viện Đại Học Vạn Hạnh. HT. Thích Minh Châu làm Viện trưởng, Sa Môn Thích Mãn Giác đóng vai trò Khoa trưởng Phân Khoa Phật Học và Triết Học Đông Phương.
- Trước 40 tuổi, Ngài giữ trọng nhiệm Phó Viện Trưởng Điều Hành Viện Đại Học Vạn hạnh cho tới năm 1975 và Viện Đại Học Vạn hạnh bị chiếm dụng làm cơ sở nhà nước.
- Ngài từng đảm trách các vai trò quan trọng trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

(GHPGVNTN) trước năm 1975 như: Quyền Tổng Vụ Trưởng Thanh Niên (Tổ Chức Đại Hội Thanh Niên Toàn Quốc), Tổng Vụ Trưởng Văn Hóa (Tổ Chức Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc), Trưởng Ban Tổ Chức nhiều năm Đại Lễ Phật Đản trọng thể tại Thủ Đô Saigon.

- Năm 1978, với sự bảo trợ của tổ chức Ân Xá Quốc Tế đi chu du thuyết pháp Châu Âu để nói lên thực trạng, khó khăn nhiều nhượng trong nếp sống tu học và hành đạo của Tăng Ni Phật tử tại Việt Nam. Ngài cũng từng vận động sâu rộng ở Nhật Bản, Liên Hiệp Quốc và Hoa Kỳ không ngừng nghỉ suốt ba thập niên, từ năm 1978, bền bỉ, kiên trì vận động cho nhân quyền và quyền tự do Tôn Giáo tại Việt Nam với phương cách ôn hòa bất bạo động như Ngài Gandhi và Đức Đạt Lai Lạt Ma đã làm.
- Ngài đã tiếp nhận và phát triển cơ sở Chùa Việt Nam tại Los Angeles, nơi đây, với tấm lòng bao dung, với bàn tay che chở, Ngài đã bảo lãnh và trợ duyên cho việc ăn học tu tập cho biết bao nhiều Tu Sĩ trong bước đầu đến Hoa Kỳ phải đối diện với vô vàn khó khăn, chuẩn bị hành trang hội nhập cuộc sống mới. Ngoài ra Ngài đã thành lập nhiều cơ sở khác khắp nơi trên Hoa Kỳ thuộc THPGVNTHK đến tổ chức tu tập, sinh hoạt, chứng minh, cổ vãn, ban đạo từ, thuyết giảng..., mang ánh sáng Đạo Pháp đến khắp nơi nơi, lợi lạc rất nhiều cho quần chúng, số đông.

Tiếp theo, HT. Thích Phước Thuận, viện chủ Chùa Trí Phước, Santa Ana, Cali cung tuyên Tiểu Sử TLHT. Thích Minh Châu. Về Tiểu Sử của Ngài thì đã có hăng phim Sen Trắng Việt Nam thực hiện cũng như mọi người đều theo dõi nghiên cứu suốt 5 tuần vừa qua, kể từ khi Ngài viên tịch, nơi đây chỉ ghi lại những điểm nổi bật, những nét son trong suốt cuộc đời hành hoạt của Ngài:

Trong suốt cuộc đời mình, Ngài là con người làm nên lịch sử, vẽ ra nhiều nét chấm phá, khai sáng, đặt dấu ấn cho biết bao nhiêu Đạo nghiệp quan trọng:

- Sinh ra trong gia đình danh gia vọng tộc, gốc dòng họ Đình, Nghệ An, thân phụ của Ngài tiền sĩ Hoàng Giáp năm 21 tuổi (khoa Quý Sửu 1913, niên hiệu Duy Tân thứ 7)
- Là đệ tử của vị Cao Tăng, Ngài Thích Tịnh Khiết, Đệ Nhất Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, làm việc sát cánh với vị Đại Cử Sĩ nổi tiếng Bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám
- Phát động phong trào thanh niên tham gia học Phật.
- Thư ký Hội An Nam Phật Học.
- Lập nên đoàn Phật học đức dục và Gia đình Phật hóa phổ, tạo mô hình tiền đề cho gia đình Phật tử Việt Nam.
- Người Việt nam đầu tiên mở đường du học Ấn Độ, đậu bằng Tiến Sĩ, thủ khoa, đích thân Tổng Thống Ấn Độ đến trao bằng tốt nghiệp và phần thưởng.



HÒA THƯỢNG THÍCH MINH CHÂU
(1920 - 2012)

- Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Giáo Dục GHPGVNTN
- Hiệu Trưởng đầu tiên và nhiều niên khóa nhất tại Đại Học Phật Giáo Việt Nam, Đại Học Vạn Hạnh, tổ chức hệ thống trường Bồ Đề Phật Giáo, đưa ra đường hướng giáo dục toàn vẹn: hạnh đức, tâm đức, tuệ đức, phát triển thăng bằng toàn diện thể lực, tình cảm, tâm tư, trí thức, trí tuệ, nhân cách,... đào tạo nhiều hiền tài, nguyên khí quốc gia.
- Tổ chức các đặc san có tầm cỡ và giá trị của Phật Giáo: Viên Âm, Tư Tưởng...
- Tham dự và đóng vai trò tích cực nhiều diễn đàn, hội thảo quốc tế tại Nga, Lào, Thái Lan, Mông Cổ, Úc, Ý, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ấn Độ,..., Ngài giữ chức vị Phó Chủ Tịch Phật... giáo Châu Á vì Hòa bình (ABCP), Vice President of the ABCP (Asian Buddhist Conference for Peace), chủ trì tổ chức các cuộc hội thảo quốc tế tại Việt nam.
- Thành Lập và làm Viện Trưởng Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, phiên dịch Kinh Tạng Nikaya từ Pali qua Việt Ngữ cùng với nhiều công trình tổ chức hội thảo, sáng tác, dịch thuật, đặc biệt là dịch kinh tạng Nikaya, Pali Tạng ra tiếng Việt. Hòa Thượng có nhiều sáng tạo trong việc lựa chọn từ tương đương và sáng tạo ra thuật ngữ mới làm giàu cho từ điển Tiếng Việt.
- Chủ trương và làm gương trong việc hài hòa các

Tông Phái sinh hoạt chung trong ngôi nhà Phật Giáo Việt Nam. Hòa Thượng xuất thân và thọ giới từ Chùa Tường Vân, Bắc Truyền nhưng lại đắp y Nam Truyền và chủ trì trong việc dịch thuật tiếng Pali. Chính 2 cuốn sách "*So sánh Trung A Hàm Hán Tạng và Trung Bộ Kinh Pali Tạng*" và "*ĐẠI THỪA VÀ SỰ LIÊN HỆ. VỚI TIỂU THỪA*" Nguyên tác: Nalinaksha Dutt Dịch giả: HT. Thích Minh Châu thể hiện quan điểm này của Hòa Thượng.

Cả 2 Ngài suốt cuộc đời tận tụy hi hiến cho nền Giáo Dục, Văn Hoá, Hoằng Pháp mang ánh sang Đạo Pháp khắp muôn nơi. Tất cả những việc làm khác có thể là phương tiện, giai đoạn, nhưng những công việc của nhị vị Hòa Thượng là việc có giá trị về lâu về dài đến muôn đời... Hai vị như là Huynh Đệ hổ tương cho nhau, người thì đi du học Ấn Độ, về mở trường lớp giảng dạy và mang kinh sách dịch thuật, người thì đi du học Nhật Bản, chuyên sâu về văn chương, nghệ thuật, Triết học Đông Phương, người thì nắm giữ giềng mối uy nghi, người thì tâm hồn rộng mở, khoáng đạt, bay bổng.

Sau biến cố năm 1975, Người ra đi (HT. Mãn Giác) thì gióng lên tiếng nói cho nhân quyền, dân chủ và tự do Tôn Giáo tại Việt Nam, thành lập cơ sở, tạo cho người Việt ly hương có chỗ nương tựa tinh thần và hoằng pháp xứ người, còn Người ở lại cũng chịu đựng lắm nhọc nhằn truân chuyên, thử thách, vinh nhục khen chê,... tất cả đều vì gieo trồng hạt giống Bồ Đề, giáo dục Phật Giáo, góp phần cho Pháp Luân thường chuyển ngộ tâm khai.

Trong thời Chấn Hưng Phật Pháp, ở Trung Quốc thì có Ngài Thái Hư Đại Sư, ở Việt Nam có các Phật Học Đường Lương Xuyên, Phật Học Đường Huế, Các Phật Học Đường Miền Nam, Ấn Quang, Già Lam, Huệ Nghiêm, Hải Đức đã sản sinh ra thế hệ vàng của Chư Tôn Đức Tăng Ni cận đại và hiện đại thật kiệt xuất: Quốc Sư Phước Huệ, Tăng Cang Phổ Huệ, HT. Bích Liên, HT. Tịnh Khiết, HT. Giác Nhiên, HT. Đôn Hậu, HT. Mật Thể, HT. Huyền Quang, HT. Trí Tịnh, HT. Minh Châu, HT. Trí Quang, HT. Thiện Siêu, HT. Mãn Giác, HT. Mật Hiển, HT. Huyền Vi, HT. Thanh Từ, HT. Kế Châu, HT. Tâm Hoàn, HT. Đồng Thiện, HT. Từ Thông, HT. Tâm Thanh, Sư Bà Như Thanh, Sư Bà Diệu Không, Sư Bà Hải Triều Âm, Ni Sư Trí Hải...

Mỗi vị, TLHT. Thích Minh Châu và Thích Mãn Giác, đã sáng tác hơn 20 quyển sách rất có giá trị, chỉ xét riêng một việc này thôi cũng là hy hữu rồi. Sách thì cũng tùy theo sách nhưng để viết được một cuốn sách có giá trị đòi hỏi nhiều công phu khảo cứu, sưu tra, nghiên cứu, suy tư, thực nghiệm, kiểm chứng,... Thông thường, thời gian cần khoảng hơn 6 tháng hoặc 1 năm mới có thể hình thành nên 1 cuốn sách có giá trị. Vậy 20 cuốn sách đó đòi hỏi hơn 10 năm ròng rã say mê nghiên cứu, phát minh, sáng tác. Có người cả cuộc đời không có được cuốn sách nào, hoặc có được một quyển giá trị thì cũng quý hoá lắm rồi.

Tiếp đến, Huynh Trưởng *Trần Tư Tín* - Nguyên

Tĩnh, đại diện Ban Hướng Dẫn trung Ương *Gia Đình Phật Tử Việt Nam* tại *Hoa Kỳ* phát biểu về mối liên hệ gần bó giữa nhị vị Hòa Thượng với gia đình Phật tử Việt Nam nói chung. *Cổ TLHT. Thích Minh Châu là người sáng lập* Gia đình Phật hóa Phổ sau này phát triển trở thành Gia Đình Phật Tử Việt Nam. Ngài còn dạy Htr. Nguyên Tĩnh: học phải luôn luôn đi đôi với hành, vừa tu vừa học để trở thành một phật tử chân chính, làm tấm gương sáng để xây dựng Gia đình Phật tử Việt Nam và mang Phật Pháp vào trong cuộc sống. HT. Mãn Giác thổ lộ với Htr. Nguyên Tĩnh là mỗi sáng chủ nhật, Hòa Thượng đứng trên lầu nhìn xuống sân chùa, nếu không thấy bóng dáng chiếc áo lam Phật tử thì HT. cảm thấy thiếu thiếu cái gì đó, mất đi một phần sinh khí. Bấy nhiêu đó cũng cho thấy được tấm lòng của Quý Ngài đối với Gia Đình Phật Tử Việt Nam.

Sau đó, Cư Sĩ Trí Không - Trần Quang Thuận chia sẻ những kỷ niệm không bao giờ quên mà Cư Sĩ có được với 2 Ngài. Trước kia, Cư Sĩ cũng là 1 Tu Sĩ và thọ Cụ Túc Giới, Đại Giới Đàn Báo Quốc, Kỳ Sứ, 1949. Tỳ Kheo Trí Không du học 2 năm tại Tích Lan cùng với Sa Môn Thích Minh Châu. Cho biết về sự tinh nghiêm trong sự tu hành, Cư Sĩ Trí Không kể là: lúc ấy 2 vị Tỳ Kheo trẻ Việt Nam công phu sáng chiều ngày 2 lần và vẫn giữ ăn chay mặc dù môi trường đó không ai bắt buộc phải như vậy. Tỳ Kheo Trí Không đã được học bổng 1 Trường Đại Học tại Luân Đôn, Anh Quốc nên lưu luyến tạm biệt Sa Môn Minh Châu để lên đường qua đó. Ngày học xong, trên chuyến bay về nước của Thầy Trí Không quá cảnh tại Bom Bay, Ngài Sa Môn Minh Châu đã lặn lội đi bằng xe lửa vượt ngàn dặm đến thăm người bạn học xưa của mình. Tôi cũng có nghe Ngài Minh Châu từng vượt ngàn hải lý đến Pháp để gặp nhạc sỹ Trần Văn Khê - đó là đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu, thắt chặt giải đồng tâm để tạo thành một ê-kíp hoạt động. Sau này, Ngài Minh Châu làm Viện Trưởng Viện Đại Học Vạn Hạnh còn Thầy Trí Không làm Tổng Thư Ký của Viện.

Với tư cách là người cùng thọ giới chung một giới đàn năm xưa, cùng học chung tại Tích lan và cùng làm việc chung với HT. Thích Minh Châu tại Đại Học Vạn Hạnh, hơn ai hết, Cư Sĩ Trí Không là người xác đáng nhất để hiểu được tâm ý và đường hướng sinh hoạt của Ngài. Cư Sĩ Trí Không xác nhận việc người thể gian, ngoại đạo cáo buộc Ngài Minh Châu là Cộng Sản nằm vùng hoặc cấu kết với Cộng Sản làm sụp đổ đệ nhất, đệ nhị Cộng Hòa, Miền Nam Việt Nam là không có cơ sở. Chính Ngài Minh Châu đã khuyến Thầy Trí Không đừng nên sa đà sâu vào cuộc biểu tình nổi dậy của Phật Giáo năm 1963 bởi vì mỗi người có những thiên chức khác nhau, người làm việc giáo dục thì chuyên lo việc giáo dục và khi Cộng Sản chiếm được miền nam 04/1975, Đại Học Vạn Hạnh là một trong những cơ sở cần phải tịch thu chiếm dụng của Cộng Sản Việt Nam, nếu Ngài theo Cộng Sản thì họ đâu có đối xử như vậy?

Còn về phước duyên gần gũi với Cổ TLHT. Thích Mãn Giác thì ngay sau khi du học về, TLHT. Mãn Giác đón Thầy Trí Không tại sân bay và đưa lên Đà

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

Lạt chơi 2 tuần trước khi về lại Saigon, có duyên cùng làm việc liên tục với Ngài trong những năm tháng phụ trách tại Đại Học Vạn Hạnh và có duyên gần gũi thăm viếng Ngài tại Los Angeles khi 2 người cùng định cư vùng Cali, Hoa Kỳ.

Đặc biệt, đại diện cho hiện tiền chư Tôn Đức Tăng Ni, HT. Thích

Nguyên Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ, Hội Đồng Điều Hành, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ (GHPGVNTNKH), Viện chủ Chùa Bát Nhã, Santa Ana truy tán công hạnh của 2 bậc Thầy, nhị vị tiền bối hữu công, GHPGVNTN và ngài khẳng định: cho dù các thế lực vô minh tìm cách đánh phá lộng giả thành chơn, đặt điều xuyên tạc về quý Ngài hồng làm lung lay niềm tin và tôn kính đối với nhị vị TLHT., thế nhưng là người con Phật chúng ta không ngại trước những thủ đoạn đen tối đó, hôm nay cùng đến đây đánh lễ, niệm tưởng đến Quý Ngài, luôn luôn trân trọng công ơn trời bể của quý Ngài và nguyện đi tiếp con đường quý Ngài đã đi, sao cho Pháp Luân Thường Chuyển, hoằng dương Chánh Pháp tại Hải Ngoại.

Sau đó là Khoá Lễ Truy Tiến Giác Linh nhị vị Hòa Thượng, do HT. Thích Phước Thuận làm sám chủ và ban kinh sư Huế đưa Giác Linh Quý Ngài trở về với những năm tháng nơi già lam, chiếc nôi Đạo Pháp, Chùa Thiên Minh, Chùa Tường Vân,...

Cuối cùng là chương trình văn nghệ với những giai điệu quê hương và Đạo Pháp. Tôi thả tâm hồn mình trong âm hưởng 2 nhạc khúc: Xuân Đã Về Chưa? (Sáng tác Huyền Không) và Tình Cha – Hai Ngài đối với chúng ta như những vị Cha tinh thần trong ngôi nhà tâm linh.

Nhìn lớp lớp người thành kính, từ các phương xa về đây trọn một lòng để được tham dự Lễ Tưởng Niệm này tôi hiểu điều như nhà thơ Nguyễn Du đã nói về cái chết: *"Thác là thể phách, còn là tinh anh."*

Còn hai Ngài, giờ này đây, biết bao nhiêu người, người cộng sự năm xưa, học trò, đệ tử, Phật tử khắp năm châu khóc tiễn biệt Người, hiểu cảm thông hạnh hai Ngài suốt đời *"Lấy từ bi xóa hận thù"*:

*"Vui thay chúng ta sống
Không hận giữa hận thù
Giữa những người thù hận
Ta sống không hận thù"*

(Kính Pháp Cú 197, HT. Thích Minh Châu dịch)

Hàng trăm, hàng ngàn năm về sau nữa, lịch sử sẽ tô điểm những nét son, bao thế hệ sẽ mãi mãi trân trọng nhắc nhở thông qua sách vở tại các thư



viện trên thế giới, phim ảnh, những lời giáo huấn, hai Ngài là hai ngôi sao chói sáng vào thế kỷ XX – XXI, những nhà văn hoá, nhà giáo dục tài ba, những bậc Thầy gương mẫu tận tụy, khai đường mở lối cho lớp lớp người đi theo,...

Khi mọi người lần lượt ra về, tôi tiến đến trước án tiền

lặng lẽ tâm thành khấu đầu đánh lễ nhị vị Tôn Sư ba lạy tri ân duyên phước trong kiếp sống con được gặp gỡ trực tiếp và thọ giáo từ quý Ngài; quý Ngài là những người khai sáng và phát triển Đại Học Vạn Hạnh mà con học và trưởng thành từ nơi đó; quý Ngài viết sách dịch kinh mà con được tưới tắm mưa móc; quý Ngài là bậc tiền bối hữu công trong GHPGVNTN mà con đang dẫn thân phục vụ; quý Ngài truyền trao ngọn đèn Chánh Pháp từ Phật, Tổ Sư đến thế hệ chúng con. Hôm nay con tưởng niệm quý Ngài, nhớ mái trường xưa, Thiền Viện Vạn Hạnh, nhớ đến chiếc nôi Đạo Pháp và quê hương Việt Nam. Bài học từ nơi thân giáo cuộc đời của hai Ngài rất nhiều: vô ngã, vị tha, dẫn thân, phục vụ, hi hiến, chịu đựng, dồn tất cả năng lực *"duy tuệ thị nghiệp"* cho giáo dục Phật Giáo, hoằng dương Chánh Pháp. *"Ngưỡng vọng chi cao cao"*, con khấu đầu đánh lễ, việc cần làm đã làm xong, Nhị vị Tôn Sư đã xả bỏ ra đi. Trước kia, tại Đại Học Vạn Hạnh, hai Ngài cũng ngồi song song với nhau, bây giờ nơi án tiền này, hai Ngài đang tọa vị cân phân, nơi miền Tịch Lạc bên kia thế giới, hai Ngài đang gặp lại sau một cuộc vãn du Ta Bà thế giới:

Ta từ sinh tử về chơi

Ngồi trên chóp đỉnh, mỉm cười với trăng

Chúng con, hàng học trò của quý Ngài nguyện tiếp bước con đường quý Ngài đã đi hoằng dương Phật Pháp, lợi lạc quần sanh, kế vãng khai lai, báo Phật tổ, ân sư công đức. Còn giọt lệ phân ly hôm nay trước án tiền với tấm lòng này xin nhị vị Tôn Sư chứng giám và gia bị cho con đi trọn cuộc lữ mang tâm sự *"kẻ lữ hành cô độc"*:

Còn đây giọt lệ cuối rơi

Trần gian xin hứng, cuộc đời xin mang.

Nam mô Việt Nam Phật Giáo Thống Nhất Giáo Hội Tổng Vụ Trưởng, Vạn Hạnh Đại Học Giám Hiệu, Trưởng Lão Hòa Thượng Thích --thượng Minh hạ Châu cấp Trưởng Lão Hòa Thượng Thích --thượng Mãn hạ Giác nhị vị Tôn Sư Giác Linh thù từ chứng giám.

Hậu Học: **Thích Minh Tuệ**

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

MÊ VÀ NGỘ

TK. Thích Giác Tín

Giữa dòng đời sanh tử của kiếp sống phù du, con người không phân định được giữa hai bờ ranh Mê và NGỘ. Từ đây, cuộc du hành trên con đường luân hồi dài vô tận không bến bờ, càng đi, càng xa diệu vợi:

*"Vinh du lãng đãng phong trần khách
Nhật viễn gia hương vạn lý tình"
(Lang thang làm khách phong trần
Quê nhà ngày một muôn lần cách xa)*
Trần Thánh Tông

MÊ, là mê BỐN TÂM dấy khởi niệm bất giác (vô minh), tạo thành một chuỗi niệm trùng trùng duyên khởi vô tận, từ ấy mọi cảnh giới sum la vạn tượng được hình thành trong kiếp sống nhân sinh. Con đường lục đạo luân hồi được kết nối, tất cả các pháp được sinh khởi hiện hành, tạo thành một bức tranh muôn màu, muôn vẻ trong cuộc sống. Sự biến động của trời đất bao nhiêu nổi thống khổ của kiếp người từ vô thủy đến nay và tiếp nối hiện tại, ngay bây giờ, vẫn đang diễn ra không ít những hoàn cảnh nghiệt ngã khổ đau. Từ một con người trong một gia đình đến một xã hội, một đất nước và trên cả hành tinh này, cũng do từ nơi Mê TÂM mà tạo nghiệp sanh tử triền miên, nên trong Kinh Pháp Cú đức Phật dạy:

*"Đêm dài cho kẻ thức
Đường dài cho kẻ mệt
Luân hồi dài, kẻ ngu
Không biết chân diệu pháp"
(PC 60 - HT. Thích Minh Châu dịch)*

Muốn chấm dứt cuộc hành trình viễn du trong kiếp sống phù sinh ảo mộng, điều quan trọng cần yếu là phải NGỘ được BỐN TÂM. Như thế, mới cắt đứt được dòng sanh tử khổ đau. Chính đức Phật khi xưa, qua bốn mươi chín (49) ngày dưới cội Bồ-đề, Ngài tư duy thiền quán, đến cuối canh hai, khi sao mai vừa mọc, thì Ngài đã chứng ngộ chân lý, thấu rõ được nguyên nhân và cội nguồn của sự sanh tử là từ Vô Minh đến Tham Ái, Thủ Hữu... Chứng ngộ chân lý là chứng ngộ nơi Bốn Tâm, từ ấy, chấm dứt chuỗi dài sanh tử, sự chứng nghiệm ấy được nói lên qua bài kệ Pháp Cú:

*"Lang thang bao kiếp sống
Ta tìm nhưng chẳng gặp
Người xây dựng nhà này
Khổ thay, phải tái sinh
Ôi! người làm nhà kia
Nay ta đã thấy người!
Người không làm nhà nữa
Đòn tay người bị gãy,
Kèo cột người bị tan,*

*Tâm ta đạt tịch diệt
Tham ái thủy tiêu vong"
(PC 153, 154—HT. Thích Minh Châu dịch)*

Chúng ta là người con Phật, đã và đang đi trên lộ trình mà đức Phật đã đi, đó là con đường thể nghiệm và thể nhập chân lý. Chân lý là cuộc sống, là cái hiện tiền trước mắt, cái đang là, ngay bây giờ, cái không một ý niệm sanh khởi, tịch nhiên vắng lặng mà diệu dụng hà sa. Như Krishnamurti đã nói:

Đức Phật Thích Ca gọi là Niết-bàn
Đức Chúa Giesu gọi là Thiên Đường
Krishnamurti gọi là cuộc sống.

Niết-bàn, Thiên Đường hay là Cuộc Sống đều chỉ cho bản thể thanh tịnh nhất như hiện tiền, Cái mà sẵn có ở trong mỗi con người chúng ta. Qua Kinh Niết-bàn, đức Phật xác định: *"Nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh"* (Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật), hay Ngài Mã Tổ khai thị cho Thiền sư Pháp Thường-Đại Mai: "Tức Tâm Tức Phật" lời Phật, ý Tổ xưa nay vẫn nhất quán như nhau.

Một hôm, vua Lý Thái Tông hỏi Thiền lão Thiền sư:

Hòa Thượng ở núi này bao lâu?

Sư đáp:

*"Đản tri kim nhật nguyệt
Thùy thức cựu xuân thu!"*

Dịch:

Sống ngày nay biết ngày nay
Còn xuân thu trước ai hay làm gì!
(HT. Thích Mật Thể dịch)

MÊ và NGỘ là một cặp phạm trù tương đãi, khi giác ngộ rồi, Mê cũng không mà Ngộ cũng chẳng có, vì Thể tánh của Mê và Ngộ là nhất như bình đẳng.

Con đường của người con Phật đi là để trở về sự tịch lặng của mái chùa xưa ngàn năm cổ kính, là con đường xưa mây trắng thông dong, là tuyệt cùng của đỉnh cô phong vờ vờ, nhưng cũng rất bình thường như tiếng chim trong làn buổi sáng, tạo thành một điệp khúc hòa tấu (tâm cảnh nhất như) giữa đất trời mệnh mông vô tận. Chính nơi đây là chân lý, là xứ sở, quê hương đích thực, là chân ngã diệu dụng xưa nay. Từ nay nói chi đến tử sanh, bắt đầu vết trầm luân, khóa trong bờ Mê - Ngộ.

TK. Thích Giác Tín

Long Xuyên, cuối Hạ Nhâm Thìn 2012



HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG

Nguyên tác Anh ngữ “Good Question, Good Answer” của **Ven. Shravasti Dhammika**
Thích Nguyên Tạng dịch

CHƯƠNG 1

(tiếp theo kỳ trước)

Đức Phật vô trách nhiệm chẳng khi Ngài rời bỏ vợ con của mình?

Điều đó không dễ dàng chút nào khi Đức Phật rời bỏ gia đình. Ngài đã phải lo lắng và do dự trong một thời gian dài trước khi quyết định ra đi. Lúc đó, Ngài có một sự chọn lựa, hoặc là hiến dâng đời mình cho gia đình, hoặc cho thế gian. Cuối cùng, với lòng từ bi rộng lớn đã khiến ngài hy sinh đời mình cho thế gian, và cả thế gian đều được lợi lạc từ sự hy sinh của ngài. Do vậy, đó không phải là vô trách nhiệm. Có thể nói đó là một sự hy sinh đầy ý nghĩa nhất từ trước đến nay.

Đức Phật đã nhập diệt thì làm sao Ngài có thể giúp đỡ chúng ta?

Ông Faraday, người phát minh ra điện, đã mất nhưng những gì ông phát minh vẫn còn có ích cho chúng ta. Ông Luis Pasteur, người tìm ra phương pháp điều trị nhiều bệnh tật, đã qua đời, nhưng các khám phá y khoa của ông vẫn cứu được nhiều mạng sống. Ông Leonardo da Vinci, người sáng tạo ra những kiệt tác nghệ thuật, dù khuất bóng, nhưng tác phẩm của ông vẫn đem lại nhiều hứng khởi và niềm vui cho mọi người. Những thánh nhân và anh hùng đã từ giã cõi đời hàng thế kỷ nhưng khi chúng ta đọc lại những kỳ tích và thành tựu của họ, chúng ta vẫn có nhiều hứng khởi để nối gót họ. Đúng thế, Đức Phật đã nhập diệt, nhưng 2500 năm sau lời giáo huấn của Ngài vẫn giúp được nhân loại, gương lành của Ngài vẫn tạo nhiều cảm hứng cho mọi người, lời dạy của Ngài vẫn có thể cải tạo được cuộc sống. Chỉ có Đức Phật mới có thể có một tiềm lực thu hút như thế qua nhiều thế kỷ sau khi Ngài nhập diệt.

Đức Phật có phải là một vị thần linh không?

Không, Ngài không phải là một vị thần. Ngài không tuyên bố rằng mình là thần linh, là con của thần linh, hoặc ngay cả là một sứ giả của thần linh. Ngài là một con người đã tự toàn thiện mình, và dạy rằng nếu chúng ta noi theo gương Ngài, chúng ta cũng có thể tự hoàn thiện được như Ngài.

Nếu Đức Phật không phải là thần linh, tại sao người ta thờ cúng Ngài?

Có nhiều loại thờ cúng khác nhau, khi người ta thờ một vị thần, họ tôn vinh và cúng dường vị ấy, cầu xin ân sủng, tin tưởng rằng vị thần linh ấy sẽ nghe thấy sự tán dương, sẽ tiếp nhận sự cúng dường và đáp ứng lại lời cầu xin của họ. Người Phật tử không theo kiểu thờ cúng này. Cũng có các loại thờ cúng khác như khi chúng ta bày tỏ lòng tôn kính đối với một người nào đó hay điều gì khiến chúng ta ngưỡng mộ. Khi vị thầy giáo bước vào lớp, chúng ta đứng lên; khi gặp một viên chức cao cấp, chúng ta bắt tay; khi một bài quốc ca được trỗi lên, chúng ta nghiêm chào. Đó là tất cả những cử chỉ cung cách tôn kính tỏ bày lòng khâm phục của chúng ta đối với người hay vật. Cách thờ cúng theo Phật giáo là thực hành. Một pho tượng Phật ngồi với bàn tay nhẹ nhàng trong mảnh y và nụ cười từ ái nhắc nhở chúng ta cố gắng phát triển sự an lạc và yêu thương trong mỗi chúng ta. Mùi thơm của hương trầm nhắc nhở chúng ta về sự ảnh hưởng của đức hạnh lan tỏa khắp nơi, ngọn đèn nhắc nhở chúng ta đến ánh sáng của hiểu biết, và những bông hoa sớm tàn úa nhắc cho chúng ta lẽ vô thường. Khi đánh lễ cúi đầu, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn đối với Đức Phật về những lời dạy của Ngài. Đó là phương cách thờ cúng của người Phật tử.

Nhưng tôi nghe người ta nói rằng nhiều Phật tử vẫn thờ cúng thần tượng?

Những lời phát biểu như vậy chỉ phản ánh sự hiểu lầm của người đang hành trì. Từ điển định nghĩa từ "idol" là "một hình ảnh hay một pho tượng được tôn thờ như một thần linh". Như chúng ta đã biết, người Phật tử không bao giờ tin rằng Đức Phật là một vị thần linh, vậy làm sao họ có thể tin rằng một khối gỗ hay một mảng kim loại kia lại là một vị thần? Mỗi tôn giáo đều dùng một biểu tượng nào đó để bày tỏ quan điểm và niềm tin của riêng họ. Trong Đạo Lão, Âm-dương được dùng để tượng trưng cho sự hài hòa và đối kháng. Đạo Sikh(1), thanh gươm được xem là biểu tượng cho sự đấu tranh tinh thần. Đạo Cơ-Đốc với con cá dùng làm biểu tượng cho sự hiện hữu của Chúa và cây Thánh giá dùng làm biểu tượng cho sự hy sinh của Chúa. Và Phật giáo, tượng Phật được xem như những biểu tượng của sự hoàn thiện nhân cách con người. Tượng Phật cũng nhắc





TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

tương đối thấp; vấn đề ly dị và tự tử hầu như không nghe thấy; việc bạo lực trong gia đình, lạm dụng trẻ em, sách báo kích dục và nạn mại dâm không thể có. Một nền kinh tế chậm tiến nhưng lại có một nền tảng đạo đức xã hội cao hơn một quốc gia như Hoa Kỳ. Tuy nhiên, nếu chúng ta muốn nhìn thấy những quốc gia Phật giáo theo cái nghĩa kinh tế như vậy, thì một trong những quốc gia giàu có nhất và có nền kinh tế năng động nhất thế giới hiện nay là Nhật Bản, nơi có 93% dân số là tín đồ theo Phật giáo.

Tại sao bạn không thường nghe người Phật tử làm công tác từ thiện xã hội?

Có lẽ người Phật tử không cảm thấy cần thiết phải khoe khoang về những điều tốt của họ. Nhiều năm trước đây ông Nikkoy Niwano (2), vị lãnh đạo Phật giáo Nhật Bản đã được trao giải thưởng Templeton qua việc ông vận động liên kết hòa hợp tôn giáo. Tương tự, một tăng sĩ người Thái đã nhận giải thưởng Magsaysay cho chiến dịch bài trừ tệ nạn ma túy. Năm 1987, Thượng tọa Kantayapiwat, người Thái Lan, cũng nhận một giải thưởng Nhi đồng Hòa Bình của Na Uy cho công việc từ thiện của ngài trong nhiều năm giúp đỡ trẻ bụi đời ở vùng nông thôn. Và hiện nay, các hội đoàn Phật giáo phương Tây đang thực hiện một số công tác từ thiện ở các vùng nông thôn Ấn Độ, họ đang xây dựng trường học, Trung tâm điều trị tâm thần thiếu nhi, trạm xá và những khu công nghiệp nhẹ. Người Phật tử xem việc giúp đỡ cho người khác như là một pháp môn tu tập của họ, nhưng họ cho rằng công việc ấy nên thực hiện trong thầm lặng, không cần phô trương. Chính vì thế mà bạn không nghe thấy nhiều về các hoạt động từ thiện của họ.

Tại sao có nhiều tông phái khác nhau trong Phật giáo?

Có nhiều loại đường khác nhau: đường vàng, đường trắng, đường kết tinh, đường cực, đường cát, đường phen... nhưng tất cả chỉ là đường và chỉ có một vị ngọt. Nó được sản xuất từ nhiều hình thức khác nhau để nó có thể sử dụng nhiều cách khác nhau. Phật giáo cũng thế, Phật giáo Nguyên thủy, Thiền tông, Tịnh độ tông, Du già tông, Mật tông nhưng tất cả đều là Phật giáo và đều có chung một vị - vị giải thoát. Phật giáo quả thật đã phát triển qua nhiều hình thức khác nhau để nó hiện hữu và thích ứng với những nền văn hóa khác nhau. Qua nhiều thế kỷ Phật giáo có thể tồn tại phù hợp với mọi thể hệ. Đứng trên phương diện bề mặt, Phật giáo dường như có khác nhau, nhưng tâm điểm dị biệt ấy vẫn là giáo lý Tứ đế và Bát chánh đạo. Tất cả những tôn giáo chính, kể cả Phật giáo, đã từng bị chia ra nhiều tông phái khác nhau. Tất cả những tôn giáo chính, Phật giáo bao gồm những hình thái và tông phái. Những sự khác nhau của các tông phái ấy không bao giờ đưa tới xung đột nhau, và cho tới nay chưa bao giờ biểu lộ sự thù địch với nhau, họ đến với nhau ở những chùa viện khác và cùng cầu nguyện với nhau. Lòng bao dung, và hiểu nhau như thế quả thật là hiếm thấy.

nhờ ta về tính nhân bản trong giáo lý nhà Phật. Thật vậy, Phật giáo luôn xem con người là trung tâm chứ không phải là thần linh, điều đó nhắc nhở chúng ta phải tìm sự toàn hảo và hiểu biết ở bên trong chứ không phải về bề ngoài của hình tượng. Vì thế nói rằng người Phật tử tôn thờ hình tượng là không đúng.

Tại sao người ta đốt giấy vàng bạc và làm những chuyện lạ trong chùa?

Nhiều việc thấy lạ nếu ta không tìm hiểu về chúng. Tốt hơn nên gạt bỏ những chuyện lạ ấy mà nên cố gắng tìm hiểu ý nghĩa của chúng. Tuy nhiên, đúng là đôi khi người Phật tử đã thực thi những điều mê tín dị đoan và hiểu lầm hơn là lời dạy của Phật. Và những việc hiểu lầm như vậy không phải chỉ riêng ở Phật giáo mà thỉnh thoảng cũng thấy ở những tôn giáo khác. Đức Phật đã dạy rất rõ ràng và chi tiết và nếu không hiểu giáo lý của Ngài thì không thể đổ lỗi cho Ngài. Có lời dạy rằng: Nếu một người đau khổ vì bệnh hoạn mà không chịu để điều trị, thậm chí người ấy có người thầy thuốc trong tầm tay. Đó không phải là lỗi của người thầy thuốc...

Cũng vậy, nếu một người bị hành hạ và đau khổ bởi phiền não mà không tìm sự giúp đỡ của Đức Phật, thì đó cũng không phải là lỗi của Ngài. (JN 28-9)

Không phải Phật giáo mà bất cứ tôn giáo nào cũng không thể giúp cho họ nếu bản thân họ không thực hành đúng pháp. Nếu bạn muốn biết rõ ràng và chính xác về chân lý của Đạo Phật, thì hãy đọc những lời dạy của Phật hoặc học hỏi với người hiểu đúng giáo lý này.

Nếu Phật giáo quá tốt đẹp như vậy, tại sao vẫn còn nhiều quốc gia nghèo khổ?

Nếu bạn muốn nói nghèo khổ về kinh tế thì đúng là vẫn còn nhiều quốc gia Phật giáo chưa phát triển về mặt này. Nhưng nếu bạn muốn ám chỉ nghèo về "phẩm chất của cuộc sống" thì có lẽ nhiều nước theo Phật giáo lại rất giàu. Chẳng hạn nước Mỹ, một cường quốc về kinh tế và quyền lực, nhưng lại là một trong những quốc gia có tỉ lệ tội phạm cao nhất thế giới, hàng triệu người già bị con cái lãng quên và chết trong cô độc tại các viện dưỡng lão; nạn bạo lực ở trong gia đình và lạm dụng tình dục trẻ em là vấn đề nóng bỏng. Cứ ba cặp cưới nhau có một cặp ly dị; sách báo đồi trụy dễ dàng tìm thấy. Vì vậy, giàu theo nghĩa có tiền nhưng lại nghèo về "phẩm chất cuộc sống". Bây giờ chúng ta thử quay sang Miến Điện, một quốc gia có nền kinh tế lạc hậu, nhưng cha mẹ được con cái tôn vinh và kính trọng; tỉ lệ tội phạm

Bạn luôn nghĩ tốt về Đạo Phật. Tôi cho rằng bạn nghĩ Đạo của bạn đang theo là đúng còn các đạo khác là sai.

Không có một Phật tử nào hiểu lời Phật dạy mà lại nghĩ các tôn giáo khác là sai. Không một ai có tâm hồn cởi mở lại để tâm phân xét các tôn giáo khác. Việc trước tiên bạn để tâm nghiên cứu những tôn giáo khác là để biết có bao nhiêu điểm tương đồng. Tất cả các tôn giáo đều thừa nhận rằng đời sống con người hiện tại không được thỏa mãn. Tất cả đều tin rằng nếu hoàn cảnh của con người phải cải thiện thì cách cư xử và quan điểm của họ cần phải được thay đổi. Tất cả đều truyền dạy về một nền đạo đức học về yêu thương, nhân ái, kiên nhẫn, rộng lượng và có trách nhiệm với xã hội, và tất cả đều chấp nhận có sự hiện hữu trong một vài hình thức tuyệt đối.

Họ sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau, nhiều tên gọi khác nhau và nhiều biểu tượng khác nhau để mô tả và giải thích những sự việc này. Và chỉ khi nào họ bám chặt vào đường hướng của mình bằng tâm lượng hẹp hòi để nhìn sự việc thì sự ích kỷ, ngạo mạn và tự tôn liền phát sinh.

Cứ tưởng tượng một người Anh, một người Pháp, một người Trung quốc và một người Nam Dương. Tất cả đều nhìn vào một cái ly nước. Người Anh nói "Đây là cái 'cup'", người Pháp nói "Không phải, nó là cái 'tasse'", người Hoa bảo "cả hai ông đều sai hết, nó chính là 'pei'". Và người Nam Dương cười lớn nói rằng: "Các anh ngớ ngẩn làm sao, nó là cái 'cawan'". Người Anh lật quyển từ điển ra và chỉ cho các người kia "Tôi có thể chứng minh đây là cái 'cup', quyển từ điển của tôi đã viết như thế". Người Pháp cãi lại "từ điển của tôi nói rõ đó là 'tasse'". Người Hoa lớn tiếng cãi lại "Từ điển của chúng tôi mới chính xác, vì nó có hàng ngàn năm nay rồi, lâu hơn tất cả các từ điển của các anh, và lại người nói tiếng Hoa nhiều hơn người nói ngôn ngữ của mấy anh, vì thế tôi nói nó là pei là chính xác nhất". Trong lúc những người này đang cãi cọ và tranh luận, một người Phật tử bước tới bưng lấy cái ly nước lên uống. Sau khi vị ấy uống xong, vị ấy nói: "Dù các anh có gọi nó là 'cup', 'tasse', 'pei' hay 'cawan', mục đích của cái ly là dùng để uống nước, các anh hãy chấm dứt tranh luận và hãy uống nước để bớt cơn khát của các anh đi!" Đây là thái độ của người Phật tử đối với các tôn giáo khác.

Đạo Phật có phải là khoa học không?

Trước khi trả lời câu hỏi này, tốt nhất chúng ta hãy tìm hiểu về định nghĩa của từ khoa học, theo từ điển giải thích khoa học là "Kiến thức có thể được hình thành theo một hệ thống, cái tùy thuộc vào sự trải nghiệm các dữ kiện và xác nhận được quy luật tự nhiên, một phần tùy thuộc vào những gì được nghiên cứu chính xác".

Trong Phật giáo có nhiều phương diện không phù hợp với định nghĩa này. Nhưng giáo lý cốt lõi của Đạo Phật, Tứ Diệu Đế (Four Noble Truths) thì hẳn đã phù hợp. Chân lý thứ nhất khổ đau là một kinh nghiệm và có thể xác định được. Chân lý thứ hai chỉ rõ rằng đau khổ có nguyên nhân tự nhiên của tham ái mà nó có thể định nghĩa, trải qua và đo lường được.

Không cần cố gắng giải thích khổ đau theo thuật ngữ, quan điểm siêu hình hay huyền hoặc. Chân lý thứ ba, chấm dứt khổ đau không nương nhờ vào thần linh tối cao, vào niềm tin hay cầu nguyện mà đơn giản chỉ là loại bỏ nguyên nhân của khổ đau. Đó là việc hiển nhiên. Chân lý thứ tư, con đường đưa đến sự chấm dứt khổ đau, một lần nữa cũng không có gì siêu hình mà tùy thuộc vào việc thực hiện theo phương pháp đặc biệt. Và hơn nữa thái độ phải cởi mở để xét nghiệm.

Phật giáo không thừa nhận quan điểm về một đấng cao cả, giống như khoa học và giải thích nguồn gốc và sự vận hành của vũ trụ theo quy luật

tự nhiên. Hẳn những điều này là chứng minh theo tinh thần khoa học. Một lần nữa, chúng ta lại thấy tinh thần khoa học trong Phật giáo càng rõ ràng hơn qua lời khuyên của Đức Phật, rằng chúng ta không nên tin tưởng một cách mù quáng mà ngược lại phải đặt vấn đề, tìm hiểu và thẩm tra, nhờ vào kinh nghiệm của chính mình rồi mới tin, có như thế tính chất khoa học mới được rõ ràng. Đức Phật dạy:

"Đừng tin tưởng theo huyền bí hay truyền thống. Đừng tin tưởng theo tin đồn đãi hay kinh điển, đừng tin tưởng theo lời đồn hay những gì hợp lý, đừng tin tưởng theo khuynh hướng của một ý niệm nào đó, hay do một ai đó có khả năng. Và đừng tin tưởng theo ý tưởng 'vị ấy là thầy của ta'. Nhưng khi chính các vị biết rằng điều ấy là tốt không làm tổn hại ai, đó là sự sáng suốt đáng tán dương và khi thực hành và theo dõi rằng nó sẽ mang đến hạnh phúc, rồi hãy tin tưởng theo". (AI 188)

Vì thế chúng ta có thể nói rằng mặc dù Phật giáo không hoàn toàn khoa học, nhưng hẳn đã mang tính khoa học mạnh mẽ và có tính khoa học hơn các tôn giáo khác. Chính ông Albert Einstein (1879-1955) một nhà khoa học vĩ đại nhất của thế kỷ hai mươi đã nói về tính khoa học của Phật giáo như sau:

"Tôn giáo tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó. Và nếu có bất cứ một tôn giáo nào có thể đương đầu với những nhu cầu của nền khoa học hiện đại, thì đó là Phật giáo vậy."

(to be continued...)

LESSONS IN DHARMA

GOOD QUESTION, GOOD ANSWER

by *Ven. Shravasti Dhammika*

CHAPTER 1

(continuing from the previous issue)

Wasn't it irresponsible for the Buddha to walk out on his wife and child?

It couldn't have been an easy thing for the Buddha to leave his family. He must have worried and hesitated for a long time before he finally left. But he had a choice, dedicating himself to his family or dedicating himself to the whole world. In the end, his great compassion made him give himself to the whole world. And the whole world still benefits from his sacrifice. This was not irresponsible. It was perhaps the most significant sacrifice ever made.

The Buddha is dead so how can he help us?

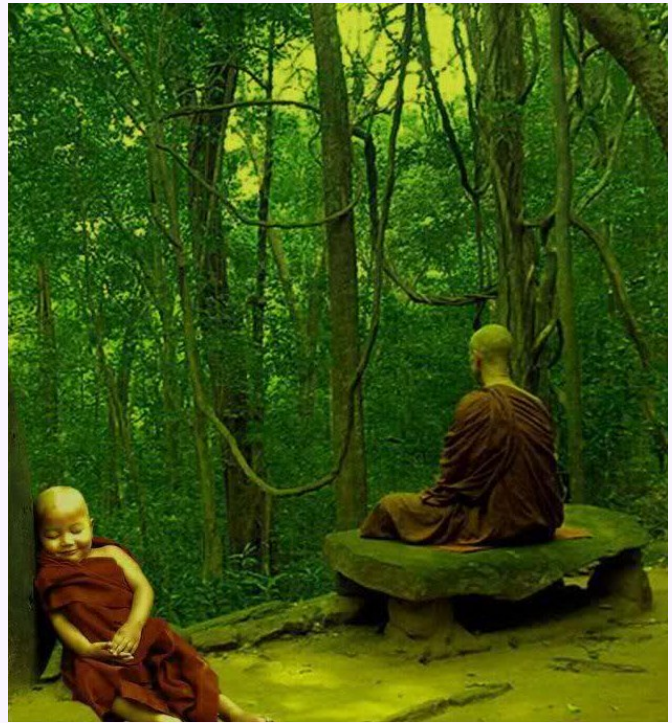
Faraday, who discovered electricity, is dead, but what he discovered still helps us. Luis Pasteur who discovered the cures for so many diseases is dead, but his medical discoveries still save lives. Leonardo da Vinci who created masterpieces of art is dead, but what he created can still uplift and give joy. Noble men and heroes may have been dead for centuries but when we read of their deeds and achievements, we can still be inspired to act as they did. Yes, the Buddha is dead but 2500 years later his teachings still help people, his example still inspires people, his words still change lives. Only a Buddha could have such power centuries after his death.

Was the Buddha a god?

No, he was not. He did not claim that he was a god, the child of a god or even the messenger from a god. He was a man who perfected himself and taught that if we follow his example, we could perfect ourselves also.

If the Buddha is not a god, then why do people worship him?

There are different types of worship. When someone worships a god, they praise him or her, making offerings and ask for favours, believing that the god will hear their praise, receive their offerings and answer their prayers. Buddhists do not indulge in this kind of worship. The other kind of worship is when we show respect to someone or something we admire. When a teacher walks into a room we stand up, when we meet a dignitary we shake hands, when



the national anthem is played we salute. These are all gestures of respect and worship and indicate our admiration for persons and things. This is the type of worship Buddhist practise. A statue of the Buddha with its hands rested gently in its lap and its compassionate smile reminds us to strive to develop peace and love within ourselves. The perfume of incense reminds us of the pervading influence of virtue, the lamp reminds us of light of knowledge and the flowers which soon fade and die, reminds us of impermanence. When we bow, we express our gratitude to the Buddha for what his teachings have given us. This is the nature of Buddhist worship.

But I have heard people say that Buddhists worship idols.

Such statements only reflect the misunderstanding of the persons who make them. The dictionary defines an idol as "an image or statue worshipped as a god". As we have seen, Buddhist do not believe that the Buddha was a god, so how could they possibly believe that a piece of wood or metal is a god? All religions use symbols to express various concepts. In Taoism, the ying-yang is used to symbolise the harmony between opposites. In Sikhism, the sword is used to symbolise spiritual struggle. In Christianity, the fish is used to symbolise his sacrifice. And in Buddhism, the statue of the Buddha also reminds us of the human dimension in Buddhist teaching, the fact that Buddhism is man-centred, not god-centred, that we must look within not without to find perfection and understanding. So to say that Buddhist worship idols is not correct.

Why do people burn paper money and do all kinds of strange things in Buddhist temples?

Many things seem strange to us when we don't understand them. Rather than dismiss such things as

strange, we should strive to find their meaning. However, it is true that Buddhist practice sometimes has its origin in popular superstition and misunderstanding rather than the teaching of the Buddha. And such misunderstandings are not found in Buddhism alone, but arise in all religions from time to time. The Buddha taught with clarity and in detail and if some fail to understand fully, the Buddha cannot be blamed. There is a saying:

If a man suffering from a disease does not seek treatment even when there is a physician at hand, it is not the fault of the physician. In the same way, if a man is oppressed and tormented by the disease of defilements but does not seek the help of the Buddha, that is not the Buddha's fault. (JN28-9)

Nor should Buddhism or any religion be judged by those who don't practise it properly. If you wish to know the true teachings of Buddhism, read the Buddha's words or speak to those who understand them properly.

If Buddhism is so good why are some Buddhist countries poor?

If by poor you mean economically poor, then it is true that some Buddhist countries are poor. But if by poor you mean a poor quality of life, then perhaps some Buddhist countries are quite rich. America, for example, is an economically rich and powerful country but the crime rate is one of the highest in the world, millions of old people are neglected by their children and die of loneliness in old people's homes, domestic violence and child abuse are major problems. One in three marriages end in divorce, pornography is easily available. Rich in terms of money but perhaps poor in terms of the quality of life. Now if you look at some traditional Buddhist countries you find a very different situation. Parents are honoured and respected by their children, the crime rates are relatively low, divorce and suicide are rare and traditional values like gentleness, generosity, hospitality to strangers, tolerance and respect for others are still strong. Economically backward, but perhaps a higher quality of life than a country like America. But even if we judge Buddhist countries in terms of economics alone, one of the wealthiest and most economically dynamic countries in the world today is Japan where 93% of the population call themselves Buddhist.

Why is it that you don't often hear of char-



itable work being done by Buddhists?

Perhaps it is because Buddhists don't feel the need to boast about the good they do. Several years ago the Japanese Buddhist leader Nikkyo Niwano received the Templeton Prize for his work in promoting inter-religious harmony. Likewise a Thai Buddhist monk was recently awarded the prestigious Magsaysay Prize for his excellent

work among drug addicts. In 1987 another Thai monk, Ven.Kantayapiwat was awarded the Norwegian Children's Peace Prize for his many years work helping homeless children in rural areas. And what about the large scale social work being done among the poor in India by the Western Buddhist Order? They have built schools, child minding-centres, dispensaries and small scale industries for self-sufficiency. Buddhist see help given to others as an expression of their religious practice just as other religions do but they believe that it should be done quietly and without self-promotion. Thus you don't hear so much about their charitable work.

Why are there so many different types of Buddhism?

There are many different types of sugar: brown sugar, white sugar, rock sugar, syrup and icing sugar but it is all sugar and it all tastes sweet. It is produced in different forms so that it can be used in different ways. Buddhism is the same: there is Theravada Buddhism, Zen Buddhism, Pure Land Buddhism, Yogacara Buddhism and Vajrayana Buddhism but it is all Buddhism and it all has the same taste - the taste of freedom. Buddhism has evolved into different forms so that it can be relevant to the different cultures in which it exists. It has been reinterpreted over the centuries so that it can remain relevant to each new generation. Outwardly, the types of Buddhism may seem very different but at the centre of all of them is the Four Noble Truths and the Eightfold Path. All major religions, Buddhism included, have split into schools and sects. But the different sects of Buddhism have never gone to war with each other and to this day, they go to each other's temples and worship together. Such tolerance and understanding is certainly rare.

You certainly think highly of Buddhism. I suppose you think your religion is right and all the others are wrong.

No Buddhist who understands the Buddha's teaching thinks that other religions are wrong. No

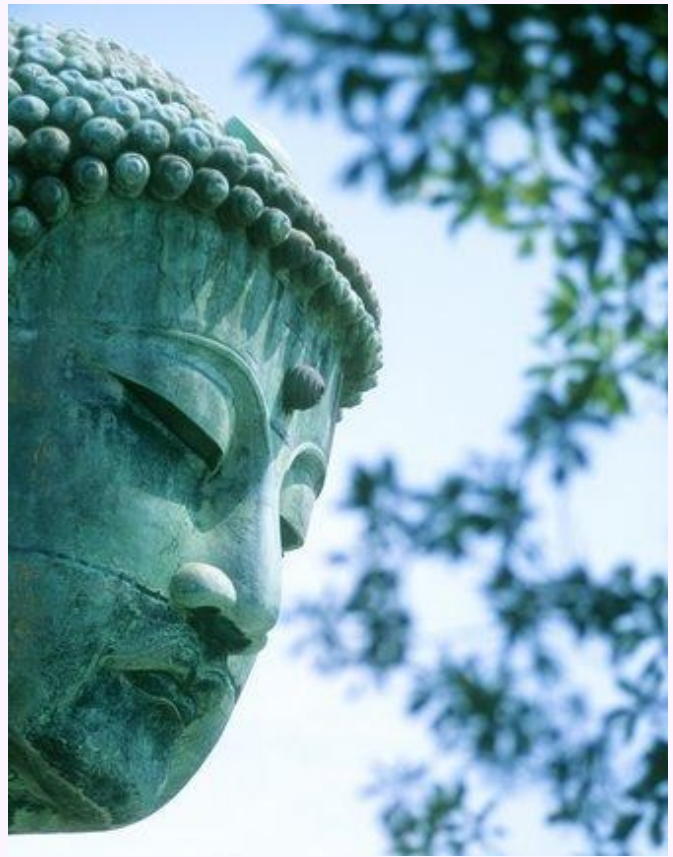
one who has made a genuine effort to examine other religions with an open mind could think like that either. The first thing you notice when you study the different religions is just how much they have in common. All religions acknowledge that man's present state is unsatisfactory. All believe that a change of attitude and behaviours is needed if man's situation is to improve. All teach an ethics that includes love, kindness, patience; generosity and social responsibility and all accept the existence of some form of Absolute.

They use different languages, different names and different symbols to describe and explain these things; and it is only when they narrow-mindedly cling to their one way of seeing things that religious intolerance, pride and self-righteousness arise.

Imagine an Englishman, a Frenchman, a Chinese and an Indonesian all looking at a cup. The Englishman says, "That's a *cup*." The Frenchman answers, "No it's not. It's a *tasse*." The Chinese comments, "You're both wrong. It's a *pei*." And the Indonesian laughs at the others and says "What fools you are. It's a *cawan*." The Englishman gets a dictionary and shows it to the others saying, "I can prove that it is a *cup*. My dictionary says so." "Then your dictionary is wrong," says the Frenchman "because my dictionary clearly says it is a *tasse*." The Chinese scoffs at them. "My dictionary is thousands of years older than yours, so my dictionary must be right. And besides, more people speak Chinese than any other language, so it must be a *Pei*." While they are squabbling and arguing with each other, a Buddhist comes up and drinks from the cup. After he has drunk, he says to the others, "Whether you call it a cup, a tasse, a pei or a cawan, the purpose of the cup is to be used. Stop arguing and drink, stop squabbling and refresh your thirst." This is the Buddhist attitude to other religions.

Is Buddhism scientific?

Before we answer that question it would be best to define the word 'science'. Science, according to the dictionary is: "knowledge which can be made into a system, which depends upon seeing and testing facts and stating general natural laws, a branch of such knowledge, anything that can be studied exactly". There are aspects of Buddhism that would not fit into this definition but the central teachings of Buddhism, the Four Noble Truths, most certainly would. Suffering, the First Noble Truth, is an experience that can be defined, experienced and measured. The Second Noble Truth states that suffering has a natural cause, craving, which likewise can be defined, experienced and measured. No attempt is made to explain suffering in terms of a metaphysical concept or myths. Suffering is ended, according to the Third Noble Truth, not by relying on upon a supreme being, by faith or by prayers but simply by removing its cause. This is axiomatic. The Fourth Noble Truth, the way to end suffering, once again, has nothing to do with metaphysics but depends on



behaving in specific ways. And once again behaviour is open to testing. Buddhism dispenses with the concept of a supreme being, as does science, and explains the origins and workings of the universe in terms of natural law. All of this certainly exhibits a scientific spirit. Once again, the Buddha's constant advice that we should not blindly believe but rather question, examine, inquire and rely on our own experience, has a definite scientific ring to it. He says:

"Do not go by revelation or tradition, do not go by rumour, or the sacred scriptures, do not go by hearsay or mere logic, do not go by bias towards a notion or by another person's seeming ability and do not go by the idea 'He is our teacher'. But when you yourself know that a thing is good, that it is not blameable, that it is praised by the wise and when practised and observed that it leads to happiness, then follow that thing."

So we could say that although Buddhism is not entirely scientific, it certainly has a strong overtone and is certainly more scientific than any other religion. It is significant that Albert Einstein, the greatest scientist of the twentieth century said of Buddhism:

"The religion of the future will be a cosmic religion. It should transcend a personal God and avoid dogmas and theology. Covering both natural and spiritual, it should be based on a religious sense arising from the experience of all things, natural and spiritual and a meaningful unity. Buddhism answers this description. If there is any religion that would cope with modern scientific needs, it would be Buddhism."

(to be continued...)

PHẬT PHÁP VỚI TUỔI TRẺ

CON ĐƯỜNG BỒ-TÁT

Tâm Minh Vương Thủy Nga



Kính thưa quý vị và các bạn,
Trong những bài Phật pháp, Anh Chị Em huynh trưởng và đoàn sinh GDPTVN được học rằng Bồ-tát là “Bồ-đề Tát-đỏa”, có nghĩa là loài hữu tình đã giác ngộ và giác ngộ cho loài hữu tình khác, hay: Bồ-tát là những người có tâm “thượng cầu hạ hóa”, trên thì cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, v.v... mấy chữ “giác ngộ”, “hóa độ”..., quả thật là rất thâm sâu đối với chúng tôi.

Bên cạnh đó, lại nghe nói “*Gia đình Phật tử là một pháp môn tu*” hay “*người huynh trưởng GDPT cũng theo hạnh nguyện Bồ-tát*” cũng đi theo con đường Bồ-tát; có người chấp nhận dễ dàng, có người còn chưa thoải mái, cho rằng nói như vậy là hơi đề cao người huynh trưởng GDPT. Mặt khác, có những anh chị huynh trưởng lớn đã thọ giới Bồ-tát... làm các em huynh trưởng trẻ cũng hơi thắc mắc; do đó, vấn đề này cũng đang là vấn đề “thời sự” mà các em muốn tìm hiểu. Xin mời quý vị theo dõi cuộc hội luận bỏ túi giữa các huynh trưởng quen thuộc A, B, C.

A: Đề tài của chúng ta hôm nay là nói về các vị Bồ-tát phải không?

B: Có vô số Bồ-tát mà chúng ta được nghe danh hiệu, có ba vị Bồ-tát và hai vị Phật mà anh chị em chúng ta tu học theo hạnh nguyện của các ngài: Bồ-tát Di Lặc (hạnh Hỷ xả), Bồ-tát Quán Thế Âm (hạnh Từ bi), Bồ-tát Văn-thù Sư-lợi (hạnh Trí tuệ), đức Phật Thích-ca (hạnh Tinh tấn) và đức Phật A-di-đà (hạnh Thanh tịnh).

C: Cái đó mình thấy dễ hiểu rồi vì cứ được học đi học lại, nhưng mình còn nghe “Bồ-tát tại gia”, nghĩa là họ không xuất gia gì cả mà vẫn được gọi là Bồ-tát và có nhiều vị thọ Bồ-tát giới nữa, nghĩa là sao hở các bạn?

A: Thật ra, anh chị em huynh trưởng chúng ta cũng được coi là đang tu Bồ-tát hạnh và hành Bồ-tát đạo rồi đó, bạn biết không?

B: Đúng vậy, khi chúng ta

phát nguyện làm huynh trưởng, dù dưới hình thức nào, đọc những lời nguyện có thể sai khác nhau nhưng nội dung vẫn là một, đó là nguyện hoằng dương Phật pháp, làm lợi ích chúng sanh.

C: Nhưng chúng mình đã làm lợi ích gì cho chúng sanh đâu? Ăn rồi lo ba cái đám con nít cũng chưa xong, mình thấy mình vô dụng quá! Nghe ai nói mình đang đi trên con đường Bồ-tát, mình thật xấu hổ vô cùng!

A: Ai bảo bạn so sánh với đức Quán Thế Âm làm chi? Bồ-tát cũng có nhiều mức độ chứ! Chúng mình chăm sóc một đàn em chẳng hạn, hằng tuần bạn phải đón các em đi sinh hoạt, đưa các em về nhà, đến Đoàn chúng ta dạy các em học Phật pháp, hoạt động thanh niên, cho các em vui chơi, giải trí lành mạnh và phát triển trí óc... coi như chăm sóc đời sống trí tuệ và sức khỏe cho các em, thay cha mẹ các em một ngày chủ nhật, có nhiều khi đưa các em về, các em đói bụng ta phải lo cho các em ăn, v.v... như vậy là ta đã làm lợi ích cho chúng sanh rồi! Các em của chúng ta cũng là chúng sanh chứ bộ!!

B: Phải! Phải! Chúng ta đã đưa các em đến gần với Phật pháp; chúng ta thường dạy cho các em và cũng như tự nhắc nhở chúng ta “*Sáng cho người thêm niềm vui, chiều giúp người bớt khổ*”, như vậy là chúng ta không chỉ biết lo cho bản thân mình mà còn nghĩ đến người khác, đó là tâm địa Bồ-tát chứ còn gì nữa?

C: Mình đồng ý với các bạn

rồi, nhưng mình nghe nói muốn tu Bồ-tát đạo thì phải phát tâm Bồ-đề, mình không nhớ mình đã phát tâm vào lúc nào, còn các bạn có nhớ không?

A: Thì hồi này bạn B đã nói rồi đó, chúng ta không những chỉ phát tâm, phát nguyện một lần mà đã nhiều lần rồi. Này nha, vào GDPT đeo hoa sen là đã phát nguyện làm một đoàn sinh GDPT “trở thành Phật tử chân chánh sống đúng theo tinh thần Phật giáo” như vậy không phải là phát tâm cầu đạo Vô Thượng rồi sao? Rồi mục đích GDPT là đào tạo những con người tốt có đạo đức, và góp phần xây dựng xã hội... như vậy là mục đích hướng đến mọi người, hướng đến cộng đồng, hướng đến tha nhân; đó chính là tâm Bồ-tát, không phải sao?

B: Rồi đến làm huynh trưởng chúng ta đi bao nhiêu trại huấn luyện thì mỗi lần kết thúc trại chúng ta đều phát nguyện, nghĩa là phát tâm rộng lớn (phát Bồ-đề tâm) và lập nguyện kiên cố không thoái chuyển trong nghề huynh trưởng của mình, cái nghề suốt đời lo cho thế hệ đàn em.

C: A, mình nhớ ra rồi! Chúng ta có học *Khuyến phát Bồ-đề tâm* văn của ngài Thật Hiền phải không? Rồi mình còn tóm tắt là phải phát tâm *chân, chính, đại, viên* chứ đừng phát tâm kiểu *ngụy, tà, tiểu, thiên* đó mà!

A: Đúng vậy, tâm Bồ-đề được biểu hiện qua ba tâm thái chủ yếu, đó là: *Trực tâm, Thâm tâm và Đại bi tâm*. Trực tâm là tâm ngay thẳng chánh trực không quanh co, đó chính là tâm thánh thiện của mình. Tu Trực tâm là phát triển con mắt, cách nhìn và tấm lòng ngay thẳng không thành kiến cố chấp hay thiên vị.

B: Còn Thâm tâm là khuynh hướng hành thiện, nuôi lớn và tích tập căn lành phát triển cho đến chỗ toàn thiện và Đại bi tâm là tình thương vô hạn, là tính vị tha,

bình đẳng với mọi người, là lòng lân mẫn, đức hy sinh, có thể quên mình để đem lại hạnh phúc cho người.

C: Phải rồi, con đường phát triển tâm Bồ-đề gọi là con đường Bồ-tát đi hay Bồ-tát đạo.

A: Người mới phát tâm thì gọi là Bồ-tát sơ phát tâm; người đã phát triển tâm Bồ-đề đến chỗ viên mãn thì gọi là Phật.

B: Theo kinh *Hoa nghiêm*, người đi trên con đường Bồ-tát phải trải qua những giai đoạn tiến hóa về tâm linh: từ phàm phu lên Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa.

C: Điều này thì các bạn phải nhắc lại cho mình rõ ràng và chi tiết hơn, chứ mình không học kinh *Hoa nghiêm* và cũng không tụng kinh *Hoa nghiêm* bao giờ cả!

A: Giai đoạn phàm phu là giai đoạn chưa phát tâm tu hành; giai đoạn này chắc là anh em mình đã qua, vì chúng mình đã phát tâm tu hành rồi mà! Tiếp đến là giai đoạn Thập tín, là hướng cuộc đời mình về Đạo pháp; chúng ta chắc đang ở trong giai đoạn này. Thập trụ là giai đoạn rèn luyện công phu thiền định, chuyển hóa phiền não. Trọng tâm tu hành trong giai đoạn này là phát triển Trực tâm

B: Thập hạnh là giai đoạn mà người tu khai triển lòng đại bi, kết duyên với chúng sanh, giáo dục chúng sanh và hóa độ chúng sanh; Thập hồi hướng là giai đoạn phát triển đều khắp ba tâm: Trực tâm, Thâm tâm và Đại bi tâm và Thập địa là giai đoạn cuối cùng trước khi Bồ-đề tâm viên mãn, ấy là dứt trừ vọng tâm, không còn

phiền não...

C: Nghe các bạn trình bày mình nghĩ rằng quá trình tu tập không phải rạch ròi từng giai đoạn, phải từ 1 đến 2, từ 2 đến 3... mà nội dung tu tập hòa quyện lẫn nhau, ví dụ khi chúng ta hướng đời mình vào Đạo thì mình cũng đồng thời phát Bồ-đề tâm và phát triển các Tâm: Trực tâm, Thâm tâm và Đại bi tâm chứ hả?

A: Nói một cách tổng quát thì như vậy nhưng phương pháp tu hành theo *Hoa nghiêm* thì Thập tín là giai đoạn đầu tiên vào Đạo; trong giai đoạn này trọng tâm tu tập là về Thân hạnh, gồm có hai công hạnh chính: Cúng dường chư Phật và thân cận thiện hữu.

B: Phải rồi, xong đến Tâm hạnh; Tâm hạnh chú trọng việc chuyển hóa tâm tư tình cảm, cũng có hai công hạnh chính, đó là nhu hòa và nhẫn nhục. Cuối cùng của Tu thập tín là Tánh hạnh, hai pháp tu chủ yếu của giai đoạn này là Thâm tâm bình đẳng và Từ bi thâm hậu.

C: Cảm ơn các bạn rất nhiều, mình tóm tắt lại nha: Thân hạnh là tu cúng dường chư Phật để có lòng Tin, gần gũi thân cận thiện tri thức để học hỏi chánh kiến chánh hạnh. Tâm hạnh là huấn luyện Tâm nhu hòa, lời ái ngữ, hành động nhẹ nhàng, tập nhẫn nhục chịu đựng nghịch cảnh, để phát triển trí tuệ và Tánh hạnh là huấn tập tâm khiêm hạ, bình đẳng vị tha đối với mọi người, biết tha thứ khoan dung và tận tụy với tha nhân.

A: Như vậy là bạn nắm vững vấn đề rồi, bây giờ chúng mình phải "giải quyết" chuyện "Bồ-tát tại gia" cho bạn nữa, bạn B có ý kiến gì không?

B: Bồ-tát tại gia theo mình nghĩ là người tu tại gia đã thọ Bồ-tát giới. Nếu là vậy thì người ấy đã thọ 5 giới rồi (giống như chúng mình lúc qui y), đã thực hành 10 thiện nghiệp rồi (Thập thiện nghiệp đạo) và sau đó mới thọ giới Bồ-tát tại gia. Mình nói theo sách vở thôi chứ mình chưa thọ Bồ-tát giới nên không chính xác đó nha, bạn C phải tra cứu lại!

C: Như vậy người tu tại gia có phải là Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di không?

A: Phải! Bốn chúng đệ tử đồng tu của đức Phật là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni (xuất gia) và Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di (tại gia). Bồ-tát giới dành cho hàng xuất gia gồm 58 điều giới với 10 điều trọng và 48 điều khinh. Còn Bồ-tát giới dành cho người tại gia thì gồm 34 điều giới, trong đó 6 điều trọng và 28 điều khinh.

B: Như vậy, sáu giới trọng Bồ-tát giới của người Phật tử tại gia phải giữ gồm 4 giới như của chúng ta cộng thêm 2 giới nữa (hơi khác một chút): 1. sát, 2. đạo, 3. dâm, 4. vọng, 5. không nói xấu bốn chúng, 6. không bán rượu.

C: Như vậy, người Bồ-tát tại gia được uống rượu sao?

A: Cái này chắc phải hỏi lại các anh chị đã thọ giới Bồ-tát tại gia mới biết được.

B: Mình nghĩ rằng giới thứ 6 của Bồ-tát tại gia phải ghi lại rằng "không mua/bán/uống rượu" mới được. Bạn C còn điều gì thắc mắc nữa không?

C: Bây giờ mình hết thắc mắc rồi và nghĩ rằng ACE chúng mình đeo hoa Sen với Năm cánh trên là Năm hạnh, ba cánh dưới tượng trưng cho ba ngôi Tam bảo, có nghĩa là ACE mình đã tu tập Thân hạnh, Tâm hạnh và Tánh hạnh rồi. Ngoài ra đối với các em mình (không muốn cũng không được) luôn kiên nhẫn trong việc giáo dục các em từ dạy tiếng Việt đến dạy Phật pháp, chịu đựng các em khó tính khó nết, mà vẫn dịu dàng không la mắng to tiếng hay đánh đập các em, như vậy chúng mình cũng xứng đáng được gọi là đang tu hạnh Bồ-tát và đang đi trên con đường của Bồ-tát.

A: Như vậy là bạn đã "ngộ" rồi đó!

B: Đúng vậy! Chúc mừng bạn đã ngộ được một điều rất lý thú.

C: Cũng nhờ các bạn nhắc nhở; buổi nói chuyện này đối với mình thật lợi lạc, cảm ơn các bạn vô cùng! Xin tạm biệt, hẹn gặp lại lần sau!

A & B: Tạm biệt! Tạm biệt! ■



MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

ĐẬU VE XÀO NẤM

Vật Liệu:

1. 1 lb đậu ve
2. 1 lb nấm tươi
3. 1 cup dầu ăn
4. 2 miếng hamburger chay băm nhỏ
5. 2 muống Tbsp hành lá xắt nhỏ
6. 1 muống tsp dầu mè
7. 1 muống Tbsp nước tương (Soy sauce)
8. 2 muống Tbsp nước
9. 1 muống tsp đường



Cách Làm:

Lặt đuôi các đậu ve. Cắt đậu ra từng khúc dài khoảng 3-phân. Rửa đậu sạch và để ra rổ cho ráo nước. Rửa nấm tươi và để ra rổ cho ráo nước. Cho vật liệu số 7, 8 và 9 vào trong một cái chén. Bắc chảo lên, khi chảo nóng cho cup dầu ăn vào. Cho đậu ve, nấm vào chảo và vặn lửa nhỏ lại. Xào khoảng 5 phút thì cho đậu ve và nấm vô rổ để cho ráo dầu. Bắc chảo lên lò lại với 1 muống tsp dầu ăn. Cho 2 miếng hamburger chay băm nhỏ vào và xào lên cho đến khi dòn bên ngoài. Cho đậu ve, nấm và chén có vật liệu 7, 8 và 9 vào chảo. Vặn lửa lớn lên và trộn đều. Cho hành lá đã xắt nhỏ và dầu mè vào. Xào lên khoảng một phút là sẽ có được một đĩa Đậu Ve Xào Nấm thật ngon cho cả gia đình thưởng thức.



Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

"Trích từ trang Nấu Ăn Chay của trang nhà Trung Tâm Thiền Quán Sinh Thức tại <http://www.sinhthuc.org/>".

THAY TIM

Bs. Nguyễn Ý Đức

Ngày 24 tháng 3 năm 2012 vừa qua, tin tức về việc ghép thay tim của cựu Phó Tổng Thống Hoa Kỳ Dick Cheney, 75 tuổi, đã được loan báo rộng rãi trên truyền thông đại chúng. Ông đã trải qua năm lần bị heart attack, nhiều lần đặt stent, by pass và đã đợi 20 tháng để nhận được một trái tim từ một ân nhân vô danh. Thông thường bệnh nhân khác chỉ đợi từ 6-12 tháng. Tình trạng sức khỏe của ông sau khi thay tim được coi như là ổn định và vị bác sĩ thực hiện ghép tim cho hay là Phó Tổng Thống có thể sống ít nhất là trên 10 năm nữa.

Hàng năm tại Hoa Kỳ có gần 2500 người nhận được trái tim nhân đạo trong khi đó còn trên 16,000 người dưới 55 tuổi và khoảng 40,000 người trên 65 tuổi có thể có sức khỏe tốt nếu được thay tim.

Với ghép tim, xác suất thoát khỏi tử vong suy tim là 83% trong năm đầu; 78,9% trong 2 năm kế tiếp; năm thứ ba là 75,4% và năm thứ tư là 71,7%.

Trái tim đầu tiên được thay ở người là vào ngày 3 tháng 12 năm 1967 tại Nam Phi do bác sĩ Christiaan N. Barnard thực hiện. Mặc dù bệnh nhân chỉ sống thêm được 18 ngày, nhưng bác sĩ Barnard đã mở đường cho việc thay tim trị bệnh ở người, vì cho tới thời điểm đó chỉ mới có thử nghiệm thay tim ở súc vật. Ngoài ra ông cũng là người đầu tiên lấy tim từ người hiến tặng mà não bộ mới bị tê liệt brain death trong khi các bộ phận khác còn ít nhiều hoạt động.

Người sống lâu nhất sau thay tim là ông Tony Huesman ở Ohio, thay tim vào tháng 8 năm 1978, ra đi cũng vào tháng 8 năm 2009, kéo dài tuổi thọ được 31 năm. Lập gia đình năm 1997, Ông chết sau một cơn viêm phổi do virus, khiến cho trái tim mới trở nên suy yếu. Bà vợ nói rằng, chồng bà nhận có một trái tim nhưng ông đã mở rộng trái tim gấp 10 lần qua những công việc thiện nguyện của ông.

Điều kiện để được thay tim

Để được thay tim, bệnh nhân phải ở trong giai đoạn cuối của bệnh suy tim với nhiều cơ nguy tử vong trong vòng một năm với giảm trầm trọng khả năng bơm máu của tâm thất trái; điều trị nội khoa và giải phẫu không cải thiện được bệnh tình.

Có ít nhất 2 lý do chính đưa tới suy tim:

- Hủy hoại không trở lại bình thường được của tế bào tim gây ra do bệnh của động mạch vành nuôi dưỡng tim bị tắc nghẽn và bệnh nhân đã nhiều lần bị heart attack; và
- Bệnh của tế bào tim cardiomyopathy mà nguyên nhân có thể là do nhiễm virus, vi khuẩn hoặc do di truyền.

Cả hai bệnh đều làm giảm khả năng bơm máu của tim. Để bù đắp tim dày lớn dần dần và trở nên

suy yếu. Bệnh nhân cảm thấy khó thở, mau mệt dù là làm công việc hết sức nhẹ hoặc khi không làm việc gì; phù nề chân và bụng.

Điều trị nội khoa dùng các loại dược phẩm và các phương thức hỗ trợ tim.

Ngoại khoa có thể là by-pass động mạch vành, thông tim đặt stent hoặc balloon, gọt bớt tim quá to, pacemaker...

Đôi khi thay tim cũng được thực hiện cho bệnh nhân tim do hậu quả của thấp khớp rheumatic fever, cao huyết áp, bất thường ở các van tim, bệnh tim bẩm sinh hoặc các hoàn cảnh hiểm hoi như u bướu tim

Trước khi được thay tim, một toán chuyên viên y tế đủ mọi chuyên môn như tâm lý, nội ngoại khoa, xã hội, vật lý trị liệu, nha sĩ, toán bác sĩ cắt-ghép tim ...sẽ thay phiên gặp bệnh nhân để tìm hiểu về tình trạng sức khỏe từ thể chất tới tinh thần, các thói quen và nếp sống, có khả năng tuân theo các hướng dẫn trước cũng như sau giải phẫu.

Thường thường sau giải phẫu, bệnh nhân phải liên tục dùng nhiều dược phẩm khác nhau trong đó có các loại thuốc ngăn cản hiện tượng cơ thể chống lại trái tim mới được "đăng ký hộ khẩu" do yêu cầu.

Những ai không được thay tim

Một số bệnh nhân không thích hợp để thay tim, nhất là nếu họ lại bị các bệnh khác về sự tuần hoàn không liên quan gì tới trái tim. Những hoàn cảnh sau đây có thể gây ra biến chứng cho việc thay tim:

- Tăng huyết áp phổi cố định với tâm thất phải lớn;
- Đang bị các bệnh mãn tính trầm trọng;
- Tổn thương trầm trọng các bộ phận sinh tử như thận, gan, phổi, ruột hoặc hệ thần kinh trung ương;
- Ung thư mới hoặc không kiểm soát được;
- Cao huyết áp không được ổn định;
- Không đủ cương quyết ngưng lạm dụng rượu, thuốc cấm;
- Rối loạn tâm thần, không ý thức tuân theo hướng dẫn, điều trị;
- Từ 70 tuổi trở lên, tùy theo từng trung tâm tim mạch;
- Quá mập phì;



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

- Đang bị bệnh tiểu đường loại II phụ thuộc vào insulin kèm theo rối loạn các cơ quan khác

Sửa soạn ghép tim

Có 5 giai đoạn để thực hiện ghép tim

Một toán các nhà chuyên môn y tế sẽ làm những điều sau đây:

- Tìm hiểu coi bệnh nhân có đủ sức khỏe để nhận trái tim mới
- Tìm hiểu coi xem bệnh tim có đủ suy nhược đến nỗi phải cần một trái tim khác
- Sửa soạn trước để giải phẫu. Sửa soạn này kéo dài khá lâu và cũng bảo đảm rằng một trái tim sẽ được tìm ra;
- Thực hiện cuộc giải phẫu thay tim;
- Giúp bệnh nhân sống khỏe mạnh với trái tim mới sau giải phẫu

Việc thay tim coi bộ cũng khá giản dị.

Khi có một trái tim thích hợp với mình thì một điều dưỡng viên sẽ triệu mình tới bệnh viện. Toán bác sĩ giải phẫu sẽ xem xét trái tim hiến tặng coi xem tình trạng ra sao, có tốt không, trong khi đó bệnh nhân được đưa vào phòng mổ để sửa soạn. Bệnh nhân được cho uống/chích các thuốc để cơ thể không chống bỏ tim mới. Nếu tim cho thích hợp thì phẫu thuật bắt đầu.

Mấy xương sườn được cắt, lồng ngực được mở ra, tim cũ lấy đi, tim mới đã được cắt xén gọn ghẽ sao cho vừa khít với tim bệnh sẽ được khâu vào. Diễn tiến kéo dài từ 7-12 giờ, bệnh nhân được đưa về phòng hồi sinh để theo dõi.

Thời gian nằm bệnh viện sau giải phẫu tùy theo tuổi tác, tình trạng sức khỏe của mình, tùy theo trái tim mới hoạt động ra sao và cũng tùy theo khả năng học hỏi cách thức sau giải phẫu. Trung bình từ 7-16 ngày.

Sau giải phẫu, bệnh nhân cần trở lại bệnh viện để được theo dõi trong vài tháng, riêng tháng đầu thì cần tái khám mỗi tuần sau khi xuất viện. Lý do là giải phẫu có thể có những biến chứng không lường trước được. Do đó bệnh nhân nên thu xếp chỗ ở gần với trung tâm thay ghép tim. Hiện nay có khoảng 160 trung tâm thay tim rải rác trên nước Mỹ.

Quyết định thay tim cần được cân nhắc kỹ càng vì:

- Đây là một đại giải phẫu với nhiều rủi ro và biến chứng mà các nhà chuyên môn sẽ giải thích cặn kẽ rõ ràng cho bệnh nhân.
- Sau giải phẫu, bệnh nhân phải hiểu rõ và tuyệt đối áp dụng các hướng dẫn về tự chăm sóc, về chế độ dinh dưỡng, dùng dược phẩm, tập luyện cơ thể, thay đổi lối sống trong suốt cuộc đời còn lại. Trong vài tháng sau giải phẫu cần giữ hẹn tái khám để được theo dõi tình trạng trái tim mới hoạt động ra sao, có bị ảnh hưởng bởi hiện tượng chối bỏ mà các nhà chuyên môn có thể khám phá ra.

Nhắc lại là dược phẩm chính là loại có tác dụng ngăn ngừa cơ thể bệnh nhân phản ứng từ chối trái tim mới được ghép. Dược phẩm này có nhiều tác dụng phụ đôi khi rất khó chịu như giảm khả năng chống bệnh nhiễm, tăng huyết áp, cao áp xuất mắt, cao cholesterol hoặc loãng xương vì thất thoát calci, nhưng lại tối cần thiết. Đó là các thuốc Cyclosporin, Prograf, Prednisone, Immuran or Cellcept. Cyclosporin do mấy loại nấm sản xuất được tìm ra vào năm 1982. Trước khi tìm ra thuốc này, các cuộc ghép đều không mấy thành công vì cơ thể một mực từ chối, hủy hoại bộ phận được ghép.

Sự từ chối này là một khả năng đặc biệt của cơ thể để chống lại bất cứ vật lạ nào xâm nhập cơ thể như các tác nhân gây bệnh vi khuẩn, virus, tế bào lạ. Khả năng này do hệ miễn nhiễm của cơ thể chịu trách nhiệm. Không có khả năng này thì tính mạng con người sẽ mong manh như trứng để đầu đăng. Điều đáng tiếc là khả năng này không phân biệt được vật mới xâm nhập là thù (vi khuẩn...) hay bạn (trái tim nhân đạo), cho nên cứ thấy lạ là nó chống cự hủy hoại. Thuốc chống từ chối có mục đích ngăn sự reject này.

Kết luận

Sự tiến bộ của y khoa học thực là quá sức tưởng tượng.

Từ nguyên thủy loài người, khi thương yêu nhau thì người ta trao tặng trái tim, trái tim tinh thần chứa đựng tình cảm thương yêu.

Ngày nay, vì lòng nhân đạo bác ái, người ta tặng cho nhau một trái tim thật, trái tim còn nóng hổi với nhịp đập mang nặng tình người. Thật là một nghĩa cử cao quý, như ý kiến của bác sĩ Barnard "Thực là hữu ích hơn khi chuyển ghép một trái tim thay vì chôn sâu nó dưới lòng đất làm mồ cho sâu bọ".

Nói về bệnh nhân thay tim đầu tiên của mình, ông còn có nhận xét "Với một người sắp chết, quyết định trở thành người đầu tiên được thay tim ở trên thế giới không phải là quyết định khó khăn vì người đó biết mình ở đường cùng. Nếu có một con sư tử rượt đuổi ta tới bờ một dòng sông lúc nhúc những cá sấu, ta vẫn lao mình xuống sông với hy vọng bơi sang bờ bên kia. Nhưng ta sẽ không chấp nhận hoàn cảnh đó nếu không có con sư tử".

Và xin kết luận bài viết với câu chuyện vui do danh hài TV Jay Leno kể "Một cư dân Do Thái được chuyển ghép trái tim của một người Palestinian. Anh ta bình phục hoàn toàn, chỉ có một điều là anh ta luôn luôn tự ném đá vào mình".

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Texas-Hoa Kỳ

www.bsnguyenyduc.com



TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

LÒNG THƯƠNG YÊU SỰ SỐNG

Người dịch: **HT. THÍCH TRÍ CHƠN**

Nguyên tác: THE LOVE of LIFE by **G. B. TALOVICH**



Phật Cắt Thịt Mình Thế Thịt Chim Bồ Câu

Trời quang mây tạnh, ánh dương chiều khắp, cảnh sắc tươi vui. Đức Phật trên đường đi vào rừng bỗng gặp thấy một con chim ưng to lớn đang đuổi theo một con chim bồ câu. Nhận biết chim ưng đang

sà xuống để chụp bắt mình, chim bồ câu gặp Đức Phật, nó bay nhanh tới đậu bên cạnh Ngài để lánh nạn. Đức Phật liền bảo vệ che chở cho nó khỏi bị chim ưng tấn công.

Chim ưng bèn xếp cánh đáp xuống đậu ở một cành cây và nói: "Ngài thương muốn cứu sống bồ câu, chẳng lẽ để cho tôi chết đói. Như vậy là Ngài không tốt."

"Người cần gì để no lòng, ta sẵn sàng cung cấp cho người," Đức Phật từ bi hỏi.

Chim ưng liền đáp: "Tôi muốn ăn thịt."

Đức Phật liền rút ra một con dao, thản nhiên cắt thịt nơi cánh tay của mình. Ngài trao thịt cho chim ưng. Nhưng chim ưng chê ít không bằng thịt bồ câu. Do đó, Đức Phật lại xẻo thêm thịt nơi cánh tay của Ngài, nhưng khi Ngài cắt tận đến xương thì không còn thịt nữa. Cuối cùng Ngài phải cắt hết tất cả thịt nơi cánh tay của Ngài nhưng vẫn không làm sao cân đủ nặng bằng thịt bồ câu.

Chim ưng hỏi Đức Phật: "Ngài có hối tiếc khi cắt thịt hủy hoại cánh tay của Ngài không?"

Đức Phật trả lời: "Ta không có một chút gì hối hận vì hạnh nguyện của Ta là cứu độ tất cả mọi chúng sanh thì một ít thịt nơi cánh tay ta có gì là đáng tiếc?"

Chim ưng nhạo báng tỏ bày: "Ngài nói nghe đạo đức quá mà không biết có thực tâm không"

Đức Phật liền đáp: "Nếu lời nói này của ta xuất phát từ lòng chí thành thì mong thịt cắt khỏi cánh tay ta sẽ liền lại như trước".

Đức Phật phát lời thề nguyện vừa xong, thịt cánh tay Ngài tức thời lành dính lại như cũ.

Chim ưng thấy vậy liền bay vút lên không và hiện nguyên hình là vị Đế Thích (Vua Cõi Trời). Đế Thích nghe thiên hạ bảo rằng Đức Phật luôn có lòng thương bao la cứu giúp chúng sanh cho nên Ngài hóa làm chim ưng xuống trần gian gặp để thử Đức Thế Tôn.

Chim ưng hướng về Đức Phật đành lễ với tâm thành cung kính; miệng không hết lời tán thán lòng từ bi vô lượng của Ngài rồi bay đi.

Hàng nghìn năm qua, mọi người ai cũng biết sự tích Đức Phật xưa kia đã từng hy sinh chặt đứt cánh tay của mình để cứu sống con chim bồ câu.

An Arm For A Life

It was a clear, sunny day. The weather was beautiful. The Buddha was walking through a forest when he saw a huge eagle chasing a dove. Just as the eagle was about to swoop down and catch it, the dove spotted the Buddha and went to his side for safety. The Buddha protected it from the eagle.

The eagle perched on a nearby branch and said, "You can save the dove, but that means you're starving me. You're really mean."

The Buddha kindly said, "Tell me what you want to eat, and I'll get it for you."

The eagle replied, "I eat meat."

The Buddha took out a knife and cut a piece of meat from the flesh of his own arm. He gave it to the eagle, but the eagle complained, "There's more meat on a dove than that," so the Buddha sliced off another piece from his arm, but he was getting down to the bone where there's not much meat. Finally he had cut all the meat off his arm, but there still wasn't as much as the weight of the dove.

The eagle asked the Buddha, "Are you sorry you've ruined your own arm?"

The Buddha answered, "I am not in the least bit sorry. My mission is to save all living things. What difference does a bit of flesh off my arm make?"

The eagle sneered, "You're just saying that to sound good."

The Buddha said, "If my words are the sincere truth, may my arm grow back as good as new." When the Buddha made this oath, the flesh on his arm did grow back, just like new.

When the eagle saw this, he flew up into the sky and revealed his true shape: he was the Emperor of Heaven! He had heard that the Buddha was kind, so he had come to test him. He showed his deepest respect to the Buddha and then flew away, singing great praises for the Buddha's mercy.

Before long, everyone knew that the Buddha had cut away his own arm in order to save a dove.

TÍN TÂM VUN XÔI PHƯỚC ĐIỀN PHÁT HUY NGUYỆN LỰC VÔ BIÊN QUẢ LÀNH

Tịnh Minh soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Tương truyền rằng Minh Nguyệt (Visàkhà) là một nữ đại thí chủ đối với Đức Thế Tôn và Tăng đoàn. Bà thâm tín chư Phật, suốt đời toàn tâm tận lực vun xới phước điền bằng cách chăm lo ẩm thực, cung cấp y phục, xây dựng phòng xá và phục vụ thuốc thang cho Tăng chúng. Bà phụng sự Tam bảo với tâm hồn rộng rang, thanh tịnh, hồn nhiên và vô ngại.

Một đêm rằm tháng tư, nhân lúc dự lễ khánh thành một tu viện, thấy công đức xây dựng của mình được thành tựu viên mãn, nhất là niềm vui được thể hiện qua từng bước thiền hành của Đức Thế Tôn và đại chúng vòng quanh chánh điện, bà cùng con cháu chấp tay chánh niệm theo sau chúng Tăng. Bỗng dưng bà thầm nghĩ: "Thế là tâm nguyện bấy lâu của ta nay được thành tựu." Bằng ngữ điệu uyển chuyển ngọt ngào, bà cất lời tán thán:

*Bao năm tứ sự cúng dường,
Hộ trì Tam bảo tuyên dương
pháp mầu,
Thiền môn lộng ánh trắng sao,
Nghe trong cây cỏ dạt dào tình
quê.*

Nghe âm thanh luyến láy mượt mà của bà, các sư lấy làm ngạc nhiên, hỏi Phật:

"Bạch Thế Tôn, chúng con chưa bao giờ nghe Minh Nguyệt hát. Thế mà hôm nay thấy bà cùng con cháu hân hoan ca khúc khải hoàn vòng quanh tu viện. Phải chăng bà ấy lên cơn tâm thần hay có điều uẩn khúc trong lòng?"

"Này các thầy Tỳ-kheo," Thế Tôn đáp, "tín nữ đâu có hát. Chỉ vì tâm nguyện xây chùa được thành tựu nên phần khởi reo lên thành lời đầy thôi."

"Nhưng... bạch Thế Tôn, Minh Nguyệt phát nguyện xây chùa hồi nào?"

"Các thầy muốn biết sao?"
"Vâng ạ, bạch Thế Tôn!"

"Vậy thì hãy lắng nghe, này các thầy Tỳ-kheo."

* * *

Thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, có một Đức Phật hiệu là Pa-đư-mút-ta-ra (Padumuttara) xuất hiện tại thành Ham-xa-va-ti (Hamsavati). Cha của Ngài là Xu-nan-đa (Sunanda) và mẹ Ngài là Xu-ja-ta Đê-vi (Sujàtā Devi). Bấy giờ có một tín nữ chăm lo tứ sự cúng dường cho đấng Đạo Sư. Bà có người bạn thân thường cùng nhau đến chùa lễ Phật, nghe pháp. Thấy bà tiếp xúc thân thiện và được Đạo Sư quý mến, bà bạn tự nhiên thắc mắc trong lòng: "Vì sao phụ nữ được chư Phật ưu ái như thế?"

Một hôm, để giải tỏa nghi vấn, bà mạnh dạn lên tiếng:

"Kính bạch Đạo Sư, con có chút vướng kết, xin Đạo Sư từ bi hỷ xả tháo gỡ cho. Thú thiệt, người phụ nữ này quan hệ thế nào với Ngài?"

"Cô ấy là ân nhân, là nữ đại thí chủ của ta."

"Đạo Sư, vì sao phụ nữ

thường là ân nhân của chư Phật?"

"Vì nguyện lực thiết tha của họ."

"Đạo Sư, liệu một phụ nữ có thể trở thành ân nhân bằng nguyện lực như thế ngay trong lúc này?"

"Dĩ nhiên!"

"Thế thì, bạch Đạo Sư, con xin cúng dường vật thực cho hàng ngàn Sa-môn trong bảy ngày."

"Lành thay! Lành thay!"

Suốt bảy ngày, bà tịnh tâm cúng dường thức ăn, nước uống cho Tăng đoàn. Đến ngày thứ bảy, bà gieo người đánh lễ dưới chân Đạo Sư và tỏ lời thiết tha phát nguyện:

"Kính bạch Đạo Sư, con cúng dường lễ vật không phải vì phước báo chư thiên mà chỉ nguyện được chút phước điền trong tay Phật tổ như Đạo Sư vậy. Ước sao con là mẫu thân của một Đức Phật tương lai. Con là tín nữ trung kiên hàng đầu tận tâm cung hiến y phục, vật thực, phòng xá, thuốc thang cho Đức Phật đó."

Bỗng dưng một ý nghĩ chợt đến với Đức Đạo Sư: "Liệu ước nguyện thiết tha như vậy có được



thành tựu?” Và sau một thoáng quán chiếu tương lai, Ngài nói:

“Ngàn vạn kiếp sau sẽ có Đức Phật hiệu Gò-ta-ma (Gotama) ra đời. Lúc đó cô là một nữ cư sĩ chánh tín Tam bảo, tên là Minh Nguyệt. Cô sẽ có dịp trang trải công đức, thiết lập phước điền nơi tay Thế Tôn. Cô sẽ là mẫu thân của Ngài. Cô sẽ là tín nữ hàng đầu nguyện dâng tứ sự cúng dường cho Ngài.”

Và tất nhiên là ước vọng của bà sẽ được thành tựu viên mãn. Bà qua đời, tái sinh vào thế giới chư thiên. Đến khi mãn phần thoát kiếp, bà lại được đầu thai dưới danh hiệu công chúa thứ bảy, út nhất nhưng cũng được cưng chiều nhất của quốc vương Ka-xi (Kàsi), nhằm thời Đức Phật Ca-diếp (Kassapa). Lớn lên, bà được phụ hoàng và mẫu hậu xây dựng gia thất, theo chồng lập nghiệp, và cũng suốt đời lễ Phật, công quả, cúng dường Tam bảo với các chị em khác trong gia đình.

Một hôm, bà đánh lễ Đức Ca-diếp và phát lời thệ nguyện:

“Kính bạch Tôn Sư, ước sao con là mẫu thân của một Đức Phật tương lai như Tôn Sư vậy. Con là tín nữ trung kiên hàng đầu nguyện dâng tứ sự cúng dường cho Đức Phật đó.”

Và sau khi hoàn tất hạnh nguyện một đời, bà lại được hóa kiếp thành ái nữ của lão gia tỳ phú Đa-nan-ja-da (Dhananjaya). Thế là những chuỗi ngày vun bồi phước huệ, thanh tẩy thân tâm, thân cận thiện hữu lại tiếp tục gắn liền với bà.

* * *

“Vậy đó, này các thầy Tỳ-kheo, Thế Tôn lập lại, tín nữ đầu có hát. Chỉ vì tâm nguyện viên thành nên lòng mừng reo lên thành lời đầy thoi.”

Rồi Đức Phật kết luận:

“Này các thầy Tỳ-kheo, từ nhiều loại hoa khác nhau, người làm hoa gom chúng thành từng đồng, rồi kết chúng thành từng tràng, tạo thành những vòng hoa rực rỡ sắc màu, đậm đà hương vị. Tâm trí của Minh Nguyệt cũng vậy: nhiều kiếp huân tu, tận lực công quả.”

Ngài mỉm cười, đọc kệ:

Nhiều tràng hoa được kết,
Từ những đóa hoa tươi,
Thân sanh diệt kiếp người,
Phải làm nhiều việc thiện.
(PC. 53)

thơ

YÊN CHI

Thu xưa

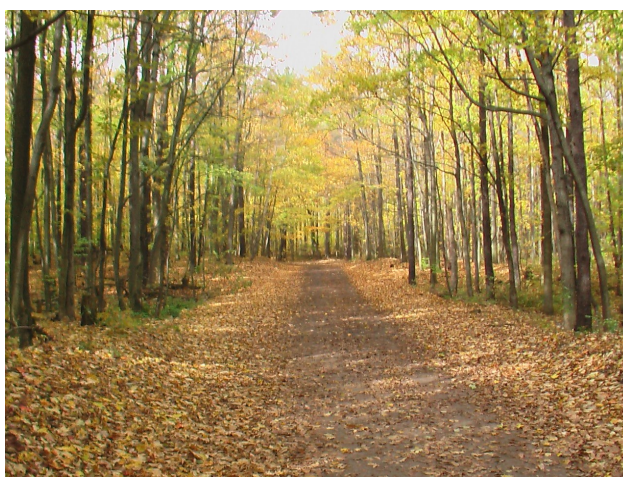
xác lá nằm im trải lối
ta mơ áo lụa thoáng qua
vàng phai ủ màu gian dối
nghe ngời đời hứng bụi mưa sa

thu xưa em thấp màu nắng
ta . sáng một chỗ lạ lòng
dài tay đơm vàng mây trắng
đắp sông mọc nhánh tương phùng

thu xưa em về theo gió
thổi . ta ngiệt ngã vòng quay
rừng phong muôn ngàn lá đỏ
đắp bồi đủ khoảng tình vay

thu xưa cúc vàng quanh ngõ
yêu em lẫn vẩn kiếm tìm
ta rơi . ơi... đôi mắt nhỏ
cuồng cuồng đảo lộn vách tim

ta . rũ mục tội tình lá
vết buồn gieo rắc bụi mưa
đời tình nhân đời vàng đá
trăm năm một bóng thu xưa?



DHARMA FOR CHILDREN

PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

Biên soạn và chuyển ngữ: **Tâm Minh Ngô Tằng Giao**



5

BUDDHIST STORIES

CHUYỆN PHẬT GIÁO

The Snake's Head and Tail

DO NOT FIGHT WITH EACH OTHER

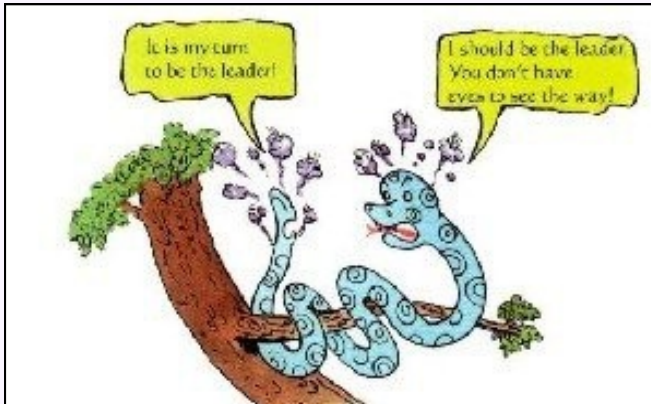
The snake's tail had a fight with its head. The tail said, "You have led me for so long. Now it's time for me to lead you."

The head said, "I should be the leader. I have eyes and a mouth."

The tail said, "You need me to move. Without me, you can't go anywhere." Then the tail grabbed a tree branch and would not let go.

The snake's head gave up and let the tail be the leader. The head did not want to help the tail. The tail could not see where it was going. Then, it fell into a fire pit. The snake was burnt to death.

It hurts both sides when you quarrel.



It is my turn to be the leader! Đến lượt tôi là người lãnh đạo!)

(I should be the leader. You don't have eyes to see the way! Tôi nên là người chỉ huy. Bạn không có mắt để nhìn thấy đường!)

Đầu và đuôi rắn

KHÔNG ĐƯỢC ĐÁNH NHAU

Đuôi con rắn đấu tranh với cái đầu rắn. Cái đầu nói, "Bạn đã dẫn tôi đi lâu quá rồi. Giờ đây là lúc tôi sẽ dẫn bạn đi."

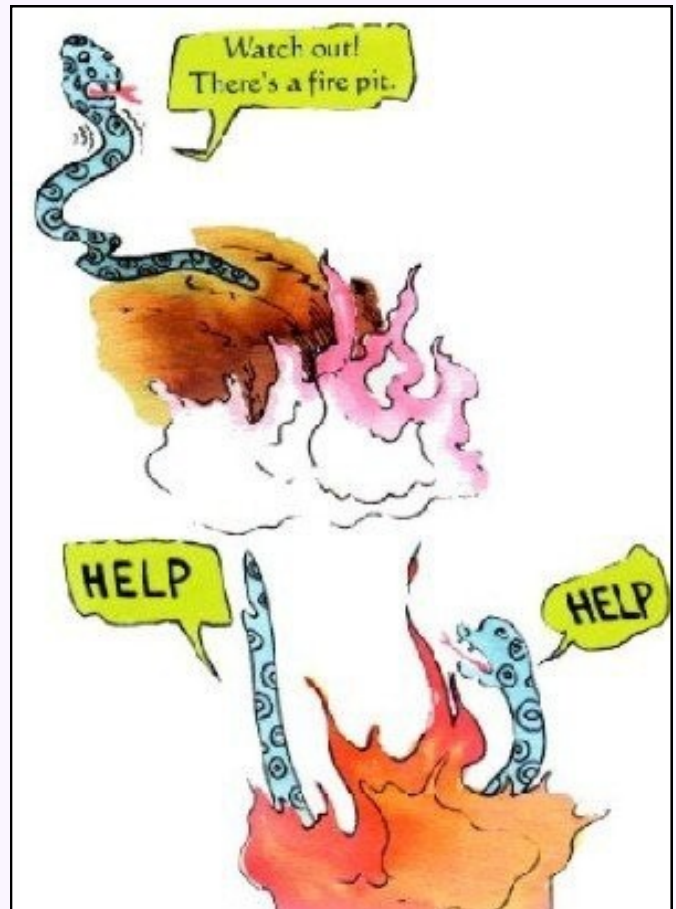
Đầu nói, "Tôi xứng đáng là người chỉ huy. Tôi có cặp mắt và một cái miệng."

Đuôi nói, "Bạn cần tôi để di chuyển. Không có tôi, bạn không thể đi đâu được." Rồi cái đuôi bám vào một cành cây và không đi nữa.

Cái đầu rắn chịu thua và để cho đuôi rắn làm người lãnh đạo.

Cái đầu không muốn giúp đỡ cái đuôi. Cái đuôi không nhìn thấy nơi chốn nào để đi. Rồi nó rơi vào một cái hầm lửa. Rắn bị cháy thiêu đến chết.

Cả hai bên đều bị tổn hại khi các em cãi lộn nhau.



(Watch out! There's a fire pit! Coi chừng! Có một hầm lửa!)

(Help! Help! Cứu tôi! Cứu tôi!)

The Cleaning Woman CLEAN MIND

A woman worked very hard cleaning the streets. As her clothes were dirty and smelly, all the people ran away from her when they saw her.

When the Buddha talked to her nicely, the people were surprised. They asked the Buddha, "You always ask us to be clean. Why are you talking to this smelly woman?"

The Buddha replied, "Although this woman is smelly, her mind is clean. She is polite and she works hard for others. Some people look clean and tidy, but their minds are full of bad thoughts!"

Having a clean mind is more important than wearing clean clothes.



*(Run! Run! She really smells!
Chạy đi! Chạy đi! Bà ấy ngửi thật hôi hám!)*

Người đàn bà dọn vệ sinh TÂM HỒN TRONG SẠCH

Một người đàn bà làm việc rất chăm chỉ khi quét sạch các đường phố. Vì quần áo của bà ta bẩn thỉu và hôi hám, tất cả mọi người đều chạy đi xa bà khi họ trông thấy bà.

Khi Đức Phật nói chuyện với bà một cách vui vẻ, người ta thấy ngạc nhiên. Họ hỏi Đức Phật, "Ngài luôn yêu cầu chúng con phải sạch sẽ. Tại sao Ngài lại nói chuyện với người đàn bà hôi hám này?"

Đức Phật trả lời, "Mặc dù người đàn bà này hôi hám, tâm hồn bà ta thời trong sạch. Bà ta lễ phép và bà làm việc cực nhọc cho những người khác. Nhiều người trông sạch sẽ và gọn gàng, nhưng tâm hồn của họ lại đầy ắp những tư tưởng xấu!"

Có một tâm hồn trong sạch thời quan trọng hơn ăn mặc quần áo sạch sẽ.



(Keep your mind clean, just like the woman who keeps the streets clean for you! Hãy giữ cho tâm hồn của các con trong sạch, như là người đàn bà giữ các đường phố sạch sẽ cho các con!)

(to be continued...)



DHAMMAPADA

Verse 19: Though he recites much the Sacred Texts (Tipitaka), but is negligent and does not practise according to the Dhamma, like a cowherd who counts the cattle of others, he has no share in the benefits of the life of a bhikkhu (i.e., Magga-phala).

Verse 20: Though he recites only a little of the Sacred Texts (Tipitaka), but practises according to the Dhamma, eradicating passion, ill will and ignorance, clearly comprehending the Dhamma, with his mind freed from moral defilements and no longer clinging to this world or to the next, he shares the benefits of the life of a bhikkhu (i.e., Magga-phala).

Đư chấn của Trái Tim

SHEN SHI'AN

Thánh Thủy dịch (the Buddhist Translation Group)

Singapore – Phim “Aftershock” (Đư Chấn) thuật lại trận động đất lớn nhất năm 1976 tại Tangshan với hơn 240 ngàn người thiệt mạng, nhưng cho dù là phim tài liệu, nó không mang thể thức truyền thống của một phim về thảm họa tai nạn. Nó chú trọng hơn vào những tình cảm bi ái xảy ra cho một gia đình sau đó—những thảm kịch đau thương mà nạn nhân sống sót phải gánh chịu cảnh gia đình ly tán mất mát, nhưng cuối cùng được may mắn sum họp với nhau. Toàn những tình huống làm người xem phải rơi nước mắt rất nhiều lần.

Một thiếu phụ, vừa đang mang nỗi khổ mất chồng trong thiên tai động đất, vừa phải quyết định vấn đề nan giải nhất trong đời - làm sao cứu mạng một trong hai đứa con của mình còn đang bị kẹt ở hai đầu một tầng xi măng khổng lồ - nếu nhích tầng xi măng lên để cứu đứa này, thì đứa bên kia sẽ bị đè bẹp. Phải hy sinh một trong hai.

Một nỗi khổ tâm gần như chuyện giải quyết một công án thiền—nên nuốt trứng cục than lửa đỏ hay phun nó ra, đằng nào cũng bị phỏng hay chết cháy. Nan giải khó khăn nhưng vẫn phải quyết định nhanh chóng vì không thể lãng phí một phút giây nào trong trường hợp quá khẩn cấp này, người thiếu phụ đau lòng chọn cứu mạng đứa con trai. Trong khi đó đứa con gái bà nghĩ đã phải hy sinh, sau bao ngày bị chôn vùi vẫn còn thoi thóp sống như có một phép lạ. Cô ta bừng tỉnh lại và kêu cứu, bên cạnh cô là xác chết của người cha, còn mẹ và em cô thì không tìm thấy đâu cả. Cô cũng nhớ là đã nghe lóm được quyết định của mẹ cô trong lúc còn đang nửa tỉnh nửa mê. Mẹ cô thì không hề hay biết con gái mình đã sống sót.

Nghĩ rằng mình không được

mẹ thương yêu, cô con gái chọn cách chôn vùi nỗi đau trong trái tim cô suốt 32 năm. Khi được hai vợ chồng họ triệu mến nhận làm con nuôi, cô ta giả vờ như không nhớ gì cả về trận động đất và nỗi đau của cô, cho dù thật sự cô không tài nào quên nó được. Khi lớn lên, cha mẹ nuôi của cô cũng khuyến khích cô đi tìm tông tích mẹ ruột và em trai, nhưng cô cứ làm lơ không đá động đến. Chỉ vì cô bị ám ảnh bởi ý định của người mẹ trong lúc bấn loạn đã chọn cứu đứa con trai, tức theo cô tưởng tượng, mẹ không thương cô, chỉ thương em cô mà thôi. Trong khi đó cô nào biết người thiếu phụ trẻ, mẹ của cô suốt cuộc đời còn lại sau đó, bà bị dằn vặt đau khổ khôn nguôi bởi sự chọn lựa tối quan trọng trong đời bà: bà nghĩ bà mang đầy tội lỗi vì đã hy sinh mạng sống của đứa con gái yêu quý của mình.

Chỉ vì những lầm tưởng thật to tát của cả hai bên, mà suốt ba thập niên dài, cả hai mẹ con đều chịu đau khổ một cách thật là vô ích. Câu chuyện này nhắc nhở mọi người phải luôn thông hiểu nhau - đàm phán thẳng thắn từ trái tim, chuyện trò thân mật không giấu diếm che đậy là một thiết yếu cho bất kỳ một mối quan hệ nào, dù lớn dù nhỏ. Đứa con gái khẳng khái giữ vững lập trường sai lầm của mình về tình thương của mẹ. Cho đến một hôm cô chứng kiến một bà mẹ vô cùng đau khổ phải chọn lựa của chân con bà để cứu mạng sống của nó trong một trận động đất khác. Vì nếu động đến phần chân bị kẹt của nó sẽ làm cho tòa nhà sụp hẳn xuống, cô và vô số người khác sẽ chết. Đôi khi, mình không còn một chọn lựa nào khác hơn nữa... ngoài sự chọn lựa hy sinh đó... bằng không một giải quyết khác sẽ mang hậu quả tàn nhẫn

hơn thế đến cho nhiều người.

Người thiếu phụ trẻ góa chồng mất con, không còn tha thiết việc tái giá, vì bà nghĩ sẽ không có một người đàn ông nào xứng đáng hơn chồng bà, chính ông đã hy sinh tánh mạng của mình để cứu bà. Nhưng thật ra trong cái nghịch lý đó, chính bà đã chấp nhận làm hòa với những chắt chiu của cuộc sống. Có cái gì thật sự là của ta không? Căn nhà có bền vững bảo vệ ta mãi không? Tình yêu hạnh phúc có tồn tại mãi được không? Tất cả đều vô thường: con người, tình cảm, sự vật... tất cả đều có thể tan vỡ chỉ sau một trận địa chấn mà thôi. Vậy ta phải nên cột buộc vào một nơi nương tựa vững chãi của tâm linh thì hơn. Tôi thì tôi chọn nương vào Tam Bảo: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Còn quý vị thì sao?

Trong một đoạn phim khác, người con trai giờ đã trưởng thành, đang cùng các bạn đồng nghiệp làm việc trong một văn phòng, thì bất chợt tòa nhà rung chuyển, đổ đặc rơi ngổn ngang. Anh ta bảo với mọi người chẳng cần di tản vì chỉ là một cơn địa chấn nhỏ xíu, nhưng cho dù có lớn mạnh đi nữa trốn chạy cũng chẳng kịp. Như thế có quá bi quan không? Hay giả sử đó là một trận động đất loại trung bình. Làm sao biết được mình có may mắn sống sót không, chỉ khi nào nó qua rồi, hoặc giả đã quá muộn. Theo tôi, tôi sẽ làm gì ư? Tôi sẽ chuyển chú niệm Phật để giữ tâm thanh tịnh, bình tĩnh, và để đối phó bằng cách nào thích hợp nhất. Lại chọn lựa! Thêm nhiều chọn lựa nữa!

Đôi lúc tôi thầm suy nghĩ tôi sẽ phải làm sao nếu tôi chính là người thiếu phụ trẻ đó trước sự chọn lựa khó khăn nhất của đoạn đầu trong phim. Thật vô cùng khó để mà chọn lựa... vì dĩ nhiên người mẹ đó yêu thương cả hai đứa con mình đồng đều. Cầu nguyện, chí thành cầu chư Phật chư Bồ Tát gia hộ... Hay là thấy một đồng xu lên rồi chọn mặt trái hay mặt phải, nhưng đứa nào mặt trái, đứa nào mặt phải đây? Oh là la! Vẫn phải chọn thôi, cái khổ là ở đó, cái gánh nặng triền miên của chúng ta. Vì thế, ta luôn phải siêng năng tu tập, phát triển từ bi và trí tuệ hằng ngày



TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

hằng phút trong cuộc sống, để có thể chọn lựa chín chắn lúc cần thiết.

Ca khúc cuối phim là một biểu hiện dẫn xuất từ bài Bát Nhã Tâm Kinh. Lời kinh nguyện cầu siêu sanh cho quá nhiều những vong linh xấu số, và cũng cầu an lành cho những nạn nhân sống sót đang khổ đau bởi mất mát, thương tâm. Tiếng nhạc mang lại một niềm an ủi nhỏ nhoi xoa dịu phần nào nỗi đau; lời ca nhắc nhở tánh không của vạn vật vô thường, đổi thay từng sát-na. Vùng Tangshan bây giờ cũng đã được trùng tu thành một thị trấn hiện đại, người thân đã mất cũng chẳng thật sự tan biến vào quên lãng muôn đời.

Aftershock' of the Human Heart

Singapore -- Though 'Aftershock' retells the terrible tragedy of the 1976 Tangshan earthquake which killed 240,000, it is not a typical disaster movie. Its focus is on its tear-jerking aftermath – of the subtle yet sure spiritual aftershocks, of how it tore one family apart, before reuniting them.

Bereaved of her husband, a mother faced the dilemma of whether to rescue her young son or daughter – both of whom were twins trapped under the opposite ends of the same slab of concrete – in a manner such that to tip one end is to crush the other.

The turmoil in deciding is reminiscent of trying to solve an 'impossible' koan (Zen 'riddle'), trying to swallow a red-hot iron ball, that is just as difficult to spit

out. Torn but forced to choose due to the race against time, the mother painfully asked for her son to be saved. Unbeknownst to her, the daughter heard her decision, and miraculously survived – waking up beside her father's body, with her mother and brother nowhere in sight among the chaos.

Imagining herself to be unwanted, the daughter chose to hide her broken heart alone for 32 years. Even when adopted by a loving couple, she pretended not to remember her sorrow, though she could not forget it. Her new parents even urged her to search for her family, but she decided against it. Perhaps, as hinted, it was due to the little acts of what seemed like favouritism her mother did for her brother, which made her doubt her mother's love for her. Unbeknownst to the daughter too, her mother suffered from overwhelming guilt over the years, for thinking she sacrificed the life of her daughter.

A serious case of misunderstanding indeed, that led to three decades of needless heartache on both sides. This strongly reminded me of how open-hearted communication is the lifeblood of any relationship. The daughter's wrong assumption was clung to till she put herself in the shoes of her mother while witnessing another mother needing to make the heart-wrenching decision to amputate her daughter's leg to rescue her in another earthquake, so as to prevent the remnants of a building from collapsing to bury more. Sometimes, we have no choice but to choose... a way out, that is almost as devastating as the alternative.

Despite being widowed for so many years, the mother felt that there will never be another man, who is able to sacrifice his life for her like her late husband did. Yet, paradoxically, she seemed to have made 'peace' with this attachment. Who or what do we take refuge in? Is any house truly stable? Is any worldly love truly lasting? So fragile the world is, with its people too. So easily can it all shatter in a sudden quake.

So important is it that we ought to have an unshakable spiritual anchor. I choose the Threefold Refuge in the invincible Triple Gem. What about you?

In a scene with fatalistic humour, the grown-up son and his staff were experiencing slight tremors in his company office when he remarks that there is no need to flee due to a minor quake, and that if it is major, it would be useless trying to flee. Sounds pretty pessimistic! What if it turned out to be a medium quake? One wouldn't know if one had any chance of surviving till it's over or too late? What would I do? I would nianfo (recite Amitabha Buddha's name) mindfully to remain calm and clear, while accessing the best course of action. Decisions! Decisions!

What would I do, I wonder, if I were the mother caught in the situation that started the story? I wouldn't know how to decide who to save... assuming that I truly have equanimous love towards the two children. I would probably pray fervently to the Buddhas and Bodhisattvas for a clue as to what to do. If time is ticking too quickly away, I might even flip a coin to decide. Call it frivolous if you will, but after praying hard, would it not become a desperate but divine lot of sorts? But how to decide who is heads and who is tails? The burden of choice is always ours. May we then, diligently cultivate greater compassion and wisdom from moment to moment, so as to make the best of decisions from moment to moment.

The exit song for the film is a rendering of the Heart Sutra. A prayer of blessing for the many deceased and the still grieving survivors, as it offers soothing solace, reminding us that even life and death is ultimately empty of substantiality, as all is but constant transformation. Just as Tangshan is now reborn into a modern city, even lost loves are never really gone forever.

SOURCE:

www.buddhistchannel.tv/index.php?id=12,9361,0,0,1,0

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Bóng nhỏ chiều thu

Lam Khê

Mưa rả rích suốt cả buổi chiều. Trời đã vào thu. Cơn mưa tháng bảy dịu dặt âm u phả lên bầu trời một màu khói mây lãnh đặng. Sân chùa yên vắng. Mấy chú chim sâu thường ngày hót vang inh ỏi, lúc này cũng run rẩy nép mình dưới tán cây cao. Tôi ngồi trực phòng khách không biết làm gì hơn là ngắm mưa rơi và ngâm nga mấy bài thơ kệ. Mưa gió thế này thì chẳng ai đến chùa làm gì.

Chiếc Atila vừa chạy vào sân. Nhìn thoáng qua, tôi nhận ra ngay dáng vóc nhỏ nhắn quen thuộc của chị. Quả là một nữ Phật tử thuần thành. Chị đến chùa vào mỗi chiều tan tầm, bất kể mưa to gió lớn, nước dâng ngập đường. Sư huynh tôi nhiều lần lấy chị làm tấm gương sách tấn huynh đệ:

“Phật tử Diệu Ân tinh tấn còn hơn mấy chú ở chùa. Mấy chú chớ có xem thường. Mai này qua cầu giải thoát, hàng Phật tử tinh tấn thì bước trên cầu. Còn người xuất gia mà giải đãi biếng trễ thì phải đi ở dưới... Có học có hành càng phải chuyên tu mới thành tựu đạo quả.”

Chị rũ áo mưa ngoài hành lang, nhìn qua thấy tôi liền gật đầu chào:

“Dạ! Diệu Ân chào sư chú.”

Tôi vừa cạo xong chòm tóc để thọ sa di. Vì Sư huynh là trụ trì, nên Phật tử đến chùa thường gọi tôi là sư chú.

Hai hôm rồi chị không đến chùa. Chị vừa trở về sau chuyến đi làm từ thiện từ miền cao nguyên lạnh giá...

Thấy chị xách giỏ trái cây đi ngang phòng khách lên chánh điện, tôi khẽ reo lên:

“À! Phật tử Diệu Ân đi cứu trợ vùng xa còn mang quà về cúng chùa. Mà chị mua chi nhiều vậy.”

Chị cười, vẻ rạng rỡ thành kính:

“Dạ Diệu Ân mua ít trái cây, trước cúng Phật, sau để quý thầy

và mấy chú dùng...”

“Có cả hoa tươi Đà Lạt và hoa bất tử nữa...”

“Dạ... giò hoa cúng cho con bé. Nó rất thích hoa bất tử.”

Tôi lý sự:

“Chị ấy đã trở thành hoa bất tử... trong lòng người mẹ rồi còn gì.”

Chị trầm giọng lễ phép:

“Dạ! Vâng.”

Hai năm trước... cũng vào một buổi chiều mưa gió thế này, tôi ngồi tiếp một nữ tín chủ đến chùa với vẻ mặt sầu bi ủ rũ. Người phụ nữ có gương mặt dịu dàng, nhưng ánh mắt chất chứa cả bầu trời thương đau bị dồn nén đến tận cùng. Chị đưa tôi phong bì xin ghi tên cúng thất cho đứa con gái mới mất. À! Một người mẹ mất con. Thảo nào mà chẳng đau buồn. Tôi nhìn lướt qua. Còn trẻ thể mà đã sớm lìa xa cõi thế. Khi chị lên chánh điện lễ Phật, tôi len lén nhìn theo, chỉ là tò mò thôi. Chợt nghe lòng dấy lên một niềm thương cảm xót xa. Ngày tôi trốn gia đình đi xuất gia, mẹ thương nhớ khóc suốt một thời gian dài. Sanh ly đã vậy, tử biệt càng muôn phần thống thiết. Phật đã ví nước mắt chúng sanh nhiều hơn nước biển mà.

“Có người đến chùa vì lòng thâm tín mộ đạo, muốn học hỏi tu tiến. Có người muốn tìm sự bình yên tĩnh lặng trong giây lát. Cũng có người thất bại công danh sự nghiệp hay vì đau khổ tình trường mà tìm đến chùa để mong được khuây khỏa giải bày. Phật lắng nghe tất cả. Ánh mắt từ bi thương cảm của Phật xoa dịu hết những tâm hồn đau thương lạc lõng.” Tôi nhắm đọc câu mà lúc sinh tiền sư phụ thường dạy để suy nghiệm sự đời qua triết lý nhà Phật. Rồi tự nhiên thấy mình cũng là một... tiểu hành giả của Như Lai, có

trách nhiệm lắng nghe và giải bày bao niềm vui nỗi buồn của nhân thế.

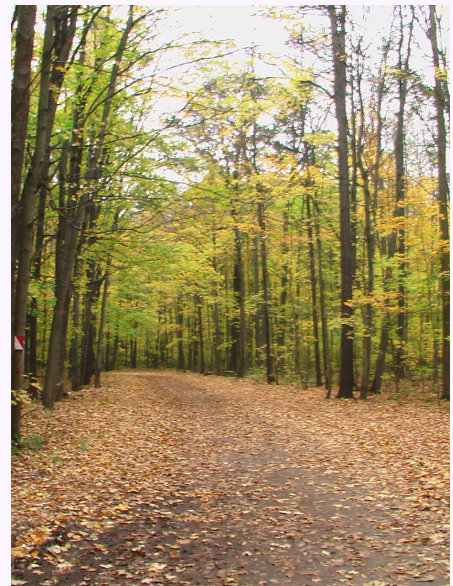
Lễ Phật xong, chị xuống phòng khách đưa cho tôi tấm hình cô con gái xin thờ lại trong chùa. Chị nhìn ảnh con, mắt đong đầy ngấn lệ:

“Tôi muốn thờ cháu ở nhà. Nhưng người ta bảo không nên. Cháu bị tai nạn chết trẻ quá, cần phải ở chùa để nghe kinh kệ. Tôi không thường đi chùa nên không hiểu biết. Xin thầy chỉ dạy... gia đình phải làm gì để vong hồn cháu được sớm siêu thoát. Vợ chồng tôi chỉ có mình nó. Nó là tất cả...”

Chị quay mặt ra sân như để cố kiềm chế một tiếng nấc. Tôi vội nói:

“Dạ! Ảnh cô cứ để đây, Minh Đăng sẽ thưa lại với thầy trụ trì... À! Cô gọi Minh Đăng là chú được rồi. Minh Đăng chỉ mới thọ sa di thôi...”

Chị không quan tâm điều tôi vừa nói. Lòng dạ người mẹ tan nát vì mất con thì gọi thầy hay chú có gì là quan trọng. Ngồi một lúc chị bắt đầu kể về cô con gái duy nhất của mình. Vợ chồng chị dành hết tình yêu thương, dồn bao tâm sức tiền bạc lo cho con ăn học trong điều kiện tốt nhất. Cô lớn lên trong cảnh ấm êm sung túc của gia đình, xinh đẹp, ngoan hiền và học giỏi các môn khoa học tự nhiên lẫn xã hội. Sau bao năm dùi mài kinh sử, cô tốt nghiệp đại học với văn bằng ưu tú, có việc làm tốt, lương cao. Vợ chồng chị rất tự hào và



hạnh phúc như bất cứ bậc cha mẹ nào nhìn thấy con mình thành đạt. Vậy mà niềm hạnh phúc ấy lại quá mong manh chóng vánh. Một buổi sáng đi làm, cô bị tai nạn rồi ra đi mãi mãi:

“Tôi bây giờ cũng như người chết rồi. Con mất. Chồng lâm bệnh. Tôi phải gắng gượng để làm điểm tựa cho chồng... chỉ còn biết đi chùa cầu nguyện...”

Đợi chị dứt xong câu chuyện bi thương, tôi bắt đầu vận dụng chút kiến thức Phật học mà mình có được để thuyết một bài pháp ngắn. Tôi nói rằng con người sanh ra đời không ai tránh khỏi định luật vô thường sanh diệt. Không ai - kể cả Phật có thể làm thay đổi cái định luật bất di bất dịch đó. Thời Phật tại thế, có người đàn bà ôm đứa con mới chết của mình đến xin Phật ra tay cứu sống. Bà chỉ có một mình nó. Và nó là tất cả cuộc sống của bà. Phật dạy bà đi xin một nắm tro của gia đình nào từ xưa tới giờ chưa từng có người chết. Bà đi tìm khắp, nhưng không nhà nào lại không có cảnh tang thương tử biệt. Thế là bà giác ngộ. Bà hiểu và chấp nhận hoàn cảnh bất hạnh của mình. Từ đó bà hướng lòng về Phật pháp...

Chị ngồi yên, mắt dán chặt vào di ảnh con. Chị đang lắng nghe hay còn mãi đắm chìm trong nỗi suy tư sầu muộn. Tôi không thể nhận biết nên đành tiếp tục bài thuyết pháp của mình. Ngoài trời mưa gió. Trong căn phòng nhỏ, tôi cất giọng đều đều cổ để lẫn áp cơn mưa giông đang âm ỷ trong lòng người mẹ. Chị lắng nghe mà vẻ mặt thờ thẩn ngây dại của người chìm trong mộng du. Tôi nói rằng trên đời này không có gì đau khổ hơn khi tre già phải khóc măng non. Mất một đứa con, lại là con một, thì sự sống của mẹ cũng chết dần chết mòn. Nhưng người chết rồi thì không thể sống lại. Lòng thương con lúc này cần phải chuyển theo chiều hướng thiết thực hơn để mong cứu rỗi vong linh người mới mất. Trong vòng bốn chín ngày vong hồn người chết còn vất vưởng chờ vợ. Đây là lúc mà người thân trong gia đình cần đến chùa tụng kinh, chí thành khẩn nguyện cầu siêu bạt độ, làm điều phước thiện hồi hướng công

đức. Có như vậy thì người còn kẻ mất đều có phần phước đức...

Dù chị lắng nghe tôi với lòng thành kính hay vì phép lịch sự thì ít ra chị cũng có đôi chút am hiểu tình ngộ. Tối hôm đó... chị đến chùa với nhang đèn hoa quả bày trước bàn linh rồi ở lại tụng kinh. Suốt bốn chín ngày, trên bàn linh cô gái trẻ lúc nào cũng đầy hoa tươi, bánh trái, khói hương nghi ngút. Người mẹ làm những gì có thể làm cho đứa con gái vẫn sống. Sáng chị đến chùa, đứng lặng trước di ảnh con. Chiều tối chị lên chánh điện, quỳ lạy Phật và nghe quý thầy tụng kinh. Cúng chung thất con xong, chị vẫn đến chùa mỗi tối. Hai năm rồi, bước chân đi về của chị đã trở nên quen thuộc dưới mái chùa. Tiếng tụng kinh của chị cũng hòa nhập ngân vang trong một không gian ấm cúng đạo tình.

Thấy chị thường đến một mình, tôi hỏi:

“Sao chị không dẫn ông nhà đi tụng kinh luôn?”

Chị đáp nhỏ nhẹ:

“Ông thích lắm, nhưng bệnh không thể ngồi lâu được... chú à. Ông thích đọc và nghiên cứu kinh sách của mấy chú cho mượn...”

“À! Mà chị đọc những sách đó có hiểu không?”

Tôi hỏi vì biết mấy chú nhà mình thường cho chị mượn nhiều bộ kinh sách mang tính triết lý sâu xa.

Chị trầm ngâm gật đầu:

“Dạ, Diệu Ân đọc lúc rảnh rỗi, có hiểu đôi chút.”

“Nghe nói Diệu Ân có đi làm từ thiện.”

Chị cười nhũn nhặn:

“Dạ đâu có gì... chỉ là đi theo mấy chị bạn cho vui.”

Chị đi làm từ thiện cho vui... với cả tấm lòng nhiệt tình và cũng thường xuyên vào các ngày cuối tuần. Chị tìm tới những khu dưỡng lão, viện mồ côi xa tít



ngoài vùng ven. Chị cũng đến những các buôn làng nằm trên các rẻo cao thưa vắng. Mỗi chuyến đi là mỗi tầm nhìn được mở rộng. Mỗi chuyến đi giúp chị nhận thức rõ hơn bức tranh muôn màu của kiếp sống nhân sinh... Chị có được những giây phút tĩnh lặng trước cảnh đồng quê sông nước hữu tình. Chị thích thú ngắm nhìn bao vẻ đẹp nên thơ của núi đồi hùng vĩ. Và chị cũng xúc động thật nhiều khi đối diện với những mảnh đời bơ vơ khốn khổ. Ngày qua ngày, những chuyến đi đã phần nào xoa dịu nỗi đau mất con của người mẹ. Chị hiểu rằng trên cuộc đời này còn rất nhiều người bất hạnh hơn mình. Chị yêu thương cuộc đời bằng cả tấm lòng sẻ chia thành thật.

Gian phòng khách là nơi cất chứa thực phẩm gạo mì và cả áo quần cũ mà tôi tiếp nhận từ các mạnh thường quân. Cuối tuần chị tới chùa cùng nhiều nguồn hàng quynh góp của bạn bè thân quyến. Tất cả được đóng gói và chuyển lên xe. Những chuyến xe đưa chị cùng bạn bè trong nhóm từ thiện đi đến những nơi cần đến. Trong giỏ sách chị đựng đầy các tài liệu in ra từ các bài kinh nhật tụng, các bài sám... những bài giới thiệu về phương pháp dưỡng, chế độ dinh dưỡng:

“Chị in tài liệu này để phát cho người ta à?”

“Dạ! Diệu Ân in mấy bài kinh sám ngắn để các cụ già dễ đọc dễ thuộc. Còn phương pháp dưỡng sinh thì dạy cho các em thanh thiếu niên, giúp chúng bảo vệ bản thân và môi trường sống trong điều kiện tốt nhất.”

Hạt sương biển cả

Hạt sương xin tặng Người

thơ



*Hạt sương e ấp tinh khôi
Rơi trên kẽ lá vào đời trắng trong.
Mơ thầm một kiếp phiêu bồng,
Gọi mời nắng ấm thông dong thiên hành.*

*Sương mai nắng chờ long lanh,
Ngân hà ẩn hiện trời xanh vô thường.
Gió về ôm lấy mây nguồn,
Trùng dương lớp lớp mưa tuôn tuyết vơi.*

*Cúi đầu ơn nước lên ngôi,
Giọt mưa ngọt lịm rơi rơi đậm đà.
Cam lồ rười rớm rừng già,
Hoa đàm tươi mát hiện ra mỉm cười.*

*Đại dương đất đá mây trời,
Nằm trong hạt nước đầy vơi khôn cùng.
Bao la biển cả nghìn trùng,
Cuối ghềnh bọt nước vỡ tung ba đào.*

*Nụ cười bay vút lên cao,
Hạt sương hóa kiếp tan vào thái không.
Mênh mông...
Mênh mông...*

CHÂN MINH TRÍ

Thiền viện Lộc Uyển

“Chị biết phương pháp dưỡng sinh?”

“Trước đây Diệu Ân có phụ trách bộ môn dưỡng sinh ở câu lạc bộ thể thao Quận.”

Tôi liền gợi ý:

“À! Vậy Diệu Ân đến dạy cho mấy chú tập dưỡng sinh mỗi sáng đi. Mấy chú nhà mình chỉ biết lo học, không chú ý đến vấn đề thể dục thể thao, giữ gìn sức khỏe gì hết.”

“Dạ... Nếu mấy chú thích thì Diệu Ân sẽ dạy.”

Tôi lắc đầu:

“Nói vậy thôi. Chị đưa tài liệu cho mấy chú tập là được rồi. Trông chị nhỏ nhắn thế mà ban ngày đi làm, tối tụng kinh, cuối tuần còn đi làm từ thiện. Thời giờ sức lực đâu mà chịu nổi. Lại còn công việc nhà nữa.”

Chị cười:

“Sức tối đâu làm tới đó chứ có nhiều nhận gì đâu sư chú. Diệu Ân từng đến các trại phong cùi, đến những nơi điều trị các căn bệnh hiểm nghèo của xã hội. Có rất nhiều y bác sĩ và cả những vị tu sĩ trẻ đang dẫn thân vì người

bệnh suốt cả ngày đêm. Các vị làm việc trong môi trường dễ bị lây nhiễm mà chẳng chút bận tâm, ghê sợ. Ánh mắt nụ cười của các vị luôn niềm nở bao dung. Lòng từ bi thúc các vị dẫn thân phục vụ chúng sanh không chút vụ lợi. Họ chính là Bồ Tát hiện thân trong đời...”

Tôi gật đầu:

“Vâng! Bồ Tát hiện thân trong đời với nhiều tâm nguyện và hình thức khác nhau. Họ là những vị tu sĩ, những người mang màu áo trắng blu thánh thiện, và những người cư sĩ giàu tâm đạo như chị đều là Bồ Tát...”

Chị lắc đầu:

“Dạ thưa... Diệu Ân đang tập sự làm một cư sĩ tại gia bình thường chứ nào dám phát nguyện hành Bồ Tát đạo...”

Tôi cười:

“Thì chúng ta cũng là những người đang tập sự. Những vị Phật, Bồ Tát tương lai trong đời thường...”

* * *

Thấy chị xuống nhà xe chuẩn bị mặc áo mưa ra về, tôi hỏi vói theo:

“Diệu Ân không ở lại tụng kinh sao?”

“Dạ tối nay Diệu Ân xin phép nghỉ tụng một bữa. Có mấy đứa cháu dưới quê lên chơi. Ông nhà đang bệnh. Mấy hôm rồi vắng nhà... Tuần tới lại theo đoàn bác sĩ từ thiện xuôi về miền sông nước...”

Tôi bắt đầu thuyết giảng:

“Đi làm từ thiện hay ở nhà mà giữ được tâm an lạc thanh tịnh cũng là tu rồi, chị ạ! Người hành Bồ Tát đạo thì ở bất cứ đâu cũng tu được.”

Chị cười. Nụ cười hiền lành tự tin của người luôn biết vượt qua chính mình. Chị đang dò dẫm trên lối về- theo cách ví von của chị. Nhưng trên mỗi lối về của chị có nhiều hoa thơm cỏ lạ, ươm mầm cho bao niềm tin và lẽ sống ngày mai.

Bóng nhỏ chiều thu khuất dần sau làn mưa mây lất phất bụi mù.

Lam Khê

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

TƯỢNG PHẬT TỪ TỜ DI CHÚC
CỦA NGƯỜI ĐÀN BÀ PHÁP*Huyền Lam*

Buổi chiều đi làm về, điện thoại nhà reo, người đàn bà Mỹ muốn gặp Mẹ tôi. Bà đưa địa chỉ, ngày giờ gặp bà để trao cho Mẹ món đồ có người để lại trong di chúc. Mẹ nhìn địa chỉ rồi lẩm bẩm: chẳng lẽ người đàn bà Mỹ gốc Pháp mà hơn 10 năm trước mẹ giúp việc đã qua đời.

Bà Suzanne chúng tôi thường gọi là “bà Pháp,” là người thân duy nhất không phải gốc Việt của Mẹ tôi trong suốt hơn 20 năm sinh sống ở xứ người. Sau thế chiến thứ 2, cả gia đình mất hết chỉ còn bà và người Mẹ được một viên sĩ quan Hoa Kỳ đem qua Mỹ sinh sống. Lớn lên bà lập gia đình, người chồng là chủ nhân nhà máy luyện thép. Hai ông bà không có con, nên tiền bạc thời giờ dư thừa dành vào việc du lịch và sưu tầm đồ cổ. Chồng bà không may mất đi để lại một sản nghiệp to lớn và Mẹ tôi đến giúp việc cho bà. Bà rất kén chọn người làm. Bà khoái Mẹ tôi vì nói được chút ít tiếng Pháp và cùng thể hệ như bà. Công việc làm khá đơn giản, chỉ có nhiệm vụ hằng ngày cẩn thận lau chùi từng món đồ cổ trong toà biệt thự rộng lớn, làm càng chậm, tỉ mỉ bà càng khoái. Trước đây bà đã mướn nhiều người nhưng chẳng vừa ý ai. Mẹ tôi làm cho bà hơn 10 năm rồi xin nghỉ do tuổi đã già. Trong quá trình làm việc, bà Pháp ngày càng thương Mẹ hơn, bớt khó tính với người chung quanh. Bà tìm hiểu thêm đạo Phật rồi tập thiền. Những năm sau này do tuổi tác, không tiện đi lại nên Mẹ tôi và bà ít gặp nhau, chỉ còn thỉnh thoảng gọi điện thoại thăm hỏi.

Ngày cuối tuần, đúng theo hẹn, tôi chở Mẹ đến ngôi biệt thự. Gần đến nơi, đường xưa lổ cũ, Mẹ tôi bồi hồi ứa nước mắt. Bà quản gia đồng thời là luật sư ra đón chúng tôi. Cầm tay Mẹ, bà nói tuy chưa bao giờ gặp, nhưng bà biết rõ Mẹ từng ly từng tí qua lời kể lui kể tới của bà Pháp trong nhiều năm qua. Bà Pháp qua đời trong cơn truy tìm cách đây 2 tháng, âm thầm lặng lẽ không mấy ai hay biết ngoại trừ vài người làm việc tại biệt thự.

Trong căn nhà rộng lớn, đồ đạc ngổn ngang như sắp dọn đi. Nhiều thùng giấy chứa đồ cổ được niêm yết cẩn thận. Bà luật sư cho biết: Trong di chúc bà Pháp để lại, toàn bộ tài sản bạc triệu sẽ cho các hội từ thiện, toàn bộ đồ cổ cả mấy trăm món từ nhiều nền văn hoá khác nhau sẽ biếu tặng viện bảo tàng tiểu bang Oregon. Bà để lại vài món đồ lưu niệm cho vài người thân thiết, trong đó có Mẹ tôi. Lá thư riêng bà viết cho Mẹ kèm trong hộp đựng tờ di chúc có đoạn:

“...Chị để lại cho em bức tượng amber () Buddha dù không cổ xưa như những món đồ khác mà*

chị sở hữu, nhưng chị yêu quý nhất vì trong amber Buddha có chị có em. Hơn mười năm qua, mỗi ngày chị nhìn bức tượng lại nghĩ đến em.

Ngày ấy, em tới làm cho chị, khi đi ngang bức tượng em đều dừng lại mỉm cười, khuôn mặt em thoát ra nét an lạc lạ lùng. Mỗi lần em lau chùi bức tượng, em chấp tay thành kính rồi lau chùi trong niềm hạnh phúc. Chị nhìn em làm việc, thầm tự hỏi mình đang sở hữu tài sản lớn lao, nhưng chị có được nét bình thản như em?

Cũng từ đó chị tò mò nhìn bức tượng, dần dần khám phá ra được giá trị đạo Phật... đã giúp chị sống vui hơn, ý nghĩa hơn, bớt cô đơn hiu quạnh trong tuổi già.

Chị nhớ mãi những chén cháo em nấu, dứt cho chị ăn trong những lần bị cúm. Dù không phải việc của em nhưng em gói trọn tình thương chăm sóc cho chị... Những lúc ấy chị muốn làm trẻ con và em là bà mẹ với khuôn mặt dịu dàng từ ái...”

Bà luật sư trao cho Mẹ một thùng đựng nhiều món đồ được bao bọc kỹ lưỡng, trong đó có tượng Phật làm bằng amber màu đỏ. Mẹ tôi nâng niu, ôm bức tượng to lớn vào lòng và sống trong những giây phút đầy cảm xúc và hạnh phúc nhất. Nước mắt Mẹ tuôn tràn và bà luật sư cũng sụt sùi khóc.

Mẹ tôi đặt tượng Phật vào nơi cao quý nhất trong nhà. Tượng có năng lực lạ kỳ. Mỗi lần nhìn vào, hơi ấm như toả ra ban cho ta niềm an lạc, ấm áp. Bà Pháp tuy qua đời, nhưng một phần năng lực của bà được tái sinh, luân hồi qua bức tượng. Nhìn đến tượng Phật, Mẹ tôi nghĩ đến con người tốt của bà Pháp đã cống hiến toàn bộ tài sản cho hội từ thiện. Đàn con của Mẹ tôi, bạn bè đến nhà trầm trồ khen bức tượng lại được dịp biết về bà Pháp. Và hôm nay tôi kể câu chuyện bức tượng cho các bạn nghe, “năng lượng tái sinh” của bà Pháp sẽ lan rộng bao xa khó nào ai biết được. Chết không có nghĩa là mất tất cả, luân hồi, tái sinh là điều có thật.

(*) Amber là kết tinh của nhựa cây qua hằng triệu năm dưới lòng đất. Tiếng Việt hình như được gọi là hổ phách.



Một pho tượng Phật Giáo tạc bằng thiên thạch đã được khám phá từ năm 1938

Hoang Phong biên soạn

Lá thư tháng 10/2012 của Viện Nghiên Cứu Phật Học (Institut d'Etudes Bouddhiques) tại Pháp có đưa một tin khá... "hấp dẫn"! **"Một pho tượng Tây Tạng... từ trên trời rơi xuống!"** Thật ra thì đây là một câu chuyện khá kỳ thú đã được các hãng thông tấn và báo chí trên thế giới đưa tin. Hai bản tin tiêu biểu nhất được chuyển ngữ dưới đây là của Viện Nghiên Cứu Phật Học tại Pháp và của tờ hợp báo chí *Le Monde*.



(Hình của AFP, Elmar Buchner / Stuttgart)

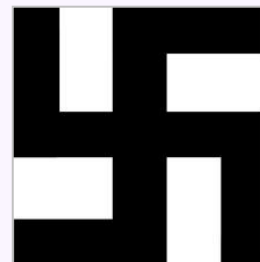
1- Bản tin của Viện Nghiên Cứu Phật Học tại Pháp

Một pho tượng Tây Tạng... từ trên trời rơi xuống!

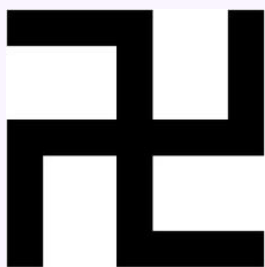
Câu chuyện cứ tưởng như là trong một cuốn phim mạo hiểm giả tưởng của Indiana Jones thế nhưng lại là chuyện có thật! Theo một bài báo trên tập san chuyên ngành *Meteoritics and Planetary Science* ("*Thiên Thạch và Hành Tinh Học*") thì các nhà thiên văn học người Đức vừa cho biết là có một pho tượng Phật Giáo tạc bằng thiên thạch xưa một ngàn năm đã được một phái bộ thám hiểm của Đức Quốc Xã trước đây đã khám phá vào năm 1938 ở

Tây Tạng. Các khoa học gia đặt tên cho pho tượng này là "Người bằng Sắt", bởi vì pho tượng chỉ cao 24 phân thể nhưng lại cân nặng đến 10 Kí-lô. Pho tượng biểu trưng cho Vaisravana, là vị "Vua Phật Giáo nơi Phương Bắc", và người Tây Tạng thì gọi là Jambhala (*Đa Văn Thiên / tiếng Hán: Douwen-tianwang / tiếng Nhật: Bishamon-ten, là một vị thần Phật Giáo rất được nhiều người biết đến*).

Pho tượng được một phái bộ khoa học Đức Quốc Xã khám phá vào năm 1938 ở Tây Tạng, khi họ đến đây để dò tìm nguồn gốc của "giống dân Arya" (*chữ Arya trong tiếng Phạn có nghĩa là những người cao cả. Người Đức Quốc Xã tự cho mình là thuộc vào giống dân siêu việt này và đã gửi phái bộ đến đây để dò tìm gốc gác của tổ tiên họ*). Người ta vẫn chưa biết rõ trong trường hợp nào pho tượng này lại bị nhóm người Quốc Xã tóm thu, có thể là vì lý do trên bụng của pho tượng có khắc một chữ Vạn (Swastika) thật lớn, và chính ký hiệu này đã khiến cho phái bộ Đức chú ý nên đã mang pho tượng này về Đức (*chữ Vạn cánh quay về phía phải - dextrorotation - được sử dụng để biểu thị cho chủ nghĩa Quốc Xã từ năm 1920. Chữ vạn với cánh quay sang bên trái - levorotation - là một biểu thị Phật Giáo thường thấy khắc trên các pho tượng Phật và các vị Bồ-tát. Thật ra thì dấu hiệu này đã xuất hiện vào khoảng 2500 năm đến 3000 năm trước công nguyên ở nhiều nơi trên địa cầu và thuộc nhiều nền văn hóa khác nhau*). Sau khi mang về Đức thì pho tượng được lưu trữ tại thành phố Munich trong một bộ sưu tập tư nhân, và đã được đem ra bán đấu giá vào năm 2007. Nhờ dịp này mà pho tượng mới được các khoa học gia biết đến. Một nhóm chuyên gia của Viện Hành Tinh Học thuộc đại học Stuttgart (*của Đức*) dưới sự hướng dẫn của giáo sư Elmar Buchner đã nghiên cứu pho tượng "Người bằng Sắt" này và khám phá ra là tượng được tạc từ một khối thiên thạch (*đá từ trên trời rơi xuống địa cầu*) thuộc loại giàu chất sắt và rất hiếm.



Chữ Vạn – Swastika của Đức quốc xã



Chữ Vạn - Swastika của Phật giáo

2- Bản tin của báo Le Monde (28.09.2012)

Số phận lạ lùng của một pho tượng Tây Tạng tạc bằng thiên thạch đã bị những người Đức Quốc Xã đánh cắp

Quả thật đây là một câu chuyện đầy kịch tính: câu chuyện về một pho tượng Tây Tạng được tạc bằng thiên thạch và đã bị những người Đức Quốc Xã đánh cắp. Trang web của nhật báo *The Guardian* ngày thứ sáu 28 tháng 9 năm 2012 đã đưa tin về một pho tượng nhỏ xưa một ngàn năm, mang tên là **"Người bằng Sắt"** biểu trưng cho vị thần Vaisravana - một vị thần Phật Giáo bảo hộ cho xứ Tây Tạng.

Vào thập niên 1930 pho tượng này bị đám quân cận vệ SS của Hitler (*SS là cách gọi tắt của chữ SchutzStaffel, tên gọi của đám cận binh được thành lập để bảo vệ Hitler và chủ nghĩa Phát Xít*) đánh cắp. [Thời bấy giờ] Các người Phát Xít Đức rất quan tâm đến Tây Tạng và đã gửi người đến đây để dò tìm nguồn gốc của "giống dân Arya" (*mà họ cho là giống dân thượng thặng thuộc "tổ tiên" của họ*). Pho tượng cao 24 phân, mang ký hiệu hình chữ thập Swastika - một dấu hiệu của Ấn Giáo và Phật Giáo biểu trưng cho sự may mắn và trường tồn, và đồng thời cũng biểu trưng cho bánh xe của sự hiện hữu (sinh, khổ đau, chết và tái sinh).

Theo báo *The Guardian* thì pho tượng đã được giấu kín trong một bộ sưu tập tư nhân và đã được đem ra bán vào năm 2007. Sau đó pho tượng được đưa đến trình với Tiến sĩ Elmar Buchner của đại học Stuttgart ở Đức để nhờ phân tích. Kết quả là: pho tượng được tạc từ một khối thiên thạch thuộc vào nhóm ataxite - "*một loại thiên thạch vô cùng hiếm hoi đã rơi xuống địa cầu*". Khối thiên thạch này rơi xuống mặt đất cách nay khoảng 10.000 đến 20.000 năm trong một vùng nằm vào ranh giới giữa Đông Tây-bá-lợi-á (Siberia) và Mông Cổ. Khối thiên thạch chỉ lọt vào tay người Tây tạng về sau này và đã được tạc thành tượng vào khoảng thế kỷ thứ XI, tức là vào thời kỳ mà Phật Giáo đang trên đà phát triển mạnh mẽ ở Tây Tạng và lần ắt hẳn tôn giáo cổ truyền của xứ này là đạo Bön (*đạo thờ cúng các thần linh*). Theo báo *The Guardian* thì Tiến sĩ Buchner cho biết rằng nếu câu chuyện khám phá trên đây được xác nhận thì chắc chắn là pho tượng sẽ phải biểu trưng cho "*một giá trị vô song và độc nhất trên thế giới*".



Có thể xem thêm:

- Báo "The Guardian" (tiếng Anh): <http://www.guardian.co.uk/world/2012/sep/28/nazi-buddha-statue-carved-from-meteorite>
- Viện Nghiên Cứu Phật Học của Pháp (tiếng Pháp): <http://www.bouddhismes.net/node/1261-->
- Báo "Le Monde" (tiếng Pháp) : <http://bigbrowser.blog.lemonde.fr/2012/09/28/>
- Báo "La Croix" (tiếng Pháp): http://www.la-croix.com/Semaine-en-images/Le-bouddha-decouvert-en-1938-se-revele-etre-taille-dans-une-meteorite-_NG_-2012-09-27-858420- v.v...

Bures-Sur-Yvette, 03.10.12
Hoang Phong biên soạn

Ba Mẹ và Nó

Thích nữ Giới Định

Sinh ra đời đã mấy mươi năm rồi nhớ lại chuyện xưa, muốn viết về cuộc đời Nó. Cách đây cũng xa rồi, nghe mẹ Nội kể, ra đời được ba tháng thì mẹ nó bị bệnh nặng phải vào bệnh viện. Nó được mẹ nội và mẹ ngoại nuôi, nên chưa từng được bú sữa mẹ như bao đứa trẻ khác. Đây cũng là một bất hạnh cho đời Nó. Vì ngày xưa con trẻ sinh ra đều nhờ sữa mẹ, chứ không phải văn minh như bây giờ uống đủ các thứ sữa đâu!

Nó vẫn lớn lên như mấy chị nó, không có gì trở ngại, nhưng càng lớn thấy càng xa cách mẹ nó. Nhà bây giờ cũng kha khá. Ba nó đi lính Việt Nam Cộng Hòa trong thời chiến tranh nên ít khi ở nhà. Gia đình có mướn hai người giúp việc, săn sóc mấy chị em nó và một người gia sư dạy mấy chị em học hành. Mẹ thì không biết làm chi hết: từ nhỏ đến lớn chưa bao giờ thấy mẹ lo lắng cho một đứa mô, thật là vô tư. Ba đi hành quân lâu lâu mới về nhà một lần, dẫn con đi cắt tóc, sắm áo quần, mua dép giày mới, mỗi lần đến mùa học mới ba mua cặp mới, bao sách vở cho mấy chị em. Nhìn ba nó cũng thương ba lắm và tuy là còn nhỏ, nó cũng cảm nhận được tình thương của ba nó, nhưng ba rất nghiêm và hay nổi nóng nên nó cũng sợ ơ là sợ. Nhất là những lần ba dò bài trước khi đi học, mà không thuộc thì phải quỳ ở góc nhà học khi mô thuộc mới cho đi đến trường. Từ nhỏ nó chỉ nhận được tình thương, vỗ về từ ba nó. Đến bây giờ nói về tình mẹ nó cũng không cảm nhận được như thế nào, chỉ hiểu qua sách vở văn thơ mà thôi; cho nên mỗi lần nói về tình mẹ nó cũng thú nhận là không biết chi hết. Nó nghe người ta nói con trẻ mà không có uống sữa mẹ thì tình thương giữa mẹ và con không đậm đà, thấm thiết. Biết bao lần nó nhìn mẹ coi thử mẹ có thương mình hay không, nhưng tìm một cử chỉ cũng không có. Rồi nó lại đi xa, tình thương gia đình càng xa cách, một năm mới gặp lại một lần nhưng trong vài mươi phút nó lại đi. Nó sống

một nơi an ổn, lo học hành không có nhiều thì giờ để nghĩ ngợi bâng quơ.

Thích nhất là ba đi hành quân về, nó được cho mặc áo quần mới để đi đón ba, vì đồn lính của ba gần nhà nó, ba về chở hết tụi nhỏ trong xóm lên xe jeep đi ăn chè bắp ở Cồn Hến. Chè ở đây thiệt là ngon, nghe người ta nói như vậy chứ hồi đó còn nhỏ nó cũng không biết ngon hay dở, chỉ biết đi với ba là vui rồi. Những ngày có ba ở nhà nó vui lắm, vì giờ tan trường có ba chờ ở cổng trường, chạy ù tới leo lên xe được ba chở đi dạo phố, đi mua bánh kẹo, nó cũng hãnh diện với bạn bè là mình cũng có ba như các bạn khác. Ông nội nó có năm người con trai đều đi lính Việt Nam Cộng Hòa, hết ba chú đã hy sinh khi tuổi đời mới hai mươi mấy, ba mươi. Mẹ nội thì đau đớn ngất lịm, ôn nội thì sưng sờ trước sự ra đi liên tiếp của con trẻ, nhưng nhờ thâm tín Tam Bảo mà mọi đau thương cũng theo tháng ngày nguôi dần. Một chú là sĩ quan đi tù cải tạo về cũng tìm đường vượt biên, bây giờ đang định cư tại Mỹ, còn ba nó cố bám mảnh đất quê cha mà sống.

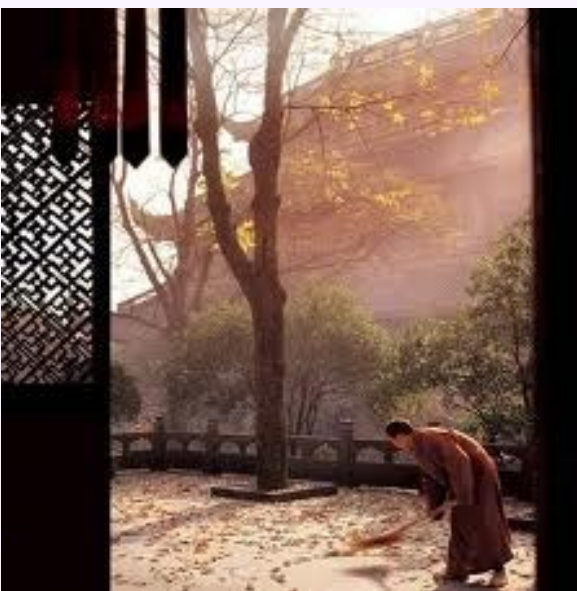
Trở lại với dĩ vãng xưa: Gia đình sống bình thản, dùng một cái 30-4 -1975 mất nước, ba nó lại nhọc nhằn lo tìm phương sinh kế, hết bán thứ này lại buôn thứ kia, chạy ngược chạy xuôi, người ba đã nhỏ lại càng nhỏ hơn, tóc ba nó đã điểm muối tiêu. Lâu lâu nó về thăm nhà, ba rất mừng nhưng có một lần nó đã làm cho ba rất giận khi nó không chịu ở lại nhà để ngày mai cúng kỵ mẹ nội. Ba nó la lớn tiếng, nó cứng đầu, cuối cùng ba phải xin lỗi, nó mới chịu ở lại. Ôi thật là đứa con quá ư bất hiếu. Rất ít về thăm ba, có chăng thỉnh thoảng gởi món quà nhỏ biểu ba mẹ, tuy không nói nhiều nhưng mỗi lần có việc không vui ba nó thường

hỏi thăm động viên cho nó vững thêm tinh thần. Những lúc trong cuộc sống có nhiều vấp ngã, nó muốn buông tay cho rồi nhưng nghĩ đến ba, đến những người từng cứu mạng, nó đứng lên và tiếp tục đi, tuy bây giờ cũng chỉ là một tên vô danh tiểu tốt.

Lần về chào ba mẹ, anh chị em để đi xa, cả nhà đưa nó ra phi trường, nó vui buồn lẫn lộn; nhìn ba, nó biết ba buồn nhiều lắm. Ba dặn dò đủ thứ, đi xa cẩn thận, nhớ giữ gìn sức khỏe, đến nơi nhớ gọi điện thoại... Còn mẹ thì vẫn vô tư như thuở nào. Nó đi khoảng một tuần thì ba bệnh, nhưng nhờ cứu chữa kịp thời, nên thời gian ngắn ba nó cũng đã bình phục, nhưng lỗi tai thì không còn nghe được; ai nói gì cũng viết xuống giấy, nó gọi điện thoại về ba nó cũng không còn nghe, hoàn cảnh không cho về thăm được, nôn nóng lắm nhưng cũng đành chịu. Ở xa nó thường nghĩ về gia đình, nhớ mọi người, nhớ những kỷ niệm thời thơ ấu, nhớ từng ngõ ngách trong căn nhà nội nó... Khi trở về thì ba đã không còn minh mẫn sau một cơn tai biến; lúc nhìn ra nó lúc thì không. Nó nhìn ba mà nước mắt cứ tuôn trào, bao nhiêu ân hận làm trĩu nặng lòng nó, nếu về sớm thì có phải tốt hơn không!

Một đêm mưa gió bão bùng, ba nó đã ra đi, nhưng rất thanh thản nhẹ nhàng. Nó ngồi bên cạnh niệm Phật cho ba từ tối đến sáng. Nó đã cùng với người thân đưa ba vào





quan tài, lúc đó nó không còn khóc được nữa mà lòng quặn thắt. Đám tang ba một tuần sau nó lại ra đi khi mồ ba chưa xanh cỏ. Thấy mẹ khóc nó tự hỏi "Không biết vì ba mất mà khóc hay nó đi xa mà khóc", nhưng nó tự an ủi, chắc là khóc cho ba và cho nó, để biết rằng nó vẫn còn một người Mẹ có chỗ để hướng tâm về.

Bây chừ ba đã không còn trên thế gian này nữa. Những kỷ niệm về ba chỉ còn trong trái tim của nó. Mỗi ngày ni nó bình mỗi lần nhìn lên bàn thờ ba, nó lại khóc, nhưng nó tin rằng ở một nơi xa xôi nào đó ba vẫn nghe được lời tâm sự của nó, và gia hộ cho nó luôn bình an.

Trời đã khuya, một mình âm thầm lặng lẽ, nó lịm dần trong cơn đau. Một giấc mơ đẹp đã đến với nó: mơ thấy ba về cho nó uống thuốc, lau mặt cho nó, dẫn đi thăm Nội như những ngày ba từ chiến trận trở về khi nó còn thơ; mơ thấy đến trường gặp thầy gặp bạn, nó vui lắm.

Khi bừng tỉnh nó nghe tiếng chuông chùa cạnh nhà đang ngân vang trong đêm trường tịch mịch, khiến lòng thật thanh thoát, nhẹ nhàng. Vầng hồng đã ló dạng, một ngày mới bắt đầu, vạn vật chuyển mình sau một đêm lặng thinh. Hy vọng một ngày mới có nhiều tươi sáng hạnh phúc để hiến tặng cuộc đời.



THIỆN VIỆN CHÂN KHÔNG
Nalanda Buddhist Study Center
Trung Tâm Tu Học Nalanda

20372 Devonshire Street, Chatsworth, CA 91311. Tel. (818) 477-0221/ Email : thichdongtri@yahoo.com

CÁC SINH HOẠT ĐỊNH KỲ TẠI THIỀN VIỆN CHÂN KHÔNG

1/ **Công Phu Sáng** : lúc 6:00 am

2/ **Công phu Tối và thuyết giảng** : lúc 7:30 pm, trừ đêm Chủ Nhật (nếu Sám Hối rơi vào đêm Chủ Nhật thì vẫn cử hành), sau mỗi công phu tối có phần chia sẻ Phật Pháp đặc biệt là vào các đêm thứ 6 và thứ 7

3/ **Mỗi Chủ Nhật** :

6:30 am : Sám Hối

10:45 am Cúng Ngọ

11:30 am : Pháp Thoại

12:15 pm : Tiễn Linh

1:30 pm : Lớp Việt Ngữ

4:30 pm Thí Thực Cô Hồn

4/ **Sám Hối vào mỗi đêm 14 và 30** (đêm 29, nếu là tháng thiếu) và 6:30 am sáng Chủ Nhật

5/ **Mỗi tháng có 1 Khóa Tu Phật Thất**, thời gian từ 6:30 am – 4:00 pm (Quý vị ở xa có thể đến tham dự kể từ 9:00am)

Các Khóa Tu Phật Thất tiếp theo trong năm

Nhâm Thìn sẽ là:

25/11, 23/12 năm 2012 và 20/01/2013



CON NGƯỜI ĐƯỢC SANH RA TỪ ĐÂU?

(tiếp theo trang 13)

III.- XUẤT THÂN CỦA NGHIỆP TƯỚNG:

Nghiệp tướng từ đâu sanh ra? Có thể khẳng định, nghiệp tướng không phải do cha mẹ sanh ra, nguyên vì những đứa con của họ hoàn toàn không giống cha không giống mẹ và mỗi đứa con tự nó có nghiệp tướng riêng biệt, so sánh thì không giống hết nhau về hình tướng. Nghiệp tướng cũng không phải do tinh cha huyết mẹ sanh ra, nguyên vì tinh cha huyết mẹ với cái nhìn của Duy Thức gồm bốn yếu tố vật lý đã vừa đối nghịch nhau mà cũng vừa hòa hợp nhau để cùng nhau hình thành; bốn yếu tố vật lý này giả sử tách rời riêng rẽ nhau thì mỗi yếu tố tự nó không thể trưởng thành và chúng không hòa hợp nhau thì tinh cha huyết mẹ nhất định không thể thành lập; bốn yếu tố của tinh cha huyết mẹ gồm có: đất (xương thịt), nước (máu huyết), gió (chuyển động), lửa (nhiệt lượng) và mỗi yếu tố đều có nghiệp tướng (pháp tướng) riêng khác để duy trì trạng thái bất biến của mình trong tư thế hòa hợp; như vậy trong bốn loại vật lý này nơi tinh cha huyết mẹ loại nghiệp tướng nào là yếu tố chính tạo thành hình tướng của con người? Không lẽ hình tướng con người lại do cả hình tướng của bốn loại yếu tố vật lý khác biệt nhau vừa trình bày tạo nên? Những câu hỏi trên tức là đã gián tiếp trả lời rằng tất cả đều không phải như thế.

1)- Nguồn Gốc Sanh Ra Nghiệp Tướng:

Nghiệp Tướng theo Duy Thức Tam Thập Tụng Luận của ngài Thế Thân chính là do ba Thức Năng Biến (tam năng biến) tạo nên. Năng Biến thứ nhất là Thức Dị Thục (tên khác của Thức A Lại Da thứ tám), Năng Biến thứ hai là Thức Tư Lương, (tên khác của Thức Mạt Na thứ bảy) và Năng Biến thứ ba là Thức Liễu Biệt Cảnh (tên khác của sáu Thức Trước). Chính bài mở đầu của Duy Thức Tam Thập Tụng Luận đã xác nhận: "Do giả thuyết ngã pháp, hữu chủng chủng tướng chuyển, bị y thức sở biến, thử năng biến duy tam, vị Dị Thục Tư Lương, cập Liễu Biệt Cảnh Thức", nghĩa là lý do: giả sử nói đến ngã đến pháp nào thì có các thứ tướng của ngã đó của pháp đó chuyển biến hiện ra, Năng biến này có ba loại, là Thức Dị Thục, Thức Tư Lương và Thức Liễu Biệt Cảnh. Chữ Năng Biến nghĩa là có khả năng chuyển đổi và biến hiện từ hình tướng này qua hình tướng khác, chuyển đổi và biến hiện theo nghiệp lực hướng dẫn để xây dựng vạn pháp thành hình tướng, còn nghĩa bóng là có khả năng sáng tạo ra nghiệp tướng theo nhu cầu của nghiệp lực quyết định để làm mô thức cho việc xây dựng vạn pháp thành hình tướng. Liễu Biệt là hiểu biết riêng biệt khác nhau, nghĩa là trong sáu Thức Trước từ Nhãn Thức cho đến Ý Thức thứ sáu mỗi Thức hiểu biết mỗi cảnh riêng biệt khác nhau. Ba loại Thức Năng Biến nói trên sanh ra Nghiệp Tướng

như thế nào?

a)- Năng Biến Thứ Ba:

Trước hết chúng ta đem Năng Biến thứ ba ra thảo luận để có khái niệm cụ thể về nghiệp tướng. Năng Biến thứ ba chính là Thức Liễu Biệt Cảnh, tức là chỉ cho sáu Thức Trước (Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức và Ý Thức) và sáu Thức này, mỗi Thức chỉ có khả năng hiểu biết hiện cảnh riêng biệt không quan hệ nhau và cũng không thể thay thế cho nhau để có hiểu biết nên gọi là liễu biệt. Theo Duy Thức Học, vạn pháp trong vũ trụ có hai loại, một loại thuộc về thế giới vọng hiện phát sanh từ thế giới chân như và một loại thuộc về thế giới nghiệp duyên phát sanh từ thế giới vọng hiện. Thế giới chân như được gọi là thế giới pháp tánh mà cũng gọi là thế giới chân như pháp tánh và thế giới này cũng có tên khác nữa là thế giới viên thành thật tánh. Còn thế giới nghiệp duyên Duy Thức Học gọi là thế giới pháp tướng và cũng gọi là thế giới duyên sanh hoặc là thế giới pháp tướng duyên sanh. Điều đáng chú ý, Thức Năng Biến thứ ba chỉ có khả năng hiểu biết được thế giới nghiệp duyên pháp tướng và chúng bất lực không thể hiểu biết đến thế giới chân như pháp tánh.

Riêng về thế giới pháp tướng duyên sanh của nghiệp duyên, mỗi pháp dù lớn như địa cầu, trăng sao, v.v... và nhỏ như lông, tóc, vi trần, v.v... tuy rằng chúng do nhân duyên sanh qua bảy Đại, nhưng tất cả đều là biểu tượng sáu khía cạnh cho sáu Thức nhận thức và thân ảnh. Sáu khía cạnh biểu tượng của mỗi pháp trong vạn pháp gồm có sắc trần, thanh trần, hương trần, vị trần, xúc trần và pháp trần. Cho đến con người cũng thế nghĩa là cũng biểu tượng đối tượng sáu khía cạnh nói trên đối với sáu Thức Trước. Trong sáu trần đối tượng đây, Pháp Trần chính là tánh chất, giá trị, và ý nghĩa của năm trần kia đã được Ý Thức thứ sáu nhận thức tổng hợp để tạo thành nghiệp tướng cho mỗi con người cho mỗi pháp trong vạn pháp. Nghiệp tướng của Ý Thức thứ sáu nhận thức gọi là Ảnh Tử Nghiệp Tướng tức là hạt giống nghiệp tướng ảo giác. Những ảnh tử nghiệp tướng này được Thức Mạt Na thứ bảy cất giữ và quản lý trong Tạng Thức (Thức thể A Lại Da) để làm nhân tướng cho kiếp sau thành hình tướng con người, thành hình tướng vạn pháp. Ý Thức thứ sáu nếu như không có để ý vào bất cứ đối tượng nào thì những đối tượng đó không có nghiệp tướng lưu ảnh. Ý Thức thứ sáu như máy chụp hình và chụp tất cả những cảnh tượng bên ngoài nếu như nó ưa thích và những cảnh tượng bên ngoài đó bao gồm cả con người, cả cảnh vật. Ý Thức thứ sáu nếu như để ý người nào thì chụp hình người đó, để ý cảnh vật nào thì chụp hình cảnh vật đó và những hình ảnh của nhân vật nói trên được Thức Mạt Na thứ bảy mang vào quản lý trong kho Tạng Thức với danh nghĩa là cuốn phim chủng tử nghiệp tướng để chờ đợi đến khi nào gặp được duyên sẽ làm nhân tướng hiện thành hình tướng ở kiếp sau. Cuốn phim chủng tử nghiệp tướng mà Thức thứ sáu để ý thân ảnh trong đó bao gồm có cả hình ảnh nghiệp tướng của Thức Mạt Na thứ bảy tướng tượng sáng tạo. Cụ thể hơn con người để ý đến ai thì hình bóng người đó in sâu vào tâm thức của họ không bao giờ mất nếu như họ không

xóa, cả đến cảnh giới cũng thế không khác. Hình bóng người đó, hình bóng cảnh giới đó bao gồm hình bóng hiện cảnh của những pháp vô thể chất (những pháp không có sức sống) do Thức Mạt Na thứ bảy tưởng tượng tạo nên, tất cả đều là nghiệp tướng và cả hai loại cũng do sáu Thức Trước nương theo hiện cảnh tạo ra. Muốn rõ vật đề nghiệp tướng đây xin xem “Khảo Nghiệm Duy Thức Học” quyển I cùng một tác giả.



nhân chưa tác dụng xây dựng các pháp kết thành hoa trái. Thức này còn có tên nữa là Thức Căn Bản, nghĩa là Thức này làm nền tảng căn bản, làm miếng đất (tâm địa) phát sanh ra vạn pháp trong thế gian; con người không có Thức này hiện hữu sẽ bị hoại diệt, vạn pháp không có Thức này góp mặt sẽ bị tiêu vong; địa cầu, trăng sao, v.v... nếu không có Thức này nhúng tay vào cũng sẽ bị

tan biến. Muốn rõ Thức này xây dựng vạn pháp như thế nào xin xem “Khảo Nghiệm Duy Thức Học” quyển II cùng một tác giả sẽ rõ hơn, nhưng ở đây chỉ bàn đến trên lãnh vực nghiệp tướng mà Thức này tạo dựng. Sự tạo dựng nghiệp tướng của Thức này như thế nào?

Theo Duy Thức Học, Thức này nương theo hai lãnh vực để kiến tạo nghiệp tướng làm mô thức cho việc xây dựng vạn pháp thành hình tướng trong thế gian. Hai lãnh vực nói trên gồm có: thứ nhất là thế giới vọng hiện của Pháp tánh và thứ hai là thế giới nghiệp duyên của Pháp tướng nơi hiện tượng; hai lãnh vực đây là điều kiện tất yếu trong việc tạo hình Nghiệp Tướng.

2)- Thế Giới Pháp Tánh Vọng Hiện:

Thế giới Pháp Tánh gọi cho đủ là thế giới Chân Như Pháp Tánh. Thế giới pháp tánh là chỉ cho thế giới của chư Phật trong mười phương an trụ mà thế giới này theo trong các kinh đức Phật cho là thế giới thường trụ tịch tịnh, không sanh không diệt, không nhơ không sạch, không tăng không giảm và có tên khác nữa là thế giới Vô Dư Niết Bàn. Còn thế giới hiện tượng sanh diệt tăng giảm ô nhiễm trong thế gian theo đức Phật chính là thế giới đại mộng được phát sanh từ thế giới chân như pháp tánh kia, trường hợp đó cũng giống như thế giới mộng mơ được phát sanh từ thế giới hiện tượng giả tạo này. Chúng ta khi sống trong mộng mơ không biết mình đang mộng và đến khi tỉnh mộng mới biết mình nằm mơ; thì đây cũng vậy, chúng ta hiện tại đang sống trong đại mộng mà vẫn cho mình và cảnh vật chung quanh mình là chân thật, nhưng khi giác ngộ thành Phật thì mới biết mình đã đắm mê trong giả cảnh. Thử đặt câu hỏi: Thế giới chân như pháp tánh giả sử không có thật, chỉ có khái niệm trong tưởng tượng thì chúng ta tu hành rồi kết quả sẽ thành gì? Không lẽ chúng ta tu hành cho lắm rồi cuộc đời cũng sẽ trở thành một khối năng lượng vô hình vô tướng trong không gian? Đức Phật Thích Ca hiện giờ ở đâu, còn tồn tại hay không còn tồn tại? Nếu như Ngài còn tồn tại thì phải có cảnh giới để Ngài an trụ và nếu như Ngài không còn tồn tại thì chúng ta cần gì phải tu hành cho uổng công phí sức? Theo Kinh Pháp Hoa, Đức Phật Thích Ca hiện vẫn còn tồn tại với một Pháp Thân và hiện cư trú nơi cõi Thế Giới Ta Bà Tịnh Độ thuộc Bốn Môn

Tóm lại Nghiệp Tướng của con người được sanh ra từ đâu hoặc do ai tạo nên có thể khẳng định chính là do sáu Thức Trước một trong ba Năng Biến nương theo hiện cảnh của thế giới nghiệp duyên duyên sanh mà tạo hình để làm mô thức nhân tướng cho con người kiếp sau; thế nên sáu Thức Trước theo Duy Thức Học gọi chung là Thức Năng Biến thứ ba.

b)- Năng Biến Thứ Hai:

Năng Biến thứ hai là chỉ cho Thức Mạt Na thứ bảy và Thức này còn có tên là Tư Lương. Tư Lương nghĩa là so đo chấp trước và bản chất của Thức này ngoài sự so đo chấp trước ngã pháp còn có tánh hay tưởng tượng nên gọi là ý tưởng. Ý tưởng khác với Ý Thức, Ý Thức là một loại tâm thức hay quan tâm những sự việc về tánh chất, ý nghĩa và giá trị của một sự vật để có nhận thức; còn Ý Tướng là một loại tâm thức hay tưởng tượng những sự việc không thấy rồi phát họa tạo thành sự thật, như tưởng tượng Địa Ngục, Thiên Đường, Thổ Địa, Táo Quân, Thằng Cuội, Hằng Nga trên cung trăng, v.v... rồi viết sách ca ngợi tôn vinh.

Các pháp vô thể chất trong thế gian thuộc thế giới pháp tướng như lầu đài, thành phố, phi thuyền, người máy, bông giả, v.v...; những tác phẩm như, tiểu thuyết, truyện ngắn, thi ca, văn nghệ, v.v...; những nghệ thuật như, hình tượng, tranh ảnh, trang trí, v.v... tất cả những hiện tượng đó đều được xây dựng qua Ý Tướng phát họa của Thức Mạt Na thứ bảy để làm đối tượng nhận thức cho sáu Thức Trước. Sáu Thức Trước nương theo những đối tượng đó thân hình thành nghiệp tướng để làm nhân tướng cho chúng sanh kiếp sau. Tóm lại những nghiệp tướng dùng làm mô thức cho việc xây dựng tất cả pháp thuộc vô thể chất thành hiện tượng pháp tướng trong thế gian đều do Thức Mạt Na Năng Biến thứ hai tưởng tượng sáng tạo. Đây là Năng Biến thứ hai tạo ra nghiệp tướng để làm đối tượng nhận thức cho sáu Thức Trước nương nơi đó xây dựng thành hình tướng trong thế gian.

c)- Năng Biến Thứ Nhất:

Năng Biến thứ nhất là chỉ cho Thức A Lại Da thứ tám và Thức này có tên khác là Thức Dị Thục. Dị Thục nghĩa là chưa chín muồi, chưa tác dụng để thành kết quả. Thức Dị Thục là đứng trên lập trường nhân quả mà đặt tên, nghĩa là Thức này còn ở trạng thái hạt

cũng gọi là Thế Giới Niết Bàn Tịch Tĩnh; còn Đức Phật Thích Ca sanh ở Ấn Độ là thuộc về Hóa Thân của Tịch Môn để hóa độ chúng sanh. Tịch Môn nghĩa là Đức Phật Thích Ca sanh ra ở Ấn Độ có chứng tịch, có lịch sử mà không phải là huyền thoại tưởng tượng. Bấy nhiêu câu hỏi đó cũng đủ xác định giá trị thế giới chân như pháp tánh.

Đầu tiên Tạng Thức vọng hiện cảnh giới tướng Y Báo trang nghiêm công đức và nhân tướng Pháp Thân thường trụ thanh tịnh của chư Phật mười phương trong thế giới chân như pháp tánh, điều đó cũng tương tự như hồ nước mùa thu vọng hiện cảnh giới trắng sao huyền ảo. Thức Di Thực kiến phần của Tạng Thức (Thức A Lại Da) như đó một mặt căn cứ theo nhân tướng pháp thân và cảnh giới tướng y báo vọng hiện của chư Phật nơi thế giới chân như pháp tánh nói trên, cải biến theo nhu cầu của nghiệp lực (Khởi dẫn nhân) tạo ra Nghiệp Tướng kiểu mẫu để xây dựng con người và vạn pháp trong thế giới Pháp Tướng của nghiệp duyên; còn mặt khác, Thức Di Thực lại y cứ nơi thế giới chủng tử nghiệp tướng của nghiệp duyên đã chứa sẵn trong Tạng Thức qua sự thâm ảnh của sáu Thức Trước, liên cải biến làm kiểu mẫu theo nhu cầu của nghiệp lực để tiếp nối xây dựng con người và vạn pháp kế tiếp của thế giới nghiệp duyên. Thức Di Thực cứ liên tục sanh hoạt như thế theo nhu cầu chỉ đạo của nghiệp lực lưu chuyển lên xuống mãi mãi trong ba cõi không bao giờ chấm dứt. Đây là Năng Biến thức nhất một trong ba Năng Biến tạo ra nghiệp tướng để làm nhân tướng cho thế giới nghiệp duyên.

IV.- KẾT LUẬN:

Qua sự trình bày trên, con người có thể đi đến kết luận chính xác là do Nghiệp Tướng tạo thành hình tướng. Sự tốt xấu cao thấp, v.v... của con người chính là do nghiệp tướng quyết định và các yếu tố khác, như tinh cha huyết mẹ chỉ có khả năng hiện hữu và trưởng thành trong phạm trù của nghiệp tướng quy định. Tất cả pháp trong vũ trụ cũng đều giống như thế, nghĩa là không thể thoát khỏi ảnh hưởng phạm trù của nghiệp tướng để tự lập hiện hữu. Nhiệm vụ của nghiệp tướng nhằm mục đích phân định sự khác biệt không lẫn lộn giữa con người với các chúng sanh khác, giữa người này với người khác, giữa chúng sanh này với chúng sanh khác. Nghiệp tướng quan hệ chặt chẽ với nghiệp lực trong môi trường nhân quả để định mức giá trị thiện ác, tốt xấu, an lạc hay khổ đau của cuộc đời. Bản chất của nghiệp tướng là một loại tập khí hoàn toàn ảo giác đã được nội kết từ thế giới vọng hiện cũng như từ thế giới nghiệp duyên để làm mô thức cho việc kiến trúc sanh mạng con người và vạn pháp nối tiếp hiện hữu trong thế gian.

Kẻ tạo ra nghiệp tướng chính là ba loại Thức Năng Biến. Thức Năng Biến thứ nhất là Thức Di Thực, tên khác của Thức A Lại Da, Thức này căn cứ nơi thế giới vọng hiện của chân như pháp tánh thiết lập thành nghiệp tướng ảo giác để xây dựng thế giới nghiệp duyên. Thức Năng Biến thứ hai là Thức Tư Lương, tên khác của Thức Mạt Na, Thức này dựa



theo sở thích của nghiệp lực tạo dựng những nghiệp tướng vọng tưởng để trang bị cho thế giới nghiệp duyên theo nhu cầu của nghiệp quả. Thức Năng Biến thứ ba là Thức Liễu Biệt Cảnh, tên khác của sáu Thức Trước, Thức này dựa theo cảnh giới của thế giới nghiệp duyên thiết lập thành nghiệp tướng ảo giác để tiếp nối xây dựng nghiệp quả kế tiếp nơi thế giới nghiệp duyên.

Để xác định một lần nữa với câu hỏi đã được đề cập ở trên, con người nhất định được sanh ra từ nghiệp tướng, nếu như không có nghiệp tướng thì không có con người hiện hữu trong thế gian và chẳng những con người mà cho đến vạn pháp đều cũng giống như thế, nghĩa là vạn pháp muốn hiện hữu trong thế gian thì không thể không có nghiệp tướng.

Thích Thắng Hoan

NHỮNG KINH LUẬN THAM KHẢO

- * *Kinh Pháp Hoa* dịch giả Hòa Thượng Thích Trí Tịnh
- * *Bát Nhã Tâm Kinh qua cái nhìn của Duy Thức* tác giả Thích Thắng Hoan
- * *Khái Luận Về Pháp Tướng Duy Thức Học* tác giả Đại sư Thái Hư, dịch giả Thích Thắng Hoan
- * *Khảo Nghiệm Duy Thức Học* quyển I và quyển II tác giả Thích Thắng Hoan.
- * *Nghiệp Báo* do Đại Đức Nārada Mahā Thera giảng tại Kỳ Viên Tự, Sài Gòn năm 1959
- * *Lịch Sử Phật Giáo Ấn Độ* tác giả Hòa Thượng Thích Thanh Kiểm
- * *Duy Thức Học* tác giả Hòa Thượng Thích Thiện Hoa
- * *Quan Niệm Triết Học Của Duy Thức* tác giả Pháp Sư Pháp Phảng, dịch giả Thích Thắng Hoan.